Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng cho Kho Sách Xưa Quán Ven Đường


# PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM-CỔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

**Tòa-soạn :** 283 *Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307*

NĂM THỨ V — BỘ MỚI SỐ 77 — 1-4-1962



1.— *Sinh viên du học* . . . . . Nông Bằng Giang 6 — 9
2.— *Bức thư Paris* . . . . . Nguyễn văn Cần 10 — 12
3.— *Lễ cải táng nhà anh hùng Mai xuân Thưởng* Quách Tấn 13 — 17
4.— *Trận « chiến thắng » cuối cùng (truyện ngoại quốc)* . . . . Trần Tử Thuận 18 — 24
5.— *Buồn bến nhỏ (thơ)* . . . . . Hữu Phương 25
6.— *Đêm buồn (thơ)* . . . . . Mạc Lệ Kiều 26
7.— *Nhân vật xuân thu* . . . . . Thiếu Sơn 27 — 32
8.— *Những áng thơ hay* . . . . . Thầm Thệ Hà 33 — 39
9.— *Tuấn, chàng trai nước Việt* . . . . . Nguyễn Vỹ 40 — 44
10.— *Tem thư Quốc-tế* . . . . . Đinh Điền 45 — 49
11.— *Hoen vết, thao thức (thơ)* . . Triên Triên, Hoàng Ân 50
12.— *Ký giả thuở trước* . . . . . Tế Xuyên 51 — 55
13.— *Bỗng thoát (truyện ngắn)* . . . . Mỹ Khanh 56 — 61
14.— *Danh nhân thế-giới : Henri Bergson* . Tân Phong 62 — 67
15.— *Xuân cảm (thơ)* . . . . . Bà Song Thu 68 — 69
16.— *Mình ơi !* . . . . . Diệu Huyền 70 — 80
17.— *Gió loạn thời gian (truyện rút ngắn)* . . Phương Chi 81 — 89
18.— *Cổ thụ (thơ)* . . . . . Jaya Panrang 90
19.— *Bức tranh vân cầu* . . . . . Tâm Trí 91 — 92
20.— *Phổ Thông vòng quanh trái Đất* . . . Cô Xuân Anh 93 — 97
21.— *Ráng cân đáng đoán bài toán* . . . . . Ba Tèo 98 — 100
22.— *Thơ lên ruột* . . . . . Diệu Huyền 101 — 102
23.— *Sách báo mới* . . . . . Phổ Thông 103 — 104
24.— *Mồ hôi nước mắt (truyện dài)* . . . . Nguyễn-Vỹ 105 — 110
25.— *Đáp bạn bốn phương* . . . . . Diệu Huyền 111 — 130


★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các tài liệu của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)

★ Bài lại gửi không đăng, không trả lại.


- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp - chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

# sinh-viên

# DU HỌC

★ NÔNG-BẢNG-GIANG
*(Đại-học Osaka, Japan)*

NÓI đến sinh viên, nhiều người thường nghĩ đến đời sống cộng đồng tự do ở Đại-học. Cũng có người nghĩ đến tương lai, sự nghiệp. Có người lại nghĩ rằng sinh-viên chẳng những là người có cái vốn trí thức kha khá mà còn là những phần tử ưu tú của đất nước. Đấy là một vài ý nghĩ của đa số về sinh viên trong xã hội hiện đại.

*Sinh-viên hiện đại đang nghĩ gì ?* .— Người của thế hệ cũ thường thường có quan niệm thiển cận về sinh-viên. Chúng ta thường nghe họ nói rất nhiều về những chữ « bác-sĩ », « luật sư », « kỹ sư »... và trong câu chuyện thường nhựt sẽ được họ đệm vào những câu : « Con tôi nó học Bác-sĩ » hoặc « Con tôi nó học Dược-sư ». Sự thật thì đứa con may mắn tốt phúc nào của họ đó, chỉ mới bắt đầu bước vào giảng-đường đại-học, hay có thể đã tu trì nhiều năm ở lớp Lý - Hóa - Sinh. Chúng ta không nên trách họ, vì họ là những kẻ đang khao khát, muốn có sự trở thành tưởng-tượng của họ được hữn hiện tức thời. Quan niệm thiển cận về sinh viên của người thế hệ trước chúng ta đã quá đáng tiếc như thế, sinh viên ngày nay, tự họ, lại quá nông nổi.

Ngay sau khi đậu bằng tú tài phần I, họ đã có nhiều ước mộng. Lúc bấy giờ họ mơ và tưởng tượng đến đời sống phóng túng tự do của sinh viên. Tự họ đã muốn làm quen với đời sống sinh viên. Khi mộng sinh viên đã thành, chúng ta sẽ thấy ngay trên nét mặt họ những gì vui tươi nhứt của tuổi 18, 19. Sau « giấc mơ sinh viên », sinh viên sẽ xây nhiều ước vọng, mộng làm này... làm nọ..., tất cả những ước vọng trên ngưỡng cửa đại-học của sinh viên có thể xa vời, có thể thực-tế. Tất cả những nét vui tươi, tất cả những vẻ kiêu ngạo tự hào của người « sinh-viên mới » sẽ dần dần mất đi, để nhường lại những gì hoài nghi bàn khoăn nhứt. Họ mất đi lòng tự tin hiện tại, họ không tin ở họ, sự ấy đã đành, họ cũng không tin ở giáo-sư và họ cũng không tin ở tương-lai. Họ hoài nghi tất cả. Lòng hoài nghi của sinh-viên một phần lớn vì thực trạng đất nước và hoàn cảnh xã-hội. Nhưng hoàn cảnh đất nước hiện tại không làm cho sinh-viên hoài nghi bằng thực trạng của nền đại-học nước nhà. Mối hoài nghi của sinh-viên, sẽ dẫn đến nỗi buồn chán nản bằng cách không đi trường thường, họ sẽ sống một cuộc đời mà những ước vọng đã chết đi, những giấc mơ lý-tưởng đã gần như đổ vỡ. Họ sẽ phó mặc cho định mệnh, vì niềm tin đã mất, chỉ còn lại nỗi buồn tuyệt vọng chán chường.

Mặt khác, cũng có những sinh viên, dù niềm tin của họ trong một lúc đã mất đi, nhưng không vì thế mà họ từ bỏ những ước vọng cao đẹp. Chúng ta sẽ bắt gặp những sinh-viên này, — những kẻ nhiều tin tưởng, những kẻ muốn từ bỏ cái chán chường của hiện trạng để nuôi lấy một hoài vọng mới, một giấc mơ mới, — ở các phòng du học. Ở đây, mối hoài nghi của sinh-viên sẽ được diệt bỏ, hoặc giả lòng hoài nghi của họ sẽ rơi vào tình trạng tuyệt vọng gia tăng. Đối với những sinh-viên du học, họ tin tưởng nhiều vì họ được chọn trong những phần tử ưu tú. Hơn nữa, việc học của họ sẽ trở thành những cái cần thiết của xã-hội, họ là những nhu cầu cần phải có của kế hoạch 5, hoặc 7 năm.

Như chúng ta biết, sinh-viên Việt-Nam hiện tại ở ngoại-quốc không phải là ít, nhất là sinh-viên ở Pháp. Sinh-viên V.N. đi Pháp rất nhiều nhưng số về lại rất ít. Sở dĩ có tình-trạng này xảy ra là vì đời sống của sinh viên V.N. ở Pháp quá dễ dàng. Sinh viên tốt-nghiệp, ra trường được quyền làm việc như người công dân Pháp. Sinh viên ở Pháp dễ bị tuyên-truyền vì khối đối lập, và sinh viên đi Pháp mấy năm trước không bị ràng buộc bởi những thủ tục xuất ngoại. Nhưng sự thật mà nói, số sinh viên đi Pháp dễ bị sa ngã, số sinh viên đi rất đông, nhưng số sinh-viên tốt-nghiệp thành-công rất ít, vì lẽ đó mà chúng ta thấy có rất nhiều sinh-viên V.N. ở Pháp sống học cù bơ cù bất. Đấy là mối lo ngại băn khoăn nhứt, trong vấn đề gởi sinh-viên du học trong những năm vừa qua mà nhiều người đã bàn

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

đến. Sự thật thì vấn đề này, hiện tại gần như đã được giải quyết xong, vì có thể nói hầu hết những sinh-viên du học trong mấy năm gần đây, đều do Nha Tổng Giám-đốc kế-hoạch gởi đi, và sinh-viên du học đều bị ràng buộc bởi tờ cam đoan và các thủ tục du học xuất ngoại. Nhưng không phải chỉ trông nhờ vào tờ cam đoan ấy mà tin tưởng một trăm phần trăm là sinh-viên sẽ trở về sau khi tốt-nghiệp. Dù sao vấn đề sinh-viên du học trở về, cũng được đặt ra cùng một lúc với vấn đề chọn ngành cho sinh-viên du học.

Không ai có thể ý thức được rõ ràng tất cả các ngành học không phải là chuyên môn của mình. Như vậy làm sao một sinh viên có thể ý thức được chính-xác các ngành học. Hơn nữa quan niệm thông thường của người mình trong vấn đề kiến thức quá chật hẹp, và thực tế. Tôi lấy một thí dụ nhỏ, giả như một sinh-viên học về thống kê học (Statistics), ngư nghiệp chẳng hạn, thì người ta thường nghĩ đến cái tầm thường của một ông kế toán, công việc cộng, trừ, nhân, chia của anh thư ký, chứ người ta không bao giờ nghĩ đến sự cần thiết quan hệ của môn thống kê học trong tất cả mọi khoa học chuyên môn, về quân bị, toán học, kinh tế, thương mại, kỹ nghệ, giáo dục... và khi nói đến ngư nghiệp, người ta chỉ nghĩ đến công việc đánh cá, chài lưới của ngư ông mà quên nghĩ đến cái cần phải học của sinh viên về ngư nghiệp và tương lai của nó ra làm sao. Vì thiếu sự hiểu biết, nên mọi sự trở thành của họ cũng nông nổi như sự hiểu biết tầm thường, nông cạn ấy. Do lẽ ấy, tưởng cần phải có một ủy ban chuyên môn nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên sắp sửa xuất ngoại chọn ngành học, và giải thích sự cần thiết hữu dụng của các học môn chuyên nghiệp ấy. Ủy-ban nghiên cứu nầy sẽ gồm những ai đã có kinh nghiệm ít nhiều ở ngoại quốc đủ các ngành về :

1) *KỸ SƯ* : kiến trúc, cơ khí, điện học, hàng không, hầm mỏ, luyện kim, hóa học.

2) *VĂN KHOA* : văn chương ngoại quốc, triết học, sử học, tâm lý học, lão cổ học, ngôn ngữ học, mỹ thuật học.

3) *LUẬT* : dân luật, pháp chế sử, kinh tế, hình pháp...

4) *KHOA-HỌC* :

- A) *TOÁN-HỌC*
  - — Toán học Thuần túy.
  - — Áp dụng toán học
- B) *KHOA-HỌC VẬT-LÝ*
  - — Vật lý học.
  - —Thiên văn học.
  - — Địa chất vật lý học.
  - — Hóa học.
- C) *KHOA-HỌC ĐỊA-CHẤT*
  - — Địa chất học
  - — Khoáng vật học
  - — Địa lý học
- D) *SINH VẬT HỌC*
  - — Động vật học (Zoology)
  - — Thực vật học (Botany)
  - — Nhân loại học (Anthropology)

5) *Y KHOA*
- — Y khoa
- — Dược khoa
- — Nha khoa

6) *NÔNG HỌC*
- — Nông-Lâm học
- — Nông-Hóa học
- — Động - vật học
- — Thú y
- — Ngư nghiệp.

7) *KINH-TẾ HỌC*
- — Kinh-tế
- — Thương mại
- — Thống kê

Trên đây tôi chỉ đề nghị một ủy ban nghiên-cứu hướng dẫn một cách đại thể, chớ thật ra thì vấn-đề chuyên môn của mỗi khoa học, còn nhiều chi tiết phức tạp phải là người đã học qua mới có thể hiểu chính xác được. Đấy chỉ là nguyên tắc sơ khởi, để bắt đầu cho một ủy ban nghiên cứu các học môn chuyên nghiệp, chế độ giáo-dục chuyên môn của cấp đại học của các nước Mỹ, Nhựt, Pháp, Đức ngõ hầu sinh-viên dự định xuất ngoại, có thể dựa vào những tài liệu sách báo của ủy ban này để tham khảo học hỏi.

● *KỲ SAU* : **Thắc mắc của Sinh-viên Du-học.**

✡ NGUYỄN-VĂN-CỔN
(*Paris*)

*Khởi từ số này, ông Nguyễn-văn-Cổn gởi về mỗi kỳ một* **Bức thư Paris** *để có sự tiếp xúc thân mật thường xuyên cùng các bạn, về tất cả các vấn-đề văn-hóa. Chúng tôi thiết tưởng khỏi cần giới thiệu ông Nguyễn-văn-Cổn mà các bạn đã được thưởng-thức tài-năng và học thức qua các bài đăng trong Phổ-Thông.*

*N. V.*

*Paris, ngày 5-3-1962*

Bạn thân mến,

ĐÂY là « Bức thư Paris » đầu tiên của tôi. Tuy không cần phải đặt « viên đá trắng », tôi cũng mong nó sẽ đều đều, mỗi kỳ *tạp-chí Phổ-Thông* xuất bản.

Tôi rất cảm ơn anh Nguyễn-Vỹ đã cho tôi cơ-hội liên-lạc với bạn đọc *Phổ-Thông*. Tuy ở xa bạn kể hơn 12 ngàn cây số, tôi vẫn nhớ đến bạn, vì bạn là người Nước Tôi và luôn luôn gợi trong lòng tôi hình ảnh của Quê Hương.



Tôi tưởng trần-tình như thế là đủ rồi, nên tôi tự đặt vấn-đề là nói gì với bạn? Cột báo của Phổ-Thông không phải là chỗ để chúng ta bàn phiếm, vì vậy tôi không khỏi thắc mắc. Về những tin quan-trọng trên thế-giới, thì vô-tuyến-điện và điện-tín của các thông-tín-xã cho bạn và tôi cùng biết tin một lúc. Vậy có lẽ chúng ta phải thỏa thuận bàn đến những việc gì, tuy điện tín không chớp nhoáng đánh đi, nhưng vẫn có phần quan-trọng đối với tâm trí và nhân-loại.

Người ta đã từng thấy triết-học của Bergson, sự phát-minh của Einstein tuy không được điện tín chớp nhoáng báo tin, nhưng đã một phần nào thay đổi tâm trí con người và cuộc diện thế-giới.

Trước lịch-sử, năm mười năm chỉ là những mẩu thời-gian nhỏ nhặt. Trái lại, một xu-hướng hay một phong trào nghệ-thuật, xã-hội, là sự kết-thúc của bao nhiêu cố-gắng, hoạt-động và ảnh hưởng. Cuộc Cách-Mạng Pháp 1789 hay phong-trào triết-học «Aufklärung» tại Đức-quốc, là sự cấu-tạo của mầm gốc lý-thuyết phát-triển và thực-hiện trong quần chúng trong bao nhiêu « tuế nguyệt ». Những điện-tín chớp nhoáng không thể nào cho ta biết một cách châu đáo những phong-trào ấy. Muốn thấu hiểu những vấn-đề tương tựa như thế, chúng ta cần phải có đủ thì giờ để nghiên-cứu và thảo-luận, chẳng hạn như phân tách và vạch rõ những biện chứng duy-tâm và duy-vật, kê-cứu những sự-kiện lịch-sử và xã-hội đã kết-hợp để tạo nên một xu-hướng hay một phong trào. Nhưng xin nói ngay để bạn yên tâm: không phải kỳ nào tôi cũng chỉ nói về những vấn đề khắc khổ đâu! Tôi sẽ có những mẩu chuyện vui, bàn một quyển sách, hay một cuốn phim mới. Hơn nữa, Việt-kiều ở Pháp kể có hơn một vạn người, tôi sẽ nói với bạn công việc họ làm, sự cố gắng của sinh viên, những ước vọng, hay những vui buồn của họ.

Ngoài những việc ấy, bạn có thể viết thư cho tôi qua tạp-chí *Phổ-Thông* về những việc gì (đại-học, mực sống, sách, báo, phim v. v...) mà bạn muốn biết. Nếu

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường



có thể trả lời được, tôi sẽ vui lòng hồi âm bạn trong tạp-chí *Phổ-Thông*.

Đến đây, tôi xin tạm ngừng bút.

Trước khi chấm dứt, tôi xin gửi bạn hai câu thơ của Đặng-Trần-Côn, trong tập « Chinh-Phụ Ngâm » :

*« Thử ý xuân phong nhược khẳng truyền,*

*« Thiên kim tá lực ký Yên nhiên »*

mà bà Đoàn-thị-Điểm đã dịch như sau đây :

*« Lòng này gửi gió đông có tiện,*

*Nghìn vàng xin gửi đến non Yên »*

Non Yên của chúng ta, là núi sông của Việt-Nam yêu quí.

*NGUYỄN-VĂN-CỔN*
*(Paris)*

## ★ MỘT.. HAI .. BA...

*Một thanh niên mới nhập ngũ, cầm súng đứng gác trước trại. Trung-Úy chỉ huy đi ngang qua. Người tân binh chào, Trung-Úy đi khỏi, vẫn thấy người tân-binh đứng chào. Trung-Úy quay lại nói :*

*— Thôi, chào gì chào mãi vậy ? Tôi đã bảo anh chỉ chào trong thời gian đếm đủ một... hai... ba, rồi thôi.*

*Người tân-binh đáp :*

*— Dạ... dạ... dạ... thưa... thưa... Trung... Trung... Úy... Úy tại... tại... tôi... tôi... cà... cà... lăm... ạ.*



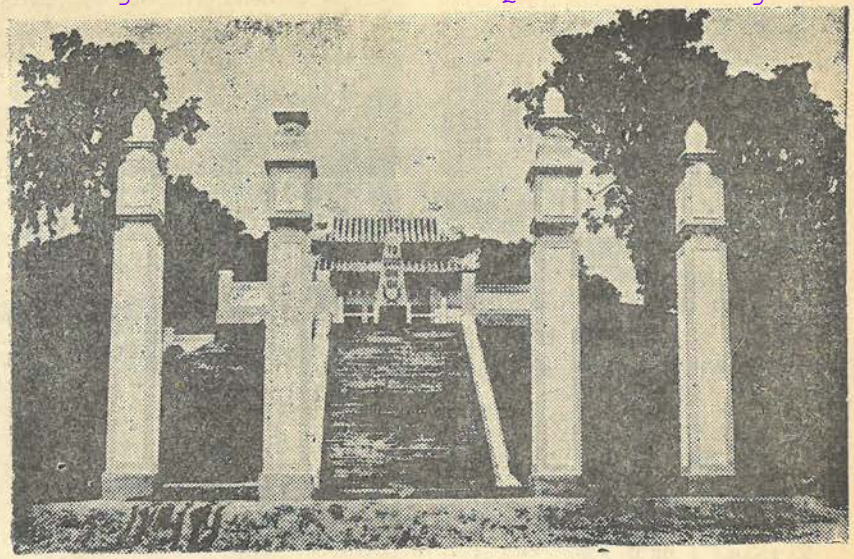

# LỄ CẢI TÁNG NHÀ ANH-HÙNG

# MAI-XUÂN-THƯỞNG

★ QUÁCH-TẤN

NHÀ anh hùng MAI-XUÂN-THƯỞNG, lãnh-tụ nghĩa-binh Cần-vương chống Pháp của bốn tỉnh Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-Hòa, Bình-Thuận, tuẫn-quốc năm Đinh-Hợi (1887). Hài cốt được đưa về chôn tại quê hương là thôn Phú-Lạc, quận Bình-Khê, tỉnh Bình-Định.

Bậc anh-hùng bị chính-phủ thuộc-địa Pháp và Triều-đình Huế kết tội là «Ngụy» là «Giặc», nên suốt thời Pháp-thuộc

không ai dám đến thăm viếng phần-mộ của ông, vì sợ bị tình nghi là có « dị ý ». Suốt thời Việt - Minh chiếm đóng Bình-Định, ông cũng bị lãng quên như thời Phong-Kiến Thực-dân.

Sau ngày Chánh - phủ Quốc-Gia tiếp thu tỉnh Bình-Định, nhân-sỹ và nhân dân quận Bình Khê chung công sức góp tiền-của xây lăng và đúc bia kỷ-niệm để tỏ lòng nhớ ơn một vị anh hùng đã hy-sinh vì dân-tộc và Tổ-quốc.

Lăng vừa xây xong, và ngày 22 tháng 1 năm 1962 vừa rồi, đã cử hành lễ lạc-thành lăng-mộ và lễ cải-táng nhà anh-hùng. Buổi lễ vô cùng long trọng. Có chánh-quyền tỉnh Bình - Định đến dự, và đồng-bào đến lễ-bái và cung-chiêm đông đến hàng vạn.

Buổi lễ chia làm hai phần :

Ngày 21, hốt cốt theo cổ-tục. Di-hài không còn gì nhiều, chỉ còn một ít mảnh xương chân, một hột nút huyết và một lớp đất đen mỏng.

Ngày 22, linh-cữu đưa từ mộ đến tân-lăng. Sau khi làm lễ theo nghi-thức tân - thời (đọc diễn văn khai mạc, đọc tiểu-sử, ông Tỉnh-trưởng đọc huấn từ khuyên đồng-bào và binh-sỹ noi gương anh dũng..., đáp từ, vân... vân...) thì trung - cốt được an-táng, và lễ tế-điếu theo cổ-tục được cử-hành.

● *Mộ ở giữa.*
— *Mộ chí ở trước.*
— *Bi ký ở sau.*

Lễ an-táng cũng như lễ hốt cốt, rất tôn-nghiêm và trọng-thể. Đồng-bào đến dự tuy đông đảo, song vì lòng sùng-bái anh hùng, ai nấy đều giữ trật-tự, nên không lộn-xộn ồn-ào.

Kết-quả buổi lễ thật là mỹ-mãn.

Mộ ngày xưa nằm về phía Bắc-ngạn sông Côn, đường giao thông không được thuận tiện.





Lăng ngày nay ở phía Nam-ngạn sông Côn, gần đường Q.L. số 19, trên một dãy gò cao, thuộc xã Bình - Tường, quận Bình-Khê.

Lăng trông nguy-nga, hùng-tráng.

Phía trước mặt có 4 trụ ba biểu cao vút. Muốn lên lăng phải trèo 26 bực cấp bằng đá xanh rộng-rãi. Khỏi bực cấp thì đến sân, hai bên có thành và chính giữa có đài kỷ-niệm chiến-sỹ trận vong với 4 đại-tự « Tổ Quốc ghi ơn » đắp nổi!

Qua khỏi đài kỷ-niệm thì đến tẩm. Tẩm là một ngôi nhà điệp-ốc, mái lợp ngói âm-dương, vách tô xi-măng ở phía ngoài và đắp granito phía trong, nền lót carreaux. Ngôi mộ nằm giữa nhà, phía trước có mộ-chí, phía sau có bi-ký.

Tẩm và sân đều có thành thấp bao-bọc.

Kiểu lăng là một kiểu tổng-hợp cũ và mới, rất mỹ-thuật, ngó đơn-giản nhưng thật trang nghiêm.

Đứng trên lăng trông ra bốn mặt, thì núi non trùng-điệp, đồng rộng sông dài. Những địa-điểm Mai-anh-hùng dụng binh ngày xưa đều trông thấy rõ. Và những làng-xóm phố - phường hợp cùng những cảnh thiên-nhiên, tạo thành một bức tranh vừa vĩ-đại vừa tú-mỹ. Địa-thế và phong-cảnh thật hợp với khí-tượng anh-hùng của Mai-công vậy.

Để bạn đọc biết rõ tiểu sử cùng tâm-sự của nhà anh hùng Mai-Xuân-Thưởng, tôi xin lục sau đây bài ký khắc nơi mộ và bài văn-tế đọc trong buổi lễ cải-táng, do thi-sỹ Quách-Tấn phụng thảo.

Những nỗi - niềm gởi-gắm trong hai bài văn, những công-cuộc xây lăng, cải-táng và cảnh đến dự lễ đông-đúc của đồng-bào... chứng tỏ rằng đối với những đấng anh hùng chí-sỹ vì dân-tộc vì tổ-quốc mà quên mình, thì người Việt-Nam nói chung, người Bình-Định nói riêng, luôn luôn ghi nhớ ơn đức. Lòng tri-ân, tùy hoàn-cảnh, có lúc thì bộc-lộ, có lúc thì ẩn-tàng, và lúc ẩn cũng như lúc lộ, bao giờ cũng bền-bỉ và chân - thành, bao giờ cũng đượm-đà và nguyên-vẹn.

● CỔ-BAN-NHÂN

## ☆ MAI-XUÂN-THƯỞNG

## MỘ CHÍ

*Đây an nghỉ*

*Bên lòng người Việt-Nam yêu nước.*

*Nhà anh hùng*

## MAI-XUÂN-THƯỞNG

*Ứng-hùng năm Canh-Thân (1860)*

*Tuẫn-quốc năm Đinh-Hợi (1887)*

●

## BI KÝ

Công,

Người thôn Phú-Lạc, quận Bình-Khê, tỉnh Bình-Định.

Tư-cách khác phàm.

Văn võ gồm đủ.

Năm Ất-Dậu (1885) kinh-thành thất-thủ, vua Hàm-Nghi xuất-bôn. Phụng chiếu Cần-vương, công dấy nghĩa-binh chống Pháp.

Lập mật-khu nơi Linh-Đồng,

Đắp chiến-lũy nơi Hương-sơn.

Thanh-thế lẫy-lừng. Các sỹ-phu tỉnh nhà đều ra phò-tá. Các tỉnh Phú-Yên, Khánh-Hòa, Bình-Thuận đều chịu quyền chỉ-huy.

Trên dưới một lòng,

Trong ngoài chung sức.

Lấy hỏa-mai dáo-sào đương cùng súng-trường đại-bác. Gian khổ nhưng kiên-trì. Lực yếu nhưng khí mạnh. Chiến đấu ba năm trời, khi thua khi được. Chí tiêm-cừu lòng địch-khái, được càng hăng, thua vẫn hăng. Những trận Đồng-Viên, Đồng-Vụ, Lục-Phú, Cầm-Văn... lòng dũng-cảm đức hy-sinh khiến quân địch phải khiếp phục.

Rồi quân giặc thêm viện-binh, bao-vi công-kích. Nghĩa-quân tuy đá vàng gan dạ, cũng phải lui dần trước nanh vút đối-phương. Và trải ba phảo đụt đạn xông, cuối cùng đại-bại trận Bàu-Sấu.

Binh tan tướng lạc, công đơn thân độc-mã vào Linh-Đồng, quyết gây lại lực - lượng diệt thù. Quân giặc truy tầm, nhưng không dò ra tung - tích. Tên ngoại-nô Trần-Bá-Lộc liền hạ độc-thủ : Tống lao thái - mẫu, thẩm-sát lương - dân, và ngày ngày bắt lý - hương hai thôn Phú-Lạc, Phú-Phong ra tra-tấn.





Tình-thế khó liệu cơ cứu-vãn, công không muốn kéo dài cuộc kháng-chiến để nhân-dân thêm nặng thương vong, bèn địch-thân đến cửa giặc nạp mình, ung-dung, khẳng-khái.

Khi ra pháp trường, hướng về Bắc lạy năm lạy từ-giã vua, hướng về Tây lạy bốn lạy từ-giã mẹ, rồi thản - nhiên bước lên đoạn-đầu-đài.

Hùng-dũng thay !

Nghĩa-liệt thay !

Truyền-thống nghìn xưa, thật công đã làm sáng tỏ trung-can nghĩa-khí của nòi giống.

Ôi !

Tuy bại mà vinh vậy.
Tuy chết mà không mất vậy.

Nhưng trên bảy mươi năm trời, bìm lau che khuất gương trung-dũng ! Nay ba-biều trăng soi, chim hạt đã bay về đậu, nên bàu cũ nêu cao cùng sông Côn núi Tượng, để hưng-khởi người hữu-tâm.

*Việt-Nam Cộng-Hòa tiết Trọng-Xuân năm Tân-Sửu (1961)*

NHÂN - DÂN QUẬN BÌNH - KHÊ

cẩn ký

**QUÁCH - TẤN**

Phụng-thảo

## ★ Ừ !

*Anh Minh có đứa cháu, ai gọi cũng « ừ », dầu nhỏ hay lớn.*

*Một hôm trước mặt mọi người, anh bảo nó : « Ai gọi, cháu phải « dạ » nghe cháu ».*

*Nó tươi cười đáp :*

*— Ừ !*

LƯƠNG-PHƯƠNG-BÁ

(*Nhatrang*)

TRUYỆN NGẮN NGOẠI-QUỐC

# TRẬN «CHIẾN-THẮNG» cuối cùng

★ TRẦN-TỬ-THUẬN

*Mễ-tây-Cơ là một quốc gia khá trù phú ở Nam - Mỹ. Vì thế, vào thế kỷ thứ 18, 19, các nước Tây phương như Tây ban Nha, Hoa-Kỳ, Pháp đều muốn làm chủ nước này và tất nhiên là họ phải dùng vũ lực để đàn áp. Nước Pháp là nước cuối cùng đã xâm lăng Mễ-tây-Cơ, đem một nhà quý tộc Áo là quốc công Maximilien lên làm Quốc Vương.*



*Maximilien ngồi chưa ấm chỗ thì dân Mễ tây Cơ nổi dậy. Dưới sự lãnh đạo của nhà ái quốc Benito Juarez, toàn dân Mễ tây Cơ đã anh dũng chống lại quân Pháp. Cuộc chiến đấu chính nghĩa thắng lợi, Maximilien bị bắt và bị xử tử, Juarez thành lập Chính thể Cọng Hòa ở Mễ-tây-Cơ.*

*Nước Cọng Hòa Mễ tây Cơ thành lập, việc bang giao Pháp—Mễ được cải thiện. Hai bên đặt liên hệ Ngoại giao ; Pháp thành thật kỷ niệm trận chiến bại Camaron mà ở đó một đơn vị Lê dương Pháp đã oanh liệt tử trận trước một binh đoàn Mễ tây Cơ hùng hậu gấp 100 lần và Mễ tây Cơ cũng không ngần ngại lấy trận chiến bại Puebla làm ngày kỷ niệm Quốc Khánh của quốc gia, gọi là ngày lễ Cinco de Mayo.*

*Trong ngày lễ Cinco de Mayo ấy, người Mễ đã đặt ra tục lệ diễn lại sự tích chiến đấu giữa Pháp và Mễ tây Cơ.*

*Một đoàn quân Pháp mang cờ Tam tài có thêu hình chim ó (quốc huy của Pháp dưới hai thời đế chính Nã phá Luân đệ Nhất và đệ Tam), bận quần phục thời cổ, do tướng Pháp Lorencez cầm đầu tiến lên... Ở đằng kia, một đoàn quân Mễ tây Cơ, mang quốc kỳ Mễ : lam, trắng, đỏ, do tướng Mễ Zaragoza chỉ huy xông lại... Đạn nổ rầm trời, hai bên giáp chiến. Cuối cùng, lẽ tự nhiên Pháp thua, Mễ tây Cơ đại thắng* **theo đúng với lịch sử !**

*Thế nhưng, có một lần, Pháp được « thắng trận ! » Câu chuyện do nhà văn hào Mễ ALFREDO IBARRA kể một cách rất ý nhị, cho nên kẻ viết bài này xin lấy câu chuyện của nhà văn hào viết lại để bạn đọc thưởng lãm.*

★

Ở thành phố Tlacotepec, người Mễ cũng kỷ niệm Quốc lễ Cinco de Mayo bằng cách diễn lại sự tích lịch sử trên. Diễn viên lấy ở trong các trường học của thành phố.

Năm ấy, thầy giáo dạy ở Tlacotepec là Don Joaquin, một nhà nghiên cứu có hai mối tình : tình yêu nước và tình yêu rượu. Nhờ rượu, Don Joaquin tỏ ra rất hùng hồn trong khi đọc diễn văn trong bất kỳ cuộc lễ nào. Don Joaquin lại đặc biệt đến việc diễn lại trận đánh Puebla trong lễ Cinco de Mayo. Cuộc lễ bắt đầu. Dĩ nhiên có diễn văn, có huấn từ, có diễn hành. Một cô gái tươi tỉnh, da ngăm ngăm theo màu da cố hữu của dân Mỹ châu La-tinh được cử ra làm

tượng trưng cho Tổ Quốc Mẹ Mễ Tây Cơ và một cô gái màu da xanh lợt lạt được cử ra tượng trưng cho nước Pháp : lần thứ Nhất, Pháp bị thua.

Sau diễn hành đến phần chiến tranh. Cậu học sinh đầu lớp được cử đảm nhận vai trò danh dự đóng đại tướng Mễ-tây-Cơ Zaragoza, người anh hùng chiến thắng và đạo quân Mễ gồm toàn học-sinh xuất sắc : một vai Trung-sĩ trong quân đoàn Mễ tức là một Bảng danh dự trong lớp học.

Đối diện với quân đoàn Mễ-tây-Cơ là quân Pháp gồm toàn thứ hoc sinh trời đánh, học rất dốt. Năm ấy cũng như năm trước, vai tướng Pháp lại được giao phó cho thằng Tripas, đứa học trò « dốt nhất thế giới ». Tripas, con một nhà nông, được cha mẹ cho tới trường vì không biết để hắn ở nhà làm gì. Và hắn cũng ít khi có mặt ở trường vì thường xuyên trốn học. Giá như không cần hắn để đóng vai tướng Pháp thì có lẽ Thầy Don Joaquin cũng tống cổ hắn đi từ đời nào rồi. Mà giữ Tripas lại cũng phải ! Vì không ai đóng tướng Pháp được bằng hắn, chịu đóng vai trò chiến bại vĩnh-viễn một cách nhẫn nhục bằng được hắn, chịu đấm, chịu đá một cách lặng lẽ.

Thế nhưng trong cuộc lễ, có việc sau là hắn ức lắm : đánh nhau xong, quân Mễ gồm toàn học trò giỏi được mời đến ăn tiệc ở Tòa Thị Chính với ông Thị trưởng, với các thân hào, các thầy giáo. Bữa tiệc hết sức linh đình, sang trọng. Được dự tiệc là một vinh dự. Trong khi ấy, linh Pháp, gồm toàn học trò dốt không được mời dự tiệc mà chỉ được phát mỗi người một ít bánh tortillas ăn không đủ no.

Tripas ức lắm. Hắn tự hỏi tại sao người ta lại cứ bắt hắn phải thua ? Phải ! nếu đánh nhau vì lẽ phải, sao hắn cứ phải chịu nhục mãi ? Hay đánh nhau để chơi thì tại sao lại có sự bất công kia ?

Tripas lớn dần và học vẫn

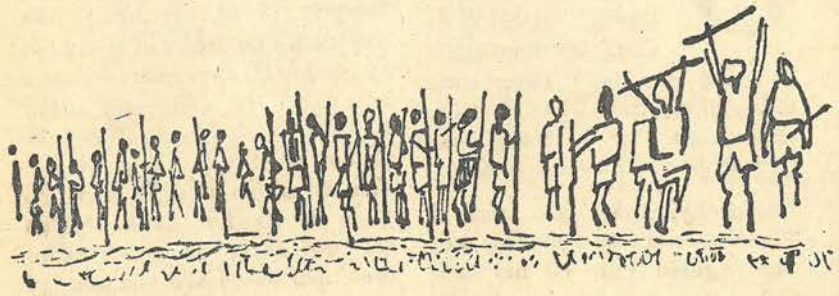

cứ « dốt nhất thế giới » nhưng hắn rất mạnh khỏe. Mới 12 tuổi mà hắn đã cao bằng thầy Don Joaquin.

Năm ấy, trước ngày lễ, thầy Joaquin gọi Tripas lên và nói :

— Này, năm nay, Thầy hy vọng rằng con thoát khỏi đóng vai tướng Pháp.

Tripas đáp :

— Thưa thầy, vâng !

Thầy Don Joaquin :

— Con có thấy rằng phải đóng vai trò ấy là xấu hổ không ?

Tripas :

— Thưa Thầy, vâng !

Thầy Joaquin :

— Khỏe mạnh như con thì phải đứng trong hàng ngũ những chiến sỹ của Tổ Quốc mới phải chứ. Thế nhưng, khỏe xác không đủ, còn phải mở mang trí tuệ, phụng sự Tổ Quốc bằng cách tập luyện cơ thể cho khỏe mạnh chưa đủ mà còn phải học tập. Tripas, hiểu không ?

Tripas :

— Thưa thầy, vâng !

Thầy Don Joaquin đâm cáu :

— Thưa thầy, vâng ! Thưa thầy, vâng ! Cái gì mày cũng vâng cả !..

Mày có hiểu gì không khi tao kêu gọi lòng yêu nước của mày ?

— Thưa thầy, có !

— Có gì, nói đi !

Tripas :

— Thưa thầy, đó là bữa tiệc !

— Bữa tiệc làm sao ?

— Thưa thầy, thật là không công bằng. Con chịu được đấm, đá và con cũng cố gắng để cho các anh kia khỏi bẩn áo, bẩn quần vì chúng học thì giỏi nhưng đánh nhau thì dỡ lắm. Nhưng sau khi đánh nhau thì chúng nó ăn tiệc sung sướng. Còn chúng con thì phải ăn bánh tortillas lạnh...

Mặc dù chúng con muốn thắng là thắng !

Don Joaquin ái quốc giận lắm. Thầy hét lên.

— Chúng mày thắng à ? Thế mày muốn thay đổi lịch sử và làm cho Tổ Quốc ta thất bại à ? Đồ khốn nạn ! Cút đi ! Cút về mà soạn sửa để hôm lễ mà đóng vai trò chiến bại ! Nhớ là chúng mày đừng hòng ăn tiệc ! »

Tripas lủi thủi ra về. Hắn uất lắm. Không phải hắn xấu. Hắn yêu thầy Joaquin nhưng bữa tiệc làm cho hắn bất bình.

Mấy tuần trước ngày lễ Cinco de Mayo, Tripas họp Bộ Tham Mưu của hắn gồm toàn là tụi học trò đầu bò, đầu bướu, học sót lại. Lần này, hắn tuyển rất kỹ, chọn toàn là những thằng khỏe như vâm, tập luyện rất ráo riết.

Tripas thuộc nằm lòng trận đánh. Hắn biết rằng quân Mễ sẽ xung phong ba đợt vào lúc nào ? ở đâu ? lúc nào thì hắn phải tuyên bố hàng theo đúng mấy câu nói trong lịch sử, hắn biết hắn phải để lại mấy xác chết trên chiến trường. Thầy Don Joaquin đã giao cho Tripas toàn quyền quyết định. Vào một ngày chủ nhật, khi đã tuyển lựa xong binh đội, Tripas liền tổ chức một buổi vào rừng săn ong Jicotes, một loại ong lớn, đốt đau nhưng ồ có rất nhiều mật. Chiều hôm ấy, săn xong, Tripas và đồng bọn ngồi nghỉ ở bìa rừng, vừa chữa vết ong đốt vừa ăn mật. Hắn hô hào :

— Chúng mày nghe đây ! Năm nào cũng vậy, chúng ta đều phải đóng vai tụi Pháp ! Tao đã chán ngấy vai trò tướng Lorencez và thua trận Cinco de Mayo. Tao ngán thua để cho chúng nhởn nhơ đi dự tiệc và ta thì cứ phải gặm bánh Tortillas khốn nạn. Họ làm như là chúng ta không cần ăn thịt, trong mạch chúng ta không còn máu nữa. Tao để bàn với chúng mày thế này...

Bộ Tham Mưu của Tripas họp kín... Bí mật quân sự. Không ai hiểu ý chúng quyết định những gì ; cuộc tập luyện vẫn cứ tiến hành đều đặn.

Ngày đại lễ Cinco de Mayo gần đến. Thầy giáo Don Joaquin chúi mũi viết diễn văn. Cô bé được đóng vai Mẹ Tổ Quốc Mễ Tây Cơ đã thuộc lòng bài diễn từ. Chỉ có Tripas là im lặng.

Rồi đến ngày trọng đại. Từ sáng tinh mơ pháo nổ ran khắp hang cùng ngõ hẻm. Anh Adam, « cây » kèn Clairon của thành phố đã vác kèn ra công trường thổi từ 5 giờ sáng. Rồi, đội nhạc





của thành phố gồm có sáo, kèn, vĩ cầm, đại hồ cầm, trống, v.v... diễn hành ra công trường.

Đến giờ chào cờ, quốc ca, quân nhạc. Thầy Don Joaquin đọc bài diễn văn ái quốc trong có 34 điển tích La-tinh dài gần một giờ rưỡi. Đáng lý ra bài diễn văn còn dài nữa nhưng thầy đã quên mất 10 tờ giấy ở nhà nên thầy kết vội bằng câu khẩu hiệu : « Mễ tây Cơ muôn năm » giữa tràng pháo tay vang dội không ai chú ý đến đoạn thầy phải « nhảy dù » vì quên bài ở nhà. Ông Thị Trưởng đáp từ. Cô bé tượng trưng Mẹ Tổ Quốc lên đọc chúc từ. Ông dược sĩ kiêm thi sĩ ngâm bài thơ ái quốc ông vừa sáng tác. Tấu nhạc ! Cuối cùng, kèn gọi lính của anh Adam vang lên lanh lảnh. Trận đánh lịch sử bắt đầu.

Quân đội Mễ tây Cơ, cờ lam-trắng-đỏ , trấn thủ một vị trí trên một ngọn đồi nhỏ. Tướng Mễ tây Cơ Zaragoza, quân phục uy nghi, đứng chỉ huy rất anh hùng. Quân Pháp xuất hiện ở chân đồi sau một hiệu lệnh ngắn của Tripas.

Kèn trận nổi lên. Quân Pháp tấn công lên đồi và bị đẩy lui giữa sự hoan hô của khán giả. Lần thứ nhất, quân Pháp thất bại. Tripas tập họp binh sĩ lại xung quanh lá cờ Tam tài, tấn công lần thứ hai. Đợt này ác liệt hơn nhưng cũng bị đẩy lui, để lại chiến trường vô số xác chết. Tất cả đều được diễn ra đúng với sách vở. Tổ-Quốc Mễ-tây-Cơ đã thấy ánh sáng của chiến thắng xuất hiện ở bình minh, tướng Zaragoza kiêu hãnh vẫy tay chào khán-giả đang hoan hô mình rầm trời.

Rồi, cũng đúng theo sách vở, quân Pháp lại tấn công lần thứ ba. Đợt xung phong này bắt đầu rất yếu ớt và khán giả đã thấy hơi chán vì Mễ-tây-Cơ chiến thắng dễ dàng quá. Đột nhiên, quân Pháp, do Tripas chỉ huy đột nhiên tấn công mãnh liệt. Gạch, đá, gậy dấu trong người được đem ra xử-dụng theo lệnh của Tripas. Vị trí Mễ-tây-Cơ bị đá «pháo kích» tơi bời. Tướng Zaragoza «dính» một phát đá vào mắt chảy máu. Rồi « xáp lá cà », cận chiến. Quân Pháp vung gậy đánh tới tấp, tiếng gỗ đập vào xương đầu quân Mễ-tây-Cơ kêu như tiếng mõ. Khán giả ngơ ngác, không hiểu gì ra gì nữa.

Hai bên vẫn giáp chiến. Cũng cần phải nói rằng quân Mễ-tây-Cơ đã kháng cự anh dũng hơn cả truyền thống chiến-đấu của quân đội Mễ-tây-Cơ thật sự. Thế nhưng lòng cương

quyết, mặc dù được nuôi dưỡng trong nguồn gốc cổ điển có thể chống nổi sức mạnh đột phát không ? Nhiều vị « anh hùng quốc gia » đã phải bỏ chạy, vừa chạy vừa khóc vừa gọi mẹ, cầu cứu ầm ĩ lên.

Thầy Don Joaquin, đến lúc này, mới tỉnh hồn đúng vào lúc quân Pháp sắp chiếm lĩnh xong trận địa, đúng vào lúc Tướng Mễ tây Cơ Zaragoza vứt cả cờ, kiếm, khóc vang trời. Thầy hét lên :

— « Đồ khốn nạn ! Đồ phản quốc ! »

Rồi thầy chạy như bay ra chỗ khán đài, nhảy đại vào quân Pháp, đá hữu, đấm tả tưng bừng, những quả đấm, cú đá của thầy trúng đích và rất có hiệu lực, nhờ ba mươi năm sư phạm lành mạnh. Nhờ vậy, vị trí Mễ tây Cơ không mất !

Chiến trận trở nên rất dữ dội. Quân Mễ tây Cơ thấy có thầy xông trận, lấy lại được lòng can đảm. Chúng không khóc nữa mà tập hợp lại. Phản công quân Pháp trở lại ! Tripas, rất bình tĩnh, can đảm, lạnh lùng như Nả-phá-luân, tổ chức lại trận địa, cho 1 toán quân gồm 12 đứa khoẻ mạnh nhất đi phục kích ở một yếu điểm gần vị trí.

Quân hai bên lại giáp chiến, bụi bay mù mịt, không ai thấy rõ ai cả. Chiếc mủ của thầy Joaquin bay vụt lên và rơi vào cạnh chân ông Thị Trưởng. Mọi người la hét lên ầm ầm cùng một lúc với anh Adam thổi còi ngưng chiến. Lúc ấy, toán phục kích Pháp vượt lên đồi nhanh như chớp. Tên kỳ bài quân Pháp vụt cho tên kỳ bài Mễ tây Cơ một gậy vào đầu đau điếng khiến cho tên này phải vác cờ chạy, vừa chạy vừa khóc. Tripas cắm ngay lá cờ vào vị trí và khoanh tay nhìn chiến trường nét mặt thoả mãn.

Chiến tranh chấm dứt. Công trường đầy những mũ rách, áo rách. Các bà mẹ đang vội đi tìm mấy đứa con u đầu, tức ngực, sải chân, xoa bóp cho chúng. Thầy Don Joaquin, áo lễ phục rách bươm, đang đưa mù xoa chấm chấm vào chiếc trán hơi sưng vù.

Ngày hôm ấy, không có tiệc ở Tòa Thị Chính và cũng là lần chót, Tripas được thủ vai tướng Pháp Lorencez. Hôm sau, hắn bị đuổi cùng với cả Bộ Tham Mưu Pháp. Và như vậy, mặc các sử gia, mặc các ông thầy học, hôm ấy, quân Pháp đã thắng được một lần trận Puebla.

TRẦN TỬ THUẬN



# buồn bến nhỏ

*Đêm nay tàu sẽ lui bờ,*
*Giang-thôn bỏ lại, dáng mờ nẻo sương.*
*Quê nào trời ửng một phương,*
*Còn đây bến nhỏ, biết thương nhớ gì ?*

*Triều lên như nhắc giờ đi,*
*Dường dây cuốn lại, còn ghi dấu bờ.*
*Mắt em : lửa phộng mập mờ,*
*Như đèn sao thắp soi hờ lối quen.*

*Mái gianh, sông vắng êm đềm :*
*Buồn đây xóm nhỏ ! Trăng chìm biển sương*
*Nửa khuya sao nở mười phương,*
*Lửa thành đã nhạt, bến Tương lạnh lùng.*

*Chân tôi bỗng thấy ngập ngừng ;*
*Đường ra biên-viễn như chừng chữa quen*
*Nhá nhem đứng lặng tháp đèn,*
*Trăng mồng giấu mặt, buồn len giữa hồn.*

Hữu-Phương là bút-hiệu của một sĩ-quan Hải-quân Việt-Nam. Một chiến-sĩ có tâm hồn nghệ-sĩ.

★ HỮU-PHƯƠNG

# ĐÊM BUỒN

*Người ơi ! Tôi vẫn cứ cô đơn*
*Vẫn cứ bao đêm thổn thức buồn*
*Vẫn cứ âm-thầm bên gối chiếc*
*Mà nghe tiếng nấc của linh-hồn.*

*Tôi cố im và dám khóc đâu*
*Mặc cho tim úa, nét hoa nhàu*
*Hai mươi mấy tuổi sao tàn lạnh ?*
*Không một mùi hương, một sắc màu !*

*Những giấc mơ, hồng, xanh, thuở nao*
*Chừ nghe xa vắng tự phương nào !*
*Ôi chao ! Âm hưởng ngày xưa cũ*
*Về gợi cho thêm chín nghẹn ngào.*

*Trăng lạnh vươn dài, sao nối ngôi*
*Nửa khuya tiếng dế nỉ non rơi*
*Hồn hoang từ vạn ngàn thương nhớ*
*Lại mở ưu-tư tiếp lệ đời.*

*Có lúc sao hồn thấy trống không*
*Trong tôi như cả một mùa đông*
*Từng giây máu đỏ như tê đọng*
*Từng giọt châu sa nhuộm tím lòng.*

*Đời đã cho giàu chuyện đắng cay*
*Yêu ! yêu hơn cả thế gian này*
*Rồi ra tâm-sự nhiều ray-rứt*
*Để khóc thương mình như tối nay.*

*Khổ quá trời ơi ! tôi muốn quên*
*Mà sao thương nhớ vẫn gầy thêm*
*Mà sao tôi vẫn còn than thở*
*Mà vẫn u-hoài trong bóng đêm !*

**MẠC - LỆ - KIỀU**
*(Saigon)*



# NHÂN-VẬT Xuân-Thu...

## TIÊN - TRẦN

TRONG đám tùng vong của Công-tử Trùng-Nhĩ có một người suốt trong 19 năm trường không thấy thi thố được một việc gì đáng kể.

Người đó là Tiên-Trần.

Nhưng sau khi Trùng-Nhĩ về nước, lên ngôi, tu-chỉnh quốc-chánh, tổ-chức quân-đội để gây-dựng bá-nghiệp thì chính Triệu-Thôi đã tiến cử Tiên-Trần với Tấn Văn-Công bằng những lời vắn tắt như sau : « *Tôi dè-đặt chẳng bằng Loan-Chi, mưu-kế chẳng bằng Tiên-Trần, thạo việc chẳng bằng Tư-Thần.* »

Văn-Công phong cho Tiên-Trần làm phó tướng đạo hạ quân. Từ đó ông tỏ ra xuất-sắc, liệu việc như thần, đánh đâu thắng đó và lần lần được thăng làm trung quân nguyên-soái lãnh đạo toàn quân.

Hai chiến-công oanh-liệt nhất là những trận thắng quân Sở và quân Tần, những đạo binh mạnh nhứt lúc đó. Sau trận thảm bại lịnh-doãn nước Sở là Thành-đắc-Thần đã tự tử.

★ **THIẾU-SƠN**

Nhưng cuộc thất bại của Tần lại càng nhục nhã hơn nhiều. Bị phục-kích ở Hào-Sơn trọn đạo binh Tần bị tiêu diệt. Tiên-phong Tần Bao Mang Tử là một viên mãnh tướng bị bắt và bị chém. Ba viên đại tướng bị bắt cầm tù là Mạnh-Minh, Kiển-Binh và Tây-Khuất-Thuật. Mạnh-Minh là nguyên-soái Tần quân, con Bá-Lý-Hề. Kiển-Binh là con Kiển-Thúc cùng với Tây-Khuất-Thuật đều là danh tướng của Tần.

Lúc nầy Tấn-văn Công đã chết. Tấn-tương-Công nối ngôi cha.

Phu nhân Hoài-Doanh được coi như mẹ vua. Phu nhân hỏi Tương - Vương : « Ta nghe binh mình thắng trận, bắt đặng 3 tướng của Tần mà giết hay chưa ? » Tương-Vương đáp: «Chưa». Hoài-Doanh nói : «*Tần, Tấn nhiều đời hòa hảo, đã suôi gia mà còn nghĩa bà con. Tại bọn Mạnh-Minh tham công làm bậy, làm cho hai nước ơn thành oán. Ta liệu Tần-quân giận ba tướng đó lắm. Vậy ta giết chúng cũng không ích chi mà còn gây oán thù giữa hai nước. Chi bằng thả cho chúng về, vua Tần sẽ giết chúng mà ta đặng ơn và gây lại tình giao hảo giữa hai nước.* » Tương-Công nói : « Ba tướng ấy là tướng mạnh của Tần, nếu thả về e họa cho Tấn chăng ? » Hoài Doanh nói :

« *Hễ đánh giặc thua thì bị giết, luật nước nào cũng thế. Không thấy Sở thua Tấn mà Thành-đắc Thần bị giết hay sao ? Trước kia Tấn-Huệ-Công bị bắt nơi Tần mà Tần còn lấy lễ đưa về. Nếu nay ta giết bại-tướng của Tần thì thiên-hạ sẽ chê ta là người vô-tình.* »

Tương - Công ban đầu chẳng chịu nghe, nhưng khi Hoài-Doanh nhắc tới chuyện Mục-Công thả Huệ-Công về nước thì động lòng mà truyền thả ba tướng.

Tiên - Trần đương ăn cơm nghe Tấn hầu thả ba tướng liền phun hết cơm ra, sắc mặt hầm hầm vào thẳng cung vua mà hỏi : « Tướng giặc Tần cầm tù đâu ?» Tương Công nói : « Mẹ ta biểu thả để mượn tay vua Tần giết chúng nó. Nên ta đã tha chúng rồi ». Tiên-Trần nổi xung phun nước miếng vào mặt Tương - Công mà rằng : « *Đồ con nít không biết chuyện gì hết, công linh tôi ngàn lao muôn khổ mới bắt đặng ba tướng ấy. Nay nghe lời đàn bà mà thả cọp về rừng rồi sau nầy đừng than thở* ».

Tương-Công chợt tỉnh ngộ, liền lau mặt mà nói : « *Ta thiệt lỗi quá* ». Rồi vua liền truyền





lịnh cấp-tốc đuổi theo nhưng không kịp. Quả như lời Tiên-Trần đã nói, bọn bại - tướng chẳng những không bị Tần-Mục Công quở-trách mà lại còn an-ủi và cho phép chuẩn-bị để báo thù rửa nhục. Đó là chuyện về sau.

Thình lình có tin chúa nước Địch là Bạch Bộ Hồ cùng em là Bạch Đôn đem quân qua xâm lấn bờ cõi nước Tấn. Tướng giữ ải Cơ-Thành cấp báo về Triều và xin binh tiếp - viện. Tương-Công giao việc đó cho nguyên-soái thì Tiên-Trần lạy mà từ rằng :

« Tôi giận tướng Tần được thả về nước, nhứt thời nộ khích nhổ vào mặt chúa công thật rất vô lễ. Việc nhà binh là nghiêm-kính, duy có lễ sửa người. Mà người vô lễ như tôi chẳng nên làm soái. Cúi xin Chúa công cất chức tôi đi chọn người khác thay thế tôi mới đặng ». Tương-Công nói : « Khanh vì nước mà nổi-giận là bởi lòng trung, ta đã biết rõ hết. Nay đánh nước Địch đây mà không có khanh thì chẳng đặng, xin khanh chớ từ ». Tiên-Trần cực chẳng đã phải lãnh mạng, nhưng than rằng :

« *Vốn ta muốn chết với Tần chứ không muốn chết với Địch* ».

Người ta nghe vậy thì hay vậy chứ không ai hiểu ý nguyên-soái muốn nói gì.

Tiên-Trần kéo binh đến Cơ-Thành, nghiên - cứu địa - hình, địa-vật rồi chuẩn-bị cuộc giao-tranh. Địch quân lại bị phục-kích. Bạch-Bộ-Hồ bị hãm trong vòng vây rồi bị giết. Tiên-Trần tại dinh nghe tin chúa Địch chết thì ngước mặt lên trời mà nói rằng : « Tấn-Hầu có phước ! Tấn-Hầu có phước ! » Ông bèn lấy viết tả một đạo biểu-chương để trên ghế mà không cho chư tướng hay, rồi ông biểu một vài người tâm-phúc đẩy một chiếc xe thẳng vào trận Địch.

Vừa lúc đó thì Bạch-Đôn là em Bạch-bộ-Hồ chưa hay anh chết đang dẫn binh tới tiếp-viện cho anh.

Thấy một cỗ xe đơn-độc chạy tới thì Bạch-Đôn liền xách dao đón đánh. Tiên-Trần gác giáo lên vai trợn mắt hét lên một tiếng rách khoé mắt, máu chảy ròng ròng làm cho tướng giặc khiếp vía sụt lại ít bước rồi truyền quân bao vây từ phía, cung tên bắn vào như mưa. Tiên-Trần phấn-khởi thần oai xông tới giết chết ba, bốn đầu mục và mấy chục tên quân mà

mình không hề mang thương tích. Vì ông mặc hai lớp giáp nên tên bắn không vỏ. Ông than rằng : « Ta không giết nó thì nó không biết ta mạnh. Nhưng ta muốn chết mà khoe tài làm chi ? » Nói rồi ông liền cởi giáp đứng trần một chỗ mà hứng tên. Toàn thân ông tua tủa những tên như con nhím, chết rồi mà không chịu ngã, còn đứng đó trân trân. Bạch-Đôn muốn lại cắt đầu, thấy ông trợn mắt, phừng râu dường như còn sống nên không dám hạ thủ. Trong quân có kẻ nhận ra Tiên-Trần là Tấn-trào nguyên soái liền nói lại với Bạch-Đôn. Bạch-Đôn đốc quân sĩ xúm lạy và chính hắn vái rằng : « Thần-nhơn độ cho tôi về nước, tôi sẽ cúng thần-nhơn. » Tiên-Trần vẫn trơ trơ không ngã. Bạch-Đôn lại vái rằng : « Hay là thần-nhơn muốn về nước Tấn thì ngã xuống tôi sẽ cho đưa về. » Vái dứt lời thây ngã xuống.

Vừa lúc đó thì nghe tin Bạch bộ-Hồ đã bị giết. Bạch-Đôn cả sợ bèn đề-nghị với Tấn xin đổi xác Tiên-Trần lấy xác Bạch-Bộ-Hồ. Nhưng chúa Địch chỉ còn lại một cái đầu mà Tấn Nguyên-soái còn giữ được toàn thây.

Tiên Thả-Cư là con của Tiên-Trần vào dinh nguyên-soái không thấy cha mà thấy một biểu-chương để lại như sau :

*« Hạ-thần là Trung-quân đại-phu Tiên-Trần dâng lời tấu : Từ lúc tôi vô-lễ với chúa-công mà chúa công không giết lại trọng-dụng, may đánh giặc thắng nữa. Rồi đây sao khỏi gia lộc thưởng công. Tôi không chịu thưởng thì chúa-công mang tiếng kẻ có công mà không được thưởng. Bằng tôi chịu thưởng thì tỏ ra vô-lễ mà còn đặng luận-công. Có công không thưởng thì trái lẽ. Vô-lễ mà còn đặng luận-công thì nghịch lý. Nếu việc thưởng, phạt không rõ thì trị nước sao yên? Cho nên tôi vào giữa Địch binh mượn tay nó giết tôi thế cho Chúa-Công phạt tôi. Con tôi là Tiên Thả Cư có tài thao-lược đủ thay nghiệp cho tôi. Tôi đến thác hãy còn chịu lỗi. »*

Tấn ban-sư thắng trận, kéo binh và trình di-thơ của Tiên-Trần. Tương-công thương tiếc, bồn thân đến coi liệm thi-hài, thấy hai con mắt còn mở trao-tráo. Tương-Công ôm thây mà nói rằng : «Tướng-quân vì nước mà thác, chẳng mất anh-linh, lời di-biểu của tướng-quân đủ thấy lòng trung-dõng ta há quên lời ». Nói rồi bèn phong Tiên Thả-Cư làm trung-quân Nguyên-soái trước linh-cữu





Tiên-Trần. Tiên-Trần nhắm mắt lại tức thì. Người đời sau có lập miếu thờ ông tại Cơ-Thành.

✦

Bàn về cái chết của Tiên-Trần, Đông-Lai tiên-sinh đã có những lời luận về sự ăn năn như sau : *« Điều khó phát-hiện nhứt là sự ăn-năn, điều khó cầm giữ nhứt cũng là sự ăn-năn. Phàm khi đã vào đường lỗi : kẻ tàn-nhẫn thì toại-chí, kẻ xảo-trá thì lo tỏ-điểm, kẻ ngu-ngốc thì cố che-lấp, kẻ kiêu-hãnh thì lo giấu-giếm, kẻ biếng-nhác thì yên thân trong tội-lỗi, như vậy có ai ra ngoài được các điều lụy đó để cho sự ăn-năn phát hiện được ?*

*Nhưng khi sự ăn-năn chưa phát hiện thì sợ khó lỗ-dạng, đến khi ăn-năn đã phát hiện thì lại khó cầm-giữ... Kẻ biết tự bắt lỗi sẽ thấy lòng mình bị âu-sầu kích-thích cho đến làm vào cảnh tự hủy diệt mình...*

*Xét vì sự chết của Tiên-Trần, chẳng lúc nào chẳng ngợi khen sự biết ăn-năn mà chẳng lúc nào chẳng thương hại vì không biết cầm lòng. Vì không biết cầm lòng mới không dùng sức ở chỗ lễ-nghĩa mà đi dùng sức ở chỗ nóng nẩy...*

*Nếu biết cầm lòng hối-hận Tiên-Trần sẽ ở trong cảnh thơ-thới, khoan-thai, cùng tạo ra được mối vui chơn-chánh, cần gì phải tự giết mình ? ».*

Lời luận trên đây thật là tế-nhị nhưng là cái tế-nhị của một người đứng ngoài mà phân-khảo cái tâm-sự của người khác. Còn chính người trong cuộc thật không còn đủ sáng-suốt mà hiểu biết được lòng mình. Người trong cuộc là Tiên-Trần suốt trong 19 năm vẫn đóng một vai tuồng rất lu-mờ bên cạnh một công-tử lưu-vong và thất nghiệp nhưng sau khi đã lập được nhiều chiến-công cho nước Tấn thì đã cảm thấy mình là cột-trụ của Triều-Đình. Nếu Tấn Văn Công còn sống mà thả tù thì chắc-chắn Tiên-Trần không dám có thái-độ như đối với Tương-Công, một đứa con nít thừa-hưởng gia-tài của cha để lại. Tiên-Trần quá nóng nẩy nhưng nhứt-định không dám nóng nẩy với người đã tác-thành cho mình là Tấn Văn Công Trùng-Nhĩ mà chỉ dám nóng-nẩy với Tương-Công vì ông cho rằng chính ông đã góp phần lớn công-lao để xây dựng bá-nghiệp cho nước Tấn. Đó là bịnh công thần mà nhiều người mắc phải trong thời phong-kiến. Vì ỷ công, ỷ sức, ỷ tài mà nhiều khi quên cả lễ-nghĩa luân-

thường. Biết bao nhiêu công-thần đã trở nên quyền-thần và cũng có khi biến thanh phản-thần trong nhiều trường hợp và do cá-tánh của mỗi người. Một con người trung-kiên nghĩa-khí như Tiên-Trần dầu mắc bịnh công-thần nhưng chắc-chắn không bao giờ làm phản. Nhưng ông đã chọn cái chết để tạ lỗi với Tương-Công. Nếu Tương-Công đã đối xử với ông như một ông vua tầm-thường khác, nếu ông cũng dám giận, dám rầy, dám quở-trách và trừng-phạt kẻ vô-lễ thì Tiên-Trần có thể bất-bình mà bớt phần hối-hận. Nhưng đằng nầy nhà vua lại thành-khẩn nhận lỗi, nhìn-nhận lòng trung-quân ái-quốc của ông thì ông còn cầm lòng sao được mà chẳng phải chết để tạ ơn tri-kỷ và để kiện-toàn cái danh-tiết của mình ? Trung-thần mà xúc-phạm tới nhà vua là thiếu-lễ. Ông chết rồi là ông không còn khuyết điểm gì nữa. Huống chi cái địa-vị cao-quí của ông, ông chắc-chắn rằng con ông sẽ thừa hưởng thì ông cũng không có gì là ân-hận.

Nhưng trung-quân thì đủ mà ái-quốc thì thiếu. Vì nếu hết lòng vì dân vì nước thì ông phải bảo-tồn cái mạng sống của ông để phục-vụ cho đến già, đến chết. Hơn nữa, mạng sống của ông lại là mạng sống của một vị nguyên-soái có tài thao-lược.

Nhưng ta không thể đòi hỏi được nhiều ở Nhân-vật Xuân-Thu.

Họ có thể chết vì một người, một họ, nhưng họ chưa biết sống để phục-vụ Tổ-quốc và Nhân-dân.

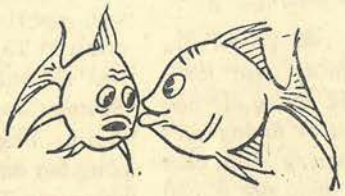

★ *Khi cái nghèo đi vào cửa lớn, thì tình yêu đi ra cửa sổ.*

Tục-ngữ ANH

★ THẨM-THỆ-HÀ

**Thân hệ bang-gia chung hữu dụng,**
**Thiên sinh hào-kiệt bất ưng hư.**
**Hãy bền lòng chớ chút oán vưu.**
**Thời chí hĩ ngư long biến hóa.**

## Cuộc phong trần

**Chẳng lưu-lạc dễ trải mùi trần-thế,**
**Thôi đã biết cùng thông là mệnh cả,**
**Còn trần-ai khôn tỏ mặt công-hầu.**
**Cũng đừng đem hình dịch lại cầu chi.**
**Ngất-ngưởng thay con Tạo khéo cơ-cầu,**
**Hơn nhau cũng một chữ thì.**
**Muốn đại-thụ hãy dìm cho lúng-túng.**

**CAO-BÁ-QUÁT**

★

NƯỚC Việt-Nam ta ngày xưa không sản xuất được một nhà hiền triết nào có tư-tưởng độc-đáo, siêu-việt, nên hầu hết các văn-nhân thi-sĩ đều chịu ảnh-hưởng những tư-tưởng du nhập của Nho, Phật, Lão. Thiên-tài Cao-Bá-Quát — một thi-nhân đời Nguyễn-Thạnh — cũng không thoát khỏi công-lệ ấy. Thi ca của ông phần nhiều mang dấu vết Khổng-Mạnh hoặc Lão-Trang, tùy theo sự biến-chuyển của nội-tâm và ý-chí.

Trong lúc còn niên-thiếu, mặc dầu lận-đận vì khoa-cử nhưng bầu nhiệt-huyết vẫn còn sôi-nổi trong huyết-quản của một kẻ muốn « *xoay bạch-ốc lại lầu-đài* », Cao Chu - Thần đã sáng - tác bài « CUỘC PHONG - TRẦN » để phản ảnh tâm-hồn và thể-hiện hoài-bão to tát của mình.

Muốn hiểu rõ tâm-hồn và ý-chí họ Cao, ta thử phân-tích nội-dung bài thơ trên, để biết văn-chương ông vào lúc ấy đã chịu ảnh-hưởng triết-thuyết nào trong số ba làn sóng tư-tưởng mà chúng ta vừa đề-cập.

✶

Cao Bá-Quát viết bài « CUỘC PHONG TRẦN » theo thể hát nói đủ khổ, mục-đích bày-tỏ quan-niệm kẻ hào-kiệt lúc còn vị-ngộ phải tin-tưởng nơi số-mệnh và ẩn-nhẫn đợi thời.

Theo cách bố-cục đặc-biệt của thể hát nói, bài này chia ra làm ba khổ :

1.— KHỔ ĐẦU (*4 câu*) : Người có tài thường hay bị Tạo-hóa ghét-ghen.

2.— KHỔ GIỮA (*4 câu*) : Kẻ hào-kiệt sinh ra tất sẽ đắc-dụng.

3.— KHỔ XẾP (*3 câu*) : Vậy phải tin-tưởng ở định-luật tuần-hoàn của Tạo-hóa.

Ai cũng công-nhận Cao-Bá-Quát là người có tài, có chí. Cái tài của ông chỉ hạn-chế trong phạm-vi văn-chương ; cái chí của ông bao trùm cả vua Thang vua Võ. Con người tài, chí như vậy mà mãi lận-đận vì công-danh, khiến tấm-thân phải lãng-bạt sông-hồ như hoa trôi nước chảy (*lạc hoa lưu thủy*). Trên bước đường lưu - lạc, thi - nhân đã nếm đủ mọi vị đắng cay, bùi ngọt, nhìn đầy đủ mọi góc cạnh của cuộc đời. Và với tính tự cao, ông đã thốt ra những lời đầy vẻ mỉa mai, khinh-bạc :

*Chẳng lưu-lạc để trải mùi trần-thế,*
*Còn trần-ai khôn tỏ mặt công-hầu.*
*Ngất-ngưởng thay con Tạo khéo cơ-cầu,*
*Muốn đại-thụ hãy dìm cho lúng-túng.*

Ta có thể xem đó là một lời khí-phách Thi-sĩ đã tự hãnh-





diện với những nỗi gian-khổ của mình. Những kẻ sống ru rú ở tháp ngà, làm sao trải đủ mùi trần như ông được ? Dùng phép phản-ngữ, họ Cao cho ta thấy rằng : chẳng những ông hơn người về phương-diện lịch-lãm, ông còn hơn họ cả về phương-diện tài-ba. Là kẻ sĩ còn khoác áo phong-trần, lẽ tức nhiên ông chưa thể đạt được mộng Công, Hầu, Khanh, Tướng. Đó chẳng qua là một sự thử thách. Kìa con Tạo ngất-ngưởng hay trêu cợt khách tài-hoa. Kẻ muốn làm chuyện « *lớn lao* » như ông, ắt phải bị trẻ Tạo « *dìm cho lúng túng* ». Sự kiện ấy càng chứng-tỏ giá-trị của thiên-tài, càng làm nổi bật chí lớn của đấng trượng-phu.

Tự nhận mình là kẻ tài cao, chí lớn, Cao-Chu-Thần đặt tất cả niềm tin ở mệnh số :

*Thân hệ bang gia chung hữu dụng,*
*Thiên sinh hào-kiệt bất ưng hư.*
*Hãy bền lòng chớ chút oán vưu,*
*Thời chí hĩ ngư long biến hóa.*

Suy-ngẫm đến lẽ huyền-vi của Tạo-hóa, tác-giả cương quyết quy-định trách-nhiệm cho Con Người. Cái thân của ta có liên-hệ với nước, với nhà, tất-nhiên cái thân ấy phải được hữu-dụng. Trời sinh ra trang hào-kiệt, chẳng lẽ lại không được đắc-dụng hay sao ? Vậy kẻ hào-kiệt phải nhận lấy trách-nhiệm của mình đối với xã-hội, phải đem tài ba ra giúp nước, đem cái thân riêng góp vào cái ích chung. Nhận thức tinh-thần trách-nhiệm, ta đừng vội chán-nản khi chưa gặp thời ; trái lại, ta phải biết mệnh-trời để luyện chí quân-tử. Người quân-tử « *trên không oán trời, dưới không giận người, cứ bình dị mà đợi mệnh* » (Thượng bất oán thiên, hạ bất vưu nhân; cư dị dĩ sỹ mệnh). Một ngày kia, thuận thời đạt vận, ta sẽ mặc tình vùng-vẫy như con cá chép hóa rồng, biến-hóa vô-cùng trên cõi trời mây vô-tận...

Như đã tìm được một chân-lý để soi sáng cho nhân-sinh, Cao-thi-nhân đổi giọng khoan-hoà, cái giọng trầm-buồn của một người đành cam với số-phận :

*Thôi đã biết cùng thông là mệnh cả,*
*Cũng đừng đem hình dịch lại cầu chi.*

*Hơn nhau cũng một chữ thì...*

Chữ « *thôi* » ông buông ra như một tiếng thở dài não nuột. Ông thở dài là phải, vì con người tài-hoa như ông mà cũng phải đành bó tay trước số-mệnh. Ông đổ trút tất cả cái thất bại, cái gian-lao, cái cơ-cực của mình cho định luật cùng, thông. Giờ đây phải lâm cảnh cố-cùng, người quân-tử há đem thân mình ra mà cầu cạnh lợi danh, làm trò cười cho thiên-hạ. Kẻ thức thời phải biết « *an phận mà vui với đạo trời* ». Đó cũng là một cách hành-đạo, đúng theo nghĩa *xuất, xử* của Nho-gia.

Con người ta ở đời có tài chưa đủ, mà cần phải gặp thời. Người *vô tài gặp thời* cũng làm nên công việc, dầu chỉ là trong việc nhỏ mọn. Người *hữu tài không gặp thời* thì dầu công việc nhỏ mọn cũng thất-bại chua-cay. Người *có tài lại gặp thời* thì dầu công việc lớn-lao, khó khăn mấy cũng thành-công, viên-mãn.

Cho hay cái « THỜI » quyết-định tất cả, từ sự thành, bại, đến sự hơn, thua Cao tiên-sinh đổ trút trách-nhiệm cho THỜI cũng là cái lý của một kẻ tiêu-cực vậy.

*

Xuyên qua bài « CUỘC PHONG-TRẦN », ta thấy Cao Bá-Quát chịu ảnh-hưởng sâu-đậm triết-thuyết hình-nhi-thượng của Nho-giáo. Triết-thuyết hình-nhi-hạ cũng có dự đôi phần ảnh-hưởng, song có lẽ bị cá-tính tự-cao tự-đại của họ Cao làm méo-mó đi ít nhiều, nên ta chỉ trông thấy một vài đường nét mập-mờ, một vài hình-ảnh đã biến thể, biến dạng.

1.—Ngay ở hai câu LÁ ĐẦU, thi-sĩ đã biểu-lộ rõ-rệt cá-tính tự-cao tự-đại của mình. Tuy nói cái « *ta* », tác-giả lại gián tiếp mỉa-mai thiên-hạ bằng phép *phản-ngữ*. Nói đến kẻ lưu-lạc mà khiến ta so-sánh với những kẻ không từng lưu-lạc ; nói đến kẻ « *khom tô mặt công-hầu* » mà khiến ta liên-tưởng đến những kẻ bất tài vẫn đạt được mộng công-hầu, cái nghệ-thuật của họ Cao trác-tuyệt ở chỗ đó và thần-tình cũng ở chỗ đó.

2.— Ở hai câu XUYÊN THƯA, thi-sĩ đã thể-hiện niềm





tin ở thuyết TÀI MỆNH TƯƠNG ĐỐ. Ông đã trách con Tạo khéo cơ cầu hay thử-thách những kẻ tài-hoa, hay dìm những người có chí lớn. Tuy đó chỉ là lời trách, nhưng chính tác-giả lại cố ý mượn nó để làm nổi bật cái *tài*, *chí* của mình lên.

Cái thâm ý của họ Cao thật vô-cùng tế-nhị, sâu-sắc.

3.—Ở hai câu THƠ, thi-sĩ đã quy-định trách-nhiệm hành-đạo, của con người nói chung đối với nước nhà, của bậc kào-kiệt nói riêng đối với xã-hội. Quan-niệm này ông đã chịu ảnh hưởng nhân-sinh-quan của Khổng-Mạnh nhưng ông lại diễn-tả quá mơ-hồ. Trách-nhiệm như thế nào ? Phải hành-đạo như thế nào ? Tác-giả bỏ lửng vấn-đề để mặc tình ta tìm hiểu lấy.

Cái khéo-léo của họ Cao là muốn tự xưng mình là hào-kiệt và dùng nghệ-thuật văn-chương để đặt chúng ta trước một sự mặc-nhận. Có lẽ ông cũng đã thành công được một phần nào đối với những độc-giả quá dễ-dãi.

4.— Ở hai câu XUYÊN-MAU, thi-sĩ đã biểu-dương thuyết THIÊN-MỆNH và đặc biệt chú trọng đến quan niệm TRI THỜI ĐÃI MỆNH của Nho-giáo. Ông tin tưởng con người sinh ra đã thọ lấy cái MỆNH và bị ảnh-hưởng bởi cái THỜI. Không gặp thời, dầu tài-ba mấy cũng thất bại. Đã gặp thời, kẻ có chí lớn sẽ mặc sức vẫy vùng, lập nên những sự-nghiệp lớn-lao để lưu tiếng thơm muôn thuở.

Vậy kẻ sáng suốt phải biết thời mà đợi mệnh. Con người không thể cải mệnh được thì phải theo thời mà hành động cho hợp với lẽ trời. Do đó, TRI THỜI cũng tức là TRI MỆNH vậy.

5— Ở câu DỒN, thi-sĩ cố ý làm sáng-tỏ thuyết TRI THỜI ĐÃI MỆNH bằng một định-luật siêu-hình : LUẬT TUẦN-HOÀN. Đó là một định-luật thiêng-liêng quy-định vận-mệnh của con người và lẽ biến-dịch của vạn vật. Con người luôn luôn bị chi-phối bởi lẽ *cùng*, *thông*. Vạn vật luôn luôn biến chuyển theo luật tương đối tương-hòa.

Con người hết lúc *cùng* lại đến lúc *thông*, tuân-hành theo nguyên-tắc luân-dịch của Thiên-mệnh. Cái vòng luân-chuyển

« *cùng tắc biến, biến tắc thông* » sẽ tác-động không ngừng để tạo nên *vận bĩ* hoặc *vận thái* cho con người.

Cao-Bá-Quát theo đúng lời khuyên của vị Vạn-thế sư-biểu : « *Bất tri mệnh vô dĩ vi quân-tử* » nghĩa là : *không hiểu mệnh trời, sao là người quân tử được.* Kẻ hiểu mệnh trời tức-nhiên phải thông lẽ tuần-hoàn và nhận-thức được thời - vận mình hầu kịp thời ứng-phó với tình-thế.

6.— Ở câu XẾP, thi-sĩ quyết tâm thực - hiện thuyết LẠC-THIÊN AN-MỆNH. Nho-giáo chủ-trương : người quân-tử khi biết thời mình chưa đến thì phải an phận mà vui với đạo Trời. Thuyết này đã được cụ Nguyễn-Bỉnh-Khiêm ứng-dụng qua thái-độ *an-bần lạc-đạo*, cụ Nguyễn-Công-Trứ ứng-dụng qua thái-độ *lạc đạo vong bần*.

Nơi Cao-Bá-Quát, ta cũng thấy phảng-phất hình-ảnh người quân-tử — mẫu người lý-tưởng của Trọng-Ny — song hình-ảnh này đã biến-thể đi rất nhiều. Người quân - tử của Nho-giáo trầm-tĩnh vui với lẽ đạo, còn người quân-tử họ Cao kiêu-bạc, phẫn-uất, miệng tuy nói « *chớ chút oán vưu* » mà lòng vẫn chứa đầy sự trách-móc, oán-giận. Ta cứ thử đối chiếu những câu *xuyên thưa* và *xuyên mau* trong bài thì đủ hiểu được cái lòng quân-tử của Cao Chu-Thần ra sao rồi.

7.— Ở câu KEO, tác-giả đã kết-luận bằng một lời xác-nhận vô-cùng chán-nản.

« *Hơn nhau cũng một chữ thì...* »

Thật vậy, con người ta ở đời hơn nhau không phải ở cái tài, mà chính là ở cái thời. Thiên-tài không gặp thời cũng trở nên vô-dụng, và có hoạt-động cho lắm, cũng sẽ đi đến sự thất-bại thảm-thương. Tài như Khổng-Minh Gia Cát-Lượng mà còn phải cất tiếng than dài : « *Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên* ». Suy-ngẫm thân-thế mình và hoàn-cảnh người, thi-sĩ Mẫn-Hiên đành nêu lên một chân-lý mà ông đã tìm ra sau bao năm hoạt-động và suy-tưởng : TÀI BẤT THẮNG THỜI.

Tóm lại, trọng-tâm tư-tưởng của Cao Bá - Quát là thuyết





THIÊN-MỆNH của Nho-giáo. Ta có thể vạch hệ-thống tư-tưởng họ Cao qua bảng Đồ-Biểu sau đây :

Căn cứ vào bảng Đồ-Biểu trên, ta thấy tư-tưởng thi - sĩ Mẫn-Hiên bắt nguồn từ thuyết THIÊN MỆNH, rồi từ trung - tâm điểm ấy, tác-giả biểu-lộ niềm tin của mình ở các quan-niệm phát-sinh cùng một nguồn gốc : *Tài-mệnh tương-đố, Tri-thời đãi - mệnh, Định-luật tuần-hoàn, Lạc-thiên an-mệnh.*

Tất cả tư-tưởng đó đều được trình-bày liên-lạc với nhau một cách chặt-chẽ và nhất-trí.

✱

Trái hẳn với những bài thơ khác của Cao Bá-Quát thường nhuộm màu bi-quan, yếm-thế, bài CUỘC PHONG - TRẦN hàm-súc bao ý-chí hào-hùng, bao niềm tin-tưởng thiết-tha, bao hoài vọng lớn lao, mặc dầu không dấu được tính-chất tiêu-cực của một tâm hồn bất-đắc-chí.

Cao Chu-Thần tin - tưởng ở thuyết Thiên-Mệnh, song niềm tin của ông chỉ có tính-cách giai-đoạn. Qua giai-đoạn, ông lại bỏ rơi học-thuyết này để chạy theo học-thuyết khác phù-hợp với sự biến - chuyển của nội-tâm ông. Hơn nữa, dưới cái nhìn quá ư kiêu-bạc của con người bất mãn, nhân-sinh-quan Nho-giáo đã bị ông áp-dụng lệch-lạc một phần lớn. Do đó, ta có thể kết-luận rằng ông đã chịu ảnh-hưởng Nho giáo lúc thiếu thời, chớ không phải là một tín-đồ nhiệt-thành và trung-kiên của Khổng-Mạnh.

✱ THẨM-THỆ-HÀ

(Xem từ P.T. số 54)

★ **NGUYỄN-VỸ**

CÁC quan Thượng-Thơ của Triều-đình Huế nhận thấy rằng các trường sơ-học, tiểu học và Cao đẳng Tiểu-học (1) ở khắp ba kỳ, và ngay đến cả trường Cao-đẳng Đông-Dương ở Hà-nội, chỉ đào-tạo các Thanh-niên tri-thức vừa đủ khả-năng làm việc cho Hành-chánh thuộc-địa trong xứ, chứ không thể học lên cao được nữa, bèn lập ra một Hội tên là « *Như Tây Du Học Hội* » để tuyển lựa một số thanh niên học sinh, cấp học bổng cho đi du học bên Tây. Cũng như ngày nay chính-phủ cấp học bổng cho một số học-sinh đi Hải-ngoại vậy.

Dưới thời Thực-dân phong-kiến, những thanh niên được may mắn xuất ngoại đều là con cháu của các cụ Thượng-thơ các Bộ, hoặc người trong gia-đình bên Nội hay bên Ngoại. Hoặc là con của các quan Tổng

(1) *Các trường Phủ-huyện dạy đến lớp Ba, lúc bấy giờ gọi là* **Sơ học** (*Ecoles Elémentaires*). *Các trường Tỉnh dạy đến lớp Nhất, gọi là* **Tiểu-học** (*Ecoles primaires*). *Trường Quốc-học Huế, và các trường Vinh, Qui-nhơn, Pétrus Ký* (*Saigon*) *Cần-thơ, Nam-Định, Hải-phòng, v.v... dạy thêm 4 năm (từ Đệ-nhất niên đến Đệ-tứ niên) để thi «Diplôme d' E. P. S. F. I.) gọi là* **Cao đẳng Tiểu học** (*Primaires Supérieures*).





đốc, Tuần-phủ, có thần-thế, « có chưn trong chưn ngoài », nhờ các cụ Thượng-thơ và các « Quan Tây » « gởi gắm », họa may mới được đi Tây học. Các « Ông Lớn » ấy đã giàu có, phần nhiều con cháu của các ông lại học kém thua con nhà bình-dân, trung-lưu, nhưng họ vẫn được cấp học-bổng đầy đủ, có khi dư-dã, để sang Pháp học về văn-minh tiến-bộ thì ít mà học về cách ăn chơi xa-xỉ thì nhiều. Ấy là nguyên nhân cho ta hiểu vì sao cùng một lúc Thanh-niên Nhật và Ấn-độ du học bên Âu-Tây mà khi thành tài sau mấy năm chuyên cần học hỏi, họ đem về tất cả những khả-năng kỹ-thuật mới lạ, những bí quyết văn-minh khoa-học để mở-mang kinh-tế, kỹ-nghệ của xứ-sở họ không kém thua các nước Tây-phương bao nhiêu. Còn du học-sinh ta đi Tây năm sáu năm trời, chỉ đem về một mớ kiến-thức đủ làm công cho người Pháp ở thuộc địa mà thôi.

Người ta có thể đếm trên đốt ngón tay số thanh niên Việt-Nam đi du học bên Pháp « thành tài », trở về quê-hương, trong thời-gian từ 1900 đến 1930, cả ba kỳ, Nam, Trung, Bắc. Vài ba ông Kỹ-sư Cầu-Cống, kỹ sư Canh-Nông, theo dân Tây, lấy vợ Đầm, về làm việc cho Tây, hoặc chủ trương một đường lối chính-trị úp-mở, vì quyền-lợi cá-nhân hơn là vì Tổ-quốc, Dân-Tộc. Một số Bác-sĩ Y-Khoa, năm bảy ông Tiến-sĩ Luật-Khoa, vài ba ông Cử-Nhân, Tiến-sĩ Văn-Chương.

Người ta không thấy những ông ấy làm được một việc gì ích quốc lợi dân cả, không để lại được một thành-tích gì vẻ vang cho xứ sở. Trừ ra một nhóm vài ba sinh-viên ở Nam-kỳ đi Tây về hoạt-động cách-mạng gây ra phong trào sôi nổi, chứng tỏ tinh thần bất khuất của Dân-tộc, còn thì bao nhiêu chỉ lo vinh-thân phì-gia, chẳng góp được một phần xây-dựng nào cho xã-hội vươn lên với văn-minh thế-giới. Hầu hết thế-hệ thanh niên « Như Tây du-học » của thời Pháp-thuộc, chẳng đem về cho Đất Nước một tiến bộ nào, một kỹ-thuật nào mới lạ, một công trình nào xứng-đáng.

Trái lại, người ta đã thấy biết bao nhiêu những điều lố-lăng, nhục-nhã cho đám thanh-niên du-học về nước, phần nhiều là vong-bổn.

Một buổi sáng thứ Hai, niên khoá 1923-24, Tuấn-em ngồi học trong lớp Nhất, giờ Luận Pháp văn do chính ông Đốc-học Phạm-văn-Mỗ dạy. Bỗng anh cai trường đứng ngoài cửa lớp,

lễ-phép nói vào với ông Đốc :

— Dạ bẩm Quan, có cậu Ấm con trai cụ Tuần-Vũ, đi Tây về, đến thăm Quan.

Ông Đốc-học ỷ mình là cựu sinh-viên trường Cao-đẳng Đông-Dương, Hànội, và hiện làm Quan Đốc-học tại Tỉnh, một bậc thượng-lưu tri-thức nào có kém ai, nên ông tỏ vẻ ganh ghét cậu Ấm, con quan Tuần-Vũ, học bên Tây về đã chắc gì hơn ông. Nhưng không lẽ không tiếp, ông bảo người cai trường :

— Cho người ta vào !

Trò Tuấn thấy một chàng thanh niên mặc đồ tây, tóc chải lán mướt, mang giầy tây đen bóng, không kém gì ông Đốc, nhưng khác một chút là ông đốc đeo chiếc nơ đen dính vào cổ áo sơ-mi gài kín cổ, còn cậu Ấm đi Tây về lại mặc sơ-mi hở cổ và đeo chiếc Cravate nơi giữa ngực.

Cậu Ấm độ 24 tuổi, cầm ba-toong, vào lớp đi thẳng đến bàn ông Đốc, trước mặt bốn chục học sinh ngồi im lặng dưới hai dãy bàn. Ông Đốc làm nghiêm chào cậu Ấm bằng một câu tiếng Tây cụt-ngủn :

— Bonjour.

Cậu Ấm mỉm cười vồn-vã

*Một sinh-viên Việt-Nam du-học bên Pháp, về nước.*
*(1920 — 1924)*

chào lại, cũng bằng tiếng Tây :

—Bonjour, Monsieur le Direc teur... Je suis enchanté de faire votre connaissance...

(Tôi hân hạnh được làm quen với ông)

Ông Đốc gật đầu vài cái :

— Moi aussi. (Tôi cũng thế)... Qu'est ce-que vous avez fait en France ? (Anh đã làm gì ở bên Pháp ?).

Hình như câu hỏi nầy làm chột dạ cậu Ấm con quan Tuần, nhưng cậu cũng lòe lại ông Đốc-học :

— J'ai été dans une Ecole Supérieure, à Paris.

(Tôi học trong một Trường Cao-Đẳng ở Paris).

— Oui, mais... qu'avez-vous comme diplôme?

(Ừ, nhưng mà... anh đã đỗ bằng-cấp gì ?)

— Je suis ingénieur de canne à sucre.

(Tôi là kỹ-sư Mía).

Ông Đốc-học cười ngạo-nghễ. « Kỹ-sư Mía » là kỹ-sư quái gì ? Làm gì có trường Cao-đẳng kỹ-sư Mía ở Paris ? Thế rồi ông Đốc cắt ngang câu chuyện :

— Bon, je vous remercie de votre visite. Je n'ai pas le temps de causer plus longuement, je regrette.

(Thôi, được rồi, tôi cám ơn anh đến thăm tôi. Tôi không có thì giờ nói chuyện lâu, tôi rất tiếc).

Hai người gật đầu chào nhau, rồi cậu Ấm kỹ-sư Mía cầm ba-toong đi ra.

Cậu vừa đi ra đến sân, thì ông Đốc nói với học-trò :

— Cái thằng ấy đeo cravate theo kiểu lãng-mạn Pháp hồi thế-kỷ mười-chín. Nó nói nó đỗ Kỹ-sư Mía là nó nói láo. Tao nghe Quan Công-Sứ nói rằng cha nó là quan Tuần-Vũ đang xin xỏ với Triều-đình An-Nam cho nó làm Tri-huyện.

Tuấn về nhà học lại với anh nó câu chuyện Cậu-Ấm con quan Tuần đến lớp học thăm ông Đốc. Phán Tuấn cười bảo :

— Anh chàng ấy có đến thăm ông Sứ, và nhờ ông Sứ tiến-cử cho một chỗ làm. Ông Tuần cũng có vận-động với ông Sứ và ông Phó Sứ, nhưng ông Sứ bảo với anh rằng cậu ta không đỗ bằng-cấp gì cả, chỉ biết nhảy đầm là giỏi. Có lẽ ông Sứ sẽ viết thư ra Tòa Khâm, đề-cử Cậu-Ấm làm Sở Mật-Thám ở Huế.

*

Cũng năm ấy, trò Tuấn nghe người ta đồn có cô con gái lớn của một Quan Thượng-Thơ ở Huế, nhưng quê-quán tỉnh nhà, đi du-học bên Tây cũng vừa về. Ở Pháp cô cũng đã nhập-tịch dân Tây, 22 tuổi, chưa có chồng, và lấy tên Tây là Anna.

Vì ở cùng làng, nên trò Tuấn tò-mò muốn đến xem mặt.

Trưa, tối, hoặc chủ-nhật và thứ - năm nghỉ học, Tuấn thường chạy tới dinh cụ Thượng xen lẫn với đám con nít kéo vào nhà bếp cụ Thượng để xem mặt cô Anna. Tuấn thấy sao, về học lại hết cho cha mẹ và anh hai của nó nghe.

Nó bảo :

— Cô Anna mới qua Tây có ba năm mà bây giờ về nhà, ăn cơm không được, Mẹ ơi ! Bà Cụ phải mua bánh tây cho cô ăn. Cô cầm đũa theo kiểu An-Nam mình cũng không được nữa, anh Hai à.

Thím Ba vừa nhai trầu, vừa cười, hỏi :

— Con thấy cổ ăn bằng gì ?

— Cổ cầm cái gì mà Tây gọi là cái *fourchette đó*, với con dao tây. Cổ cắt bánh tây theo kiểu tây, mẹ à.

— Bánh tây là bánh gì ? Nó ra sao ?

— Là bánh mì đó. Tây gọi là *pain*.

— À, *panh* là *bánh* đó hả ? Cổ cắt bánh theo kiểu tây là cắt cách sao ?

— Cổ cầm con dao cắt ngược từ ngoài cắt vô, từ dưới cắt lên chớ không phải như An-nam mình từ trong cắt ra, từ trên cắt xuống đâu.

— Cổ ăn bánh tây với gì ?

— Bà Vú-Hai dọn cơm có chén nước mắm, cổ la om-sòm, cổ bịt mũi, nói cái mùi thúi lắm, cổ chịu không được, cổ hất chén nước mắm ra ngoài sân. Cổ ăn toàn đồ tây, mua tận ngoài Huế đem về, Mẹ ơi !

Ông Ba (tức là chú Ba Thợ Mộc, hồi Phán Tuấn còn đi học) hỏi phán Tuấn :

— Cô Hai đi Tây học đã đỗ Tiến-sĩ chưa, con ?

— Con có xem hồ-sơ của cổ ở Tòa - Sứ, cổ thi đậu Brevet Supérieur. Bằng cấp ấy ở bên ta không có. Đỗ bằng ấy sẽ được làm giáo-sư dạy trường Quốc-học, Huế.

— Nếu con được đi Tây, thì con cũng đỗ bằng cấp ấy chớ gì ?

— Dạ. Nhưng nhà mình nghèo, mình đành chịu thấp kém hơn họ. Nhờ cổ là con quan Thượng-Thơ, nên cổ là người con gái đầu tiên ở xứ mình được nhà nước cho học-bổng du-học bên Pháp, đỗ bằng Brevet Supérieur về làm giáo sư dạy collège. Nhưng bây giờ cổ là dân Tây, chớ không phải là An-Nam nữa, cho nên cổ theo nếp sống của người Tây...

*(Còn nữa)*

✦ ĐINH-ĐIỀN

*« Làm thơ giấy trắng cần phong*
*Niềm thương nỗi nhớ ở trong thơ này »*

NĂM 1840 Sir Rowland Hill phát - minh tem-thư để dán trên phong thư gởi thăm nhau, nhưng có ngờ đâu vào đầu thế-kỷ 20 tem-thư lại còn dùng để sưu - tập, phát sinh ngành « BƯU HOA » càng ngày càng phát-triển mạnh ở các nước Âu Mỹ.

Những người sưu-tập tem-thư gồm đủ mọi giới trong xã-hội, vì họ thấy Bưu-hoa không những là một môn giải-trí lành mạnh, lại còn là một khoa-học, một nghệ-thuật giúp người chơi tem được lịch-lãm và tinh-thông.

Bưu-hoa, tiếng Pháp gọi là «Philatélie» do hai chữ Hy-Lạp Philos (Bạn) và Ateleia (Bưu-phí) thắt chặc tình hữu-nghị giữa các dân-tộc qua các con tem-thư, nên có nhiều nhà học giả đã định-nghĩa :

*Bưu-hoa là đoàn-kết và xây dựng.*

hay :

*Bưu-hoa là sự thân-tình qua tem-thư.*

Nhà kinh-tế học André Siegfried, có chân trong Viện Hàn Lâm Pháp, đã nói : « Tem-thư biểu lộ tâm trường giữa con người ». (Le timbre est le symbole expressif de communication entre les hommes).

Nhiều nước trên thế-giới đã xuất-bản những tạp-chí chuyên về bưu - hoa, như tờ « The Stamp Wholesaler » ở Mỹ, «Der Sammler Wienst » ở Đức hay « Le Monde des Philatélistes » và « La Philatélie Française » ở Pháp vân vân..., mục-đích để phổ-biến sâu rộng lợi-ích của bưu-hoa và giới-thiệu tem mới.

Ở nước ta chưa có những tạp chí tương-tợ, âu cũng là một điều đáng tiếc, trong lúc phong-trào bưu-hoa đã bắt đầu chớm nở trong giới thanh-niên và học sinh.

Để bổ-khuyết sự thiếu sót nói trên, kể từ nay Bán nguyệt-san « PHỔ-THÔNG » sẽ mở thêm mục «tem thư Quốc-tế» để thoả-mãn và ứng-đáp sự đòi hỏi của các bạn độc-giả bốn phương.

Bạn Đinh-Điền, một nhà sưu-tập tem-thư kỳ cựu, phụ - trách mục này và ngoài tem-thư Việt-Nam, sẽ giới-thiệu cùng các bạn những tem-thư do các nước trên thế-giới phát-hành, hay trình bày những mẫu chuyện vui về tem-thư, những bài khảo-cứu về bưu hoa, vì Bưu-hoa không chỉ là sưu-tập tem-thư mà thôi, lại còn là sưu-tập các phong bì đầu tiên (Maximaphilie), các con dấu đóng bằng tay (Marcophilie), các con dấu đóng bằng máy (Mécanophilie) vân vân...

*

## TEM-THƯ « HỒNG-THẬP-TỰ »

Tem-thư « Hồng-thập-Tự » phát-hành ngày 8-5-1960 có 4 giá tiền (1đ — 3đ — 4đ và 6đ).

Đặc-tính của tem-thư như sau: Khổ 26x40 ly, in một màu theo lối chạm-nổi tại Nhà in Tem-thư Pháp ở Paris. Mỗi tờ có 25 tem.

Mẫu tem do cô Vũ-thị-Ngà vẽ và hình dung ông Henri Dunant, Thủy-Tổ Hồng Thập Tự,

và lá cờ Hồng Thập Tự (chữ thập đỏ trên nền trắng).

*

Sinh ngày 8-5-1828 tại Genève (Thụy-Sĩ) cậu bé Henri Dunant lúc thiếu thời đã biết :

*« Thương người tất tả ngược xuôi,*

*Thương người lỡ bước, thương người bơ-vơ »*

nên lúc lên 21 đã cùng với một nhóm bạn bè thành lập « Hội Thanh-niên Công-giáo » để làm công việc từ thiện.

Năm 1859 trên chiến trường Solferino, miền Bắc Ý-Đại-Lợi, sau một cuộc giao-chiến dữ dội có vài nghìn binh-sĩ chết và gần 40.000 người bị thương. Cùng với sự phụ giúp của 300 người chí nguyện, ông Henri Dunant lo tổ chức việc cứu-cấp. Mọi binh-sĩ bị thương không phân biệt chủng-tộc, dầu là người Ý, Pháp hay Áo, đều được săn-sóc, băng bó và thuốc men chu-đáo, vì ông ta thường nói « mọi người đều là huynh đệ cả » (Tutti fratelli).

Năm 1860, ông ta cho xuất-bản tập sách nhan-đề « Ký ức Solferino » kêu gọi thành-lập các Hội Cứu-Tế ngõ hầu trong thời chiến có thể kịp thời săn sóc một cách hữu hiệu các thương-binh.

Nguyên-tắc đề ra được các nước lưu-ý, nên năm 1864, Hội Hồng Thập Tự ra đời ở Genève, mục-đích làm công-tác từ-thiện, bác-ái và nhân-đạo, giúp đỡ kẻ cơ cực, đói rách.

Với thời-gian Hội Hồng Thập tự càng phát-triển mạnh và hiện nay hoạt-động trên các lãnh thổ.

Ông Henri Dunant được giải Nobel về Hòa-Bình năm 1901 và tạ thế ngày 30-10-1910 trước sự thương tiếc của mọi người.

Để tỏ lòng tôn kính người quá cố, hằng năm ngày sinh nhựt của ông ta được chọn làm ngày « Hồng-Thập-Tự Quốc-tế ».

## MẨU CHUYỆN BƯU-HOA

### Bán phát mải những bộ tem-thư quí giá của ông Alfred Casparry.

Sau khi ông Alfred Casparry tạ thế, những người thừa kế đem bán phát mải những bộ tem-thư quí giá của ông ta và đã thu được những số tiền lớn.

Ngày 18-11-1956, trong một cuộc bán đấu giá tại New-York, một phần bộ tem-thư sưu-tập đã bán với số tiền thu là 296.189 mỹ-kim, tính thành bạc Việt-Nam theo hối suất tự-do gần 21 triệu bạc Riêng một tem-thư cũ của Hoa-Kỳ, giá tiền 90c đã bán được 1.000 mỹ-kim.

Trong tháng 11-1958 một cuộc bán đấu giá thứ hai cũng tại New York đã đem lại một số thu gần 57 triệu quan là giá tiền của 345 con tem đã bán ra, tính trung-bình mỗi con tem bán được 170.000 quan.

Ông Miro, một chuyên-viên về tem-thư Pháp đã mua 2 tem-thư cũ của Thụy-sĩ phát-hành năm 1843 với giá tiền 10.000 mỹ-kim, tính trung-bình một tem-thư 350.000 đồng theo hối suất tự do.

Một nhà sưu-tập tem-thư Ý cũng đã mua một tem thư cũ phát-hành năm 1850 với giá tiền 10.000 mỹ-kim, trong lúc tem-thư chỉ đáng giá 5 centimes lúc phát-hành.

### Tem-thư có in quốc-kỳ Mỹ.

Một tem-thư giá tiền 4c, in hai màu đỏ và xanh theo lối chạm-nổi và hình dung Quốc kỳ Mỹ được Sở Bưu-Điện Mỹ phát-hành ngày 4-7-1957 với số lượng là 40.000.000 tem.

Qua năm 1960 cũng vào ngày đó, một tem-thư tương-tự được phát-hành vào dịp Hawai gia-nhập Liên-Bang Mỹ-quốc (U.S.A.) với tư-cách quốc-gia thứ 50. Tem-thư giá tiền 4c, in 2 màu và hình dung quốc kỳ Mỹ bay phất phới, và lần này có 50 ngôi sao tượng





trưng cho 50 tiểu-bang. Tem-thư do ông Stevan Dohanos vẽ và in 120.000.000 tem.

### ● Cuộc thi vẽ mẫu tem-thư đầu tiên

Năm 1875 Sở Bưu-Điện Pháp có mở một cuộc thi vẽ mẫu tem-thư để chọn mẫu tem trúng giải nhứt in thành tem. Đây có lẽ là cuộc thi vẽ mẫu tem tổ chức đầu tiên trên thế-giới.

Đề-tài thi là : « Hòa-bình và Thương-mãi ». Giải nhất được lãnh thưởng 1.500 quan, giải nhì 500 quan và giải ba 300 quan.

Tuy cuộc thi chỉ mở trong 15 ngày nhưng có 440 mẫu vẽ gởi dự thi.

Người trúng giải nhất là ông Jules Auguste Sage, nên sau đó tem-thư phát-hành được gọi là tem « Sage ».

**ĐINH-ĐIỀN**

## ✱ ĂN THỊT NGƯỜI

*Một vị Linh-mục diễn-thuyết về tình thương nhân-loại, có kể chuyện dân xứ Congo ăn thịt người, từ khi xứ ấy được độc-lập, dân Congo đã ăn thịt không biết bao nhiêu người da trắng. Vị Linh-mục kết-luận :*

*— Phải đưa sang Congo một trăm vị Linh-mục để giáo-hóa cho toàn dân xứ ấy.*

*Một thính-giả liền đứng dậy nói :*

*— Thưa cha, dân-số Congo mấy triệu người mà chúng ta chỉ đưa sang 100 vị Linh-mục thì làm sao cho đủ họ ăn thịt ?*

*Toàn thể thính-giả cười rộ lên !*

## hoen vết

Lòng rưng rức sầu
Hoan lạc về đâu ?
Cõi lòng u tối,
Dang dở nhịp cầu.

Trăng đùa duyên nợ
Gió rỡn sóng tình
Một lần đinh ninh
Bây giờ lỗi hẹn.

Người xưa đâu rồi
Trăng nước mờ trôi
Lòng riêng sầu hận
Tim khóc bời bời.

Mắt quầng tóc rối
Xuyên tình chắp nối
Là duyên đoạn trường
Cuộc đời hấp hối.

Cố nhân xa rồi
Cạn sầu ly-bôi
Mắt mờ những lệ
Cố nhân đâu rồi ?

TRIÊN-TRIÊN
(*Quảng-trị*)

★

## Thao Thức

*Cô-đơn trong hồn rơi mông lung...*
*Đêm khuya canh gà ran thôn cùng.*
*Mơ xa về xưa môi run run,*
*Buông lơi cung thương vương tơ chùng...*

*Hồn ra ngoài đêm lên không trung*
*Trăng mơ sương mờ ôm thân tùng.*
*Ai ơi giờ đây xa muôn trùng,*
*Hay chăng lòng ai mang tình chung ?*

*Mong chi mai sau vui tương-phùng !*
*Bèo tan, hoa tàn, mây phù-dung.*
*Đời trôi chìm sâu trong hang cùng,*
*Đau thương ai người chia sầu chung !*

*— Ôi mơ mơ chi mơ mơ lung,*
*Sương khuya âm thầm len qua mùng.*
*Mền đơn thâu đêm rơi lung tung,*
*Tìm lên che hồn côi đang rung...*

HOÀNG-ÂN
(Định-Quán)

(*Tiếp theo P.T. số 76*)

Sự thành-công của « Phụ-Nữ Tân-Văn » do một phần đóng góp lớn của Đào-Trinh-Nhất.

Riêng về tôi không được cộng tác với Đào-Trinh-Nhất trong một tòa-soạn, song cùng là đồng-nghiệp lại có nghĩa đồng hương, cùng từ Bắc vào Nam viết báo nên thường giao du thân-mật với anh. Cũng như đa số văn-nhân, ký-giả thời Pháp thuộc mắc phải cái chứng bịnh «đi mây về gió». Đào-Trinh-Nhất thường tiếp chuyện với đồng nghiệp tại « động tiên » của anh tại đường « Lơ-Pheo » .

Nhắc đến điểm này — một tật xấu mà nhiều ký-giả mắc phải, cái tật « ghiền hút » — tôi xin lỗi anh-linh người quá cố vì muốn ghi lại một sự thật và để sẽ giới-thiệu với các bạn thấy cái hay của cây bút ấy khác với những kẻ « hút sách bê-tha ».

Tôi thường thấy sau khi đã làm bạn với « Nàng Tiên Nâu » rồi, vào khoảng nửa đêm, Đào-Trinh-Nhất dựa lưng vào tường viết một hơi hai bài mà anh phụ-trách trong một tờ báo hàng ngày hồi năm 1933-1934 : bài xã-thuyết và một bài tiểu-luận trào-phúng mà tiếng thông thường trong làng báo gọi là «bài phim».

Sau khi thôi viết « Phụ-Nữ Tân-Văn » anh cọng sự với tờ báo nào ở Sàigòn, cũng nắm bút quyền, song không mấy khi chịu đăng tên mình là chủ bút hay Thư ký tòa-soạn.

Tánh khiêm-tốn của anh được nhiều bạn đồng nghiệp mến phục. Trong tiệm hút, anh vui vẻ tiếp chuyện anh em khi chưa cầm bút viết. Nhưng khi đã mó tay vào việc, viết một lúc hai bài cho số báo ngày mai thì ai ghé thăm, anh cũng đưa sấp báo cho đọc để chờ anh viết xong một bài mới nói chuyện.

Với sự tập trung tư-tưởng như thế ấy, bài báo của họ Đào không đứt đoạn, đi thẳng một mạch khiến người đọc thấy thích-thú. Vốn là một nhà nho học song lại có cả tây-học nên anh khéo biết dung-hòa tư-tưởng thâm-trầm kín đáo của Đông-phương với lối hành văn sáng sủa rõ-ràng của Tây-phương, anh còn biết rõ trình-độ của độc-giả nữa, viết với một giọng văn vừa tầm người đọc. Đó là tánh cách cốt-yếu của các cây bút viết-báo, một trong những yếu-tố thành-công của con người ký-giả.

Nói đến bịnh « đi mây về gió » của Đào-Trinh-Nhất, tôi muốn đưa ra một nhận-xét công-bằng về đức-độ của anh. Ai nghe 2 tiếng « ghiền hút » đều có liền một thành-kiến không tốt và hình-dung ra một con người bê-tha, trụy-lạc. Ở Đào Trinh Nhất thì khác hẳn. Dầu là lúc đang có việc làm hay không cọng sự với báo nào đi nữa, họ Đào vẫn giữ toàn vẹn nhân cách. Tôi đã từng thấy thời kỳ anh thất nghiệp mà sau mỗi « cữ » hút, anh vẫn quần áo sạch sẽ, đàng hoàng, đầu tóc chải chuốt, cổ thắt ca-vát, ra tiệm sách Portail ở đường Catinat, mua một mớ báo sách ở Pháp mới gởi qua, ôm về nhà đọc.

Ai thấy anh lúc ấy cũng phải cho là một người hào hoa, phong nhã, không ai dám nghi là mắc chứng « hút sách » và đang hồi thất-nghiệp.

Được vậy là do Đào Trinh Nhất là một người « hút » có tính toán, có điều độ, trái với một số anh em khác trong làng văn, làng báo, hút một cách bừa





bãi, bê-tha mà họ tự cho là « hút lối nghệ-sĩ ».

Cho đến khi cần phải chấm dứt duyên nợ với « Nàng Tiên Nâu » lúc được ông Nguyễn-phan-Long mời vào làm trong bộ Ngoại giao rồi dinh Thủ-tướng, thì Đào-Trinh-Nhất quyết tâm bỏ hút để sống lại một cuộc đời lành mạnh, xứng đáng với giai-đoạn mới của nước nhà. Nhưng anh đã tính lầm. Các bạn thân của anh đã theo dõi những ngày bịnh hoạn cuối cùng trong đời anh đều phải kết-luận rằng anh đã bị những biến chứng do sự bỏ hút sanh ra. Và các bạn anh cũng phải phục lòng cương quyết của anh khi anh từ chối lời các bạn khuyên hút trở lại. Anh đã chịu cho Tử-thần thắng hơn là đi trái lại một điều đã quyết định.

Nói qua nhân cách của ký-giả Đào-Trinh-Nhất, bây giờ xin nhắc lại văn-nghiệp của anh.

Cúc-cung tận tụy với nghề viết báo trong 30 năm từ 1920 đến 1951, văn-nghiệp củ anh hướng về báo chí nhiều hơn là viết sách. Nếu có những sách của anh đã được các nhà xuất bản in ra, ấy chỉ là những bài đã đăng báo gộp lại, nên những tác-phẩm ấy thiếu hẳn thực chất của cuốn sách. « Phan-Đình-Phùng »... « Đông Kinh Nghĩa Thục »:.. « Đời Cách mạng Phan-Bội-Châu» v.v... đều chỉ là những loạt bài lịch-sử ký sự đã đăng báo viết với một lối văn giản-dị, hợp với trình-độ độc-giả bình dân, đại-chúng.

Tuy vậy, những sử liệu nêu ra đã được sưu-tầm thận-trọng khi Đào-Trinh-Nhất còn bôn ba nơi đất Pháp. Một phần sử liệu được tác-giả tìm tòi ở trường Bác-Cổ Viễn-Đông hay ở những sách chữ nho rất hiếm.

Khi tôi được đọc loạt điều-tra của Đào-Trinh-Nhất về « Đông-Kinh Nghĩa-Thục » đăng trong báo « Mai » của anh hồi 1936 ở Saigon, tôi đã nhận thấy sự dụng công và thận trọng của cây bút viết sử ấy. Anh đã xuống Bến-Tre, tìm cụ Huấn-Quyền (tức Nguyễn-Quyền, trước làm Huấn-đạo ở Lạng-Sơn) để phỏng vấn cụ mà viết những điều thật đích-xác. Một người sáng lập và hiệu-trưởng giám-đốc của « Đông-Kinh Nghĩa-Thục » thuở trước, bị Pháp bắt an-trí tại Bến-Tre sau

2 năm ở Côn-lôn, mà nói về « Đông-Kinh Nghĩa-Thục » thì còn nguồn tài liệu nào chắc chắn cho bằng.

Đào-Trinh-Nhất để lại cho các ký-giả hậu tiến một gương sáng về lương tâm nhà nghề : phải tìm rõ sự thật trong khi viết báo, chớ không thể nằm nhà viết theo tưởng tượng hoặc theo những lời đồn.

Một đặc-tánh nữa ở con người ký-giả ấy, là biết cách gợi tánh tò mò của độc giả bằng những cái tựa ngộ nghĩnh, lạ kỳ mà anh đặt cho bài báo.

« Một bài thơ đuổi được 5 vạn quân. »

« Súng đẻ ra văn. »

«Tàu thả xuống Nhật một loạt bom giấy» —(Tin về cuộc thả mấy triệu truyền đơn của chánh-phủ Trung-Hoa xuống đất Nhật hồi đầu cuộc Hoa-Nhật chiến tranh).

Trên đây là mấy cái tựa báo hình như ở Trung Bắc Chủ Nhật, mà tôi còn nhớ mãi,

Nói đến « Trung-Bắc Chủ-nhật » nhà viết sử về báo chí sau này phải ghi công của Đào Trinh Nhất đã nghĩ ra một thể-tài mới cho tuần báo ấy, một thể-tài vừa vui tươi, hấp dẫn, vừa nâng cao kiến-thức người đọc.

Nhờ những mục của họ Đào, ký dưới nhiều bút hiệu khác nhau, mà « Trung-Bắc Chủ-Nhật » đã sống một thời toàn thịnh như tuần báo « Phụ Nữ Tân Văn » mà bàn tay Đào Trinh Nhất đã từng tác tạo ở trong Nam.

Có điểm lạ là ký-giả họ Đào viết mục gì cũng thành công. Từ xã-thuyết đến phiếm luận, qua khảo-cứu sử-ký, văn-học, dịch-thuật, anh đều như con « dao pha » dùng vào việc gì cũng được ; mục nào anh viết cũng cho độc giả cái cảm tưởng là thuộc sở trường của anh.

Rồi Đào Trinh Nhất viết cả... tiểu thuyết nữa. Bộ tiểu thuyết « *Cô Tư Hồng* » xuất hiện lần đầu tiên trên « Trung Bắc Chủ Nhật » ký biệt hiệu *Hồng Phòng* khi ấy có ai ngờ là của cây bút đạo mạo từng viết xã-luận, từng nghiên cứu lịch sử. Kế tiếp đến « *Con Quỷ phong lưu* » — « *Một kẻ bán trời* » đều là những tiểu-thuyết xã-hội của họ Đào. Lịch-sử tiểu-thuyết « *Lê Văn Khôi* » đăng trong báo ấy cũng thành công không kém các bộ tiểu thuyết xã-hội.





Tiểu - thuyết của anh thiếu tánh chất văn nghệ một phần nào. Điều đó hẳn có nhiều người đồng-ý, vì họ Đào không sống một cuộc đời văn nghệ-sĩ mơ-mộng, nghề viết báo bắt anh sống một cuộc đời thiết-thực hơn, đi sát với thật tế hơn. Tuy nhiên trong mấy bộ tiểu-thuyết anh đã trước-tác, người ta nhận thấy những quan sát tinh vi xen vào đó những ý-nghĩ châm-biếm, hài hước.

Nghề viết báo còn đòi hỏi ở các ký-giả một kỹ-thuật đi sát với kỹ-thuật ấn-loát nữa, tức là kẻ viết báo phải hiểu ít nhiều về nhà in vì bất cứ ở nước nào nhà in với tòa-soạn phải hoạt-động ăn khớp với nhau thì mới thành công được. Tờ báo nhờ đó mới tranh thủ thời giờ « ra lò » đúng ngày giờ đã định, cung phụng đúng vào lúc độc-giả chờ đợi tờ báo gần như thành thói quen.

Về kỹ-thuật ấy, tôi không đủ thẩm-quyền bình phẩm, không được cọng tác với Đào-Trinh-Nhất trong một tòa-soạn. Tôi xin mượn lời của Văn-Lang trong nhóm « Trung Bắc Chủ Nhật ».

Văn-Lang xét đoán về họ Đào như sau đây :

« Quán-Chi tiên-sinh viết bất kỳ lúc nào cũng được, bất cứ ở đâu cũng được. Rất nhiều người viết văn, làm báo, chỉ có thể viết tin tức hay những mẩu văn xoàng xoàng ở nhà in có máy chạy rầm rầm, có người ra vào ầm-ĩ. Quán-Chi thì không thể : đương ở nhà in mà thiếu văn hay luận thuyết, ông ngồi luôn ở đấy mà viết giữa đám người nhộn-nhịp ; nếu đương ở nhà mà có người đến nói thiếu bài, ông nằm sấp hay dựa lưng vào tường, kê giấy lên đầu gối mà viết luôn. Thậm chí có lắm khi ở ngay nơi hành-viện (?) thức đến gần sáng, mà biết là độ tám, chín giờ có người đến lấy. bài, ông lại cũng có thể ngồi viết nữa...

(*còn nữa*)

● *TRUYỆN NGẮN*

# lối thoát

***PHAN-THỊ MỸ-KHANH**

BẰNG vừa thức giấc thì chợt nghe tiếng còi tàu hỏa rít một hồi dài. Anh ngồi dậy vươn vai, xỏ chân vào dép rồi bước lại gần cửa sổ, khoan khoái hít lấy khí trời trong mát của buổi mai xuân êm ả từ bên ngoài lùa vào căn phòng nhỏ bé. Anh lăng-lặng theo dõi tiếng đoàn tàu im hẳn trước ga rồi lại bắt đầu xình xịch và xa dần. Bằng lẩm bẩm : « Lại trễ tàu ! Thôi, mai hãy đi ! »

Anh đi ngang qua gian giữa để xuống nhà dưới. Mấy nhành hoa trong độc bình để trên bàn đã héo, cánh hoa rơi vương vãi trên tấm khăn trải màu trắng làm anh liên tưởng đến những ngày Tết vui vẻ rộn rịp đã qua từ hôm nào, để lại lòng anh nỗi nhạt nhẽo, chán nản và vô vị. Đáng lẽ anh chỉ được nghỉ Tết bốn ngày, mồng năm là anh phải trở ra hãng, nhưng năm buổi sáng qua rồi, năm chuyến tàu ra Tỉnh, Bằng đều dần dà cho trễ luôn. Thằng Vinh, em anh đã bắt đầu đi học lại trường làng, tấm lịch





trên tường đã gỡ đến ngày mồng mười tháng giêng.

Bà mẹ ngồi xoáy trầu ngoài hiên, nghe tiếng dép lẹp-kẹp chợt ngẩng lên. Thấy bóng con trai bước vào, bà cụ ngạc nhiên :

— Con chưa đi à ?

Bằng đáp gọn :

— Con trễ tàu.

Bà cụ trợn mắt :

— Trễ tàu nữa ? Chết thật, liệu có việc gì không con ?

Bằng quay nhìn chỗ khác giọng buồn buồn :

— Cùng lắm là họ đuổi.

Bà cụ thở ra, im lặng một lát. Lâu lắm bà mới nói thêm, giọng chậm rãi :

— Con sao có tính hay nói những cái gàn gàn, mẹ không hiểu được ý con. Dễ gì xin một chân thư ký mà con không bấu víu lấy. Hay con có điều gì ngại cũng nên nói cho mẹ biết.

Bằng cười gượng :

— Con nói chơi cho vui, mai rồi con đi.

Nói xong, anh bước đến phía sau lưng mẹ, lấy hai tay ôm vòng cổ bà cụ như cử chỉ hồi còn bé anh thường làm mỗi khi mẹ anh đi đâu về. Dưới làn áo vải anh bắt gặp đàng xương sống nhô ra, bất giác anh nhìn toàn thân hình gầy guộc khẳng-khiu của mẹ mà cảm-động. Anh hình dung lại người đàn bà ấy ngày xưa, khi chưa vất-vả lo-âu, tươi tắn phương phi bao nhiêu. Cha anh mất đi, để lại cho bà đàn con sáu đứa và những bổn phận to tát : nuôi nấng, dạy bảo và gầy dựng gia-thất. Qua thời ly-loạn, đôi mắt mẹ anh đã nhiều phen khóc cho các anh chị anh kẻ mất người còn, lưu lạc phương xa. Bằng lớn lên, tự thấy bổn phận mình phải nuôi mẹ nuôi em nên đã nửa chừng bỏ dở học hành, đi tìm việc làm. Sau nhiều thử-thách gay go khiến anh gần đâm chán-nản, anh chịu đứng chân thư ký cho một hãng buôn lớn ngoài Tỉnh. Tuy lương tiền chẳng được đầy đủ lắm, anh cũng cảm thấy toại nguyện vì ở gần nhà, hằng tháng anh có thể dè sẻn gởi về giúp mẹ, phụ thêm vào chút hoa lợi ít ỏi trong vườn đất ông cha để lại.

Trong những năm lẩy đẩy lận đận chưa có việc làm, Bằng không bao giờ mơ tưởng đến việc lập gia đình. Đời anh chỉ có một ước vọng là làm có tiền cho mẹ, em và mình sống khỏi vất-vả. Ngày ngày anh chỉ cặm cụi với ba con tính, cọng cọng trừ trừ trong mấy quyển sổ dày đặc. Một nụ cười xinh, một tà áo đẹp hay một giọng nói êm êm chẳng gợi cho anh một cảm-nghĩ gì.

Nhưng Tết năm ngoái, khi ở quê ngoại về, lòng anh đã phải bận rộn vì một người con gái : Hạnh. Tình cờ Bằng gặp Hạnh ở nhà dì Tám và do cô Thùy, con dì ranh mãnh giới thiệu, anh biết nhiều về Hạnh. Nàng mồ côi nhưng đứng đắn, dễ thương và khéo tay. Hôm ấy trước mặt Bằng, nàng nói chuyện không được tự nhiên và xem bộ có nhiều cảm tình với anh. Về nhà, nghĩ đến Hạnh, Bằng chợt thấy lòng ấm áp dễ chịu và chàng liên tưởng đến một gia đình con — con có bàn tay người vợ hiền chăm sóc.

Sau cái Tết ấy, hai người yêu nhau và Bằng cũng đã thưa mẹ rõ việc hôn nhân của anh. Bà cụ mừng rỡ, thấy con không còn khư khư giữ ý kiến độc thân như trước, và nghe Hạnh ngoan ngoãn đảm đang. Nhưng ngày cưới chưa định được vì Hạnh còn thọ tang cha. Bằng nhìn đời bằng đôi mắt lạc quan, cảm thấy trước tương lai anh, hạnh phúc sẽ tràn-trề.

Nhưng... rồi, mới đây, một sự việc xảy ra làm bực trí Bằng, gieo vào lòng Bằng nhiều thắc mắc. Đó là việc cô Trang. Cô con gái ông chủ, một hôm đột ngột tỏ tình với anh. Cô ta bảo là cảm tình với anh từ lâu và mong anh đừng từ chối. Bằng hoảng lên. Trong một phút bất ngờ, Bằng đã bối rối mà hứa với Trang. Thật ra, anh có để ý đến cô ấy bao giờ đâu, nói anh không dám để ý thì đúng hơn, vì anh biết an phận nghèo hèn của mình, của một kẻ làm công và anh đã sợ quá rồi cái lối sống của các cô gái thị thành đài các. Hơn nữa, anh đã có Hạnh ở trong lòng. Hạnh không đẹp rực rỡ đầy màu sắc như Trang. Nàng mộc mạc đơn giản





như hoa đồng cỏ nội nơi làng anh nhưng chứa đầy hương vị.

Bằng suy nghĩ nhiều đêm một lối thoát êm ái để tránh những phiền phức ngày sau mà anh đoán chắc thế nào cũng xảy ra. Anh nơm nớp lo sợ đến nỗi khi ông chủ gọi giao cho một việc gì, anh cũng tưởng là ông sắp tra vấn về việc cô con gái. Đôi mắt ông vẫn hiền như mọi khi mà Bằng có cảm giác như ông nhìn thấu ruột gan mình.

Bằng cố tìm một chỗ làm khác mà công việc và lương tiền phù hạp với nhu cầu anh, song tìm chưa được. Cô Trang càng ngày càng say đắm anh, đôi lúc bộc lộ lắm cử chỉ táo bạo. Nhiều khi lo sợ, Bằng định nói thẳng sự thực với nàng, nhưng rồi anh lại rụt rè không dám.

Tết đến, Bằng mừng rỡ như trẻ con, anh được về quê nghỉ ngơi, bớt được sự tiếp xúc hằng ngày với Trang và sẽ có dịp cho anh tìm kế hoãn binh.

Cho nên, Bằng nằn ná ở lại nhà đến hôm nay. Anh giấu mẹ cái lý do chính đáng đã buộc anh trễ mất năm chuyến tàu, năm buổi sáng qua.

Thằng Vinh đi học đã về. Nó ôm lấy cổ anh :

— Anh chưa đi làm, anh Tư ? Anh ra rồi tuần sau về, mua cho em cái cặp, nghe anh. Cái cặp em hư rồi !

Bằng xoa đầu em và cười.

Nhìn mẹ, nhìn em, anh băn khoăn xao-xuyến. Mặc kệ, anh cứ đi rồi sẽ giải quyết những gì cần phải giải quyết. Không đi, lấy gì nuôi mẹ, nuôi em, lấy gì xây dựng tổ ấm cho anh và Hạnh mai sau.

*

Bằng tưởng ông chủ sẽ rầy la về sự trễ nãi, nhưng không, ông ta vẫn niềm nở đón nhận anh, và Bằng lại tiếp tục công việc, ngày ngày không sai chạy.

Nửa tháng sau, bỗng nhiên Bằng nhận được thư em báo tin mẹ ốm nặng. Em anh bảo anh liệu thu xếp về gấp. Anh hốt hoảng, lên xin ông chủ cho nghỉ việc và mượn trước một ít tiền lương. Ông chủ cau mày :

— Đã nửa tháng giêng anh

mới đến, làm bao nhiêu mà tiền với nong !

Bằng định nói thêm, thì ông tiếp, giọng xẵng hơn :

— Buôn bán còn ế, chưa có tiền ! Rồi ông ra cửa, lên xe đi thẳng.

Bằng lủi thủi trở lại chỗ ngồi với mớ sổ sách bỏ giở, anh cắm cúi tính toán làm cho xong công việc trước buổi trưa, rồi chiều sẽ lên tàu. Bây giờ không có tiền anh cũng phải về chứ biết sao ! Về đây rồi sẽ liệu, anh tự bảo.

Có tiếng giày nhẹ nhàng sau lưng Bằng. Anh giật mình ngẩng lên. Trang đã đứng đấy tự bao giờ, nhìn anh có vẻ ái ngại :

— Ba em không trả tiền cho anh có phải không ?

Bằng luống cuống :

— Không... không... tôi không đòi tiền. Cô nghe lầm.

Trang nhăn mặt :

— Em không lầm đâu. Việc gì anh phải dối. Mẹ anh đau, anh cần tiền tiêu mà ba em chưa trả lương cho anh, em biết hết.

Rồi nàng lại gần, trao cho Bằng một cái hộp, nói nhỏ :

— Anh tạm cầm lấy vật nầy về xử dụng lỡ khi cần.

Bằng lui ra, tránh bàn tay trắng nuột của người con gái. Anh ấp úng :

— Cô Trang, cô đừng làm thế, ông biết được, không tiện cho cô và cả cho tôi.

Nhưng Trang quả quyết :

— Không có gì là không tiện cả, em giúp anh vì anh cần cũng như em cần, thế thôi. Anh không nhận, em không bằng lòng. Anh về xong việc rồi ra nhé, chóng kẻo em mong.

Nói xong, nàng đặt chiếc hộp trong tay Bằng rồi vội vàng quay vào. Bằng ngơ ngác một phút trước sự việc xảy ra đột ngột không biết nên xử trí thế nào. Bỗng anh như sực nhớ ra, cầm chiếc hộp chạy theo Trang :

— Nầy, cô... Tôi trả cho cô...

Nhưng nàng đã khuất sau tấm màn gió màu xanh nhạt.

Quay ra, Bằng bối rối khi gặp phải đôi mắt nghiêm nghị của ông chủ đang nhìn mình. Ông đứng sừng-sững giữa nhà từ bao giờ, có lẽ ông đã mục





kích và hiểu phần nào câu chuyện. Chiếc hộp vuông xinh xinh còn để trên bàn, cạnh chồng sổ sách đang tính dở. Bằng cúi mặt, đợi một câu trách móc. Ông chủ hắt hàm :

— Anh chưa về ?

—Thưa ông, tôi sẽ về chiều nay.

Đôi mắt quan-sát của ông chủ bỗng chăm vào chiếc hộp. Ông cầm lên mở ra ngắm nghía rồi gật đầu một mình, tỏ ý đã hiểu. Ông chỉ tay vào mặt Bằng, quát lớn :

— À, mầy còn nấn ná ở lại để lấy cho được của nầy rồi mới về có phải không ?

Bằng lúc ấy trở lại bình tĩnh :

— Thưa ông, tôi ở lại để làm cho xong sổ sách.

Ông chủ cười gằn :

—Hừ, làm cho xong ! Láo cả !

Rồi như không nén được cơn giận đương lên, ông chồm lên nắm lấy vai người thanh niên lay mạnh :

— Thế nầy là tao nuôi ong tay áo, mầy quyến rũ con gái tao để lấy chiếc nhẫn nầy. Tao thật không ngờ. Bây giờ việc đã quả tang, mầy muốn gì ?

Bằng cố gỡ thoát khỏi hai bàn tay ông chủ. Vẫn giọng lễ phép, anh phân trần :

— Thưa ông, tôi không quyến rũ... Cô ấy...

Ông chủ rít lên :

— Nầy, mầy chối, phải ..?

Tiếp theo lời nói, là một cái tát nảy lửa vào má Bằng. Rồi những chiếc đấm đá túi bụi vào lưng, vào ngực anh. Bằng không la lối, anh chỉ lặng yên chống đỡ. Bỗng ông chủ trượt chân, ngã, va đầu vào tủ hàng, nghe rầm một cái. Mặt kính vỡ, rơi loảng xoảng trên nền xi măng. Bằng giật mình khi thấy ông chủ nằm lã người rên rỉ và trên trán ông rướm máu. Không nghĩ ngợi, anh ôm cặp mở cửa bước ra đường hối hả tiến về phía ga chợ.

★

Mười hôm sau, người hai bên phố đổ xô ra xem Bằng đã bị bắt về tội quả tang ăn cắp và hành hung. Anh đi giữa hai người lính, nét mặt thản nhiên tuy đôi bàn tay bị xiềng và cánh tay anh mang chiếc băng tang.

Anh đã có đủ thì giờ để chôn cất mẹ và thu xếp cho em tiếp tục học hành. Hôm nay chắc chắn anh đã tìm được lối thoá

# Danh-Nhân Thế-Giới
## Trên-bán Thế-Kỷ Hai-mươi

## 4. Henri BERGSON (1859-1941)

★ TÂN-PHONG

**● Một cậu học trò ưu-hạng về cả hai môn: Văn-học và Khoa-học.**

TỪ xưa đến nay, bất cứ ở trường nào và ở xứ nào, ít có được những cậu học trò vừa giỏi cả môn Văn-chương lẫn môn Khoa-học, vì hình như hai môn nầy chống chỏi nhau. Hễ giỏi Văn-chương thì kém Toán và Khoa-học. Trái lại, chiến về Khoa-học và Toán, thì Văn-học rất tồi.

Cậu học trò HENRI BERGSON, học trường Trung-học Condorcet ở Paris, thi Tú-tài năm 1878, đỗ đầu về cả hai khoa : *Văn-chương*, ưu-hạng. *Khoa-học*, ưu-hạng.

Cùng lớp với Bergson, người đỗ thứ nhì, là JEAN JAURÈS, sau trở thành nhà xã-hội-học và chính-trị-gia lừng-danh thế-giới, lãnh-tụ đảng xã-hội Pháp trước trận Đại-chiến 1914-18.

Henri Bergson giỏi Toán đến đỗi, cũng như Pascal, cậu làm được tất cả những bài toán khó nhất mà chính các vị giáo sư Toán có danh tiếng nhất cũng tìm không ra giải pháp. Tuy vậy, cậu lại thích Văn - chương và Triết-lý hơn !

Đỗ Tú tài xong, Henri Bergson vào học Đại-học Văn-khoa và Đại học Sư-phạm. Chàng sinh

viên tóc hoe, thân hình ốm yếu, trán rộng, lông mày rậm, mắt sáng quắc, mới 18 tuổi đã có vẻ mặt trầm-tư mặc-tưởng. Rất khiêm tốn, rất lễ phép với mọi người, Henri Bergson vẫn cách biệt, thích tĩnh mịch, không ưa giao du, không ham đời sống ồn ào, xa-hoa, vật chất. Cả ngày cặm cụi trong sách vở, tìm-tòi học hỏi các bậc danh-nhân của tư-tưởng. Ở Đại-học có một số sinh viên ghen-ghét, tìm lời nói xấu chàng : « Bergson không có tâm hồn ! ».

Chính Bergson có tâm-hồn mãnh - liệt hơn ai hết, nhưng không phải cái tâm hồn bị tiêm nhiễm các thành kiến của thế kỷ, tâm - hồn nô - lệ trong khuôn-khổ lệch-lạc của triết-lý truyền-thống.

Bergson tìm hiểu, nhận xét theo một quan-niệm riêng, kinh-nghiệm riêng, và phát - minh ra một căn-bản triết - lý mới, một giải - pháp suy-tư mới.

Đỗ Thạc-sĩ Triết - học năm 1881, Tiến-sĩ Văn-chương năm 1889, giáo sư Đại - học ở Collège de France năm 1900, Henri Bergson được cử vào Hàn-lâm-viện Khoa-học Chính-trị năm 1901, Hàn - lâm-viện Pháp năm 1914, và được giải thưởng Nobel Văn-Chương năm 1927...

**● TRIẾT - LÝ BERGSON : TRỰC - GIÁC**

BERGSON là một nhà Triết học lớn nhất của Pháp đầu Thế-kỷ XX, và của Thế-giới, vì học thuyết « Trực-giác » của ông đã có ảnh hưởng rộng lớn trong tư-tưởng nhân-loại,

có công-dụng « cải-tổ phương-pháp tư-tưởng » trên nền-tảng thực-tế của đời sống con người.

Muốn hiểu chu-đáo hệ-thống triết-lý của Henri Bergson, cần phải có thì giờ giảng-giải rất tỉ-mỉ trong một quyển sách triết-học. Ở đây, tôi chỉ xin tóm-tắt đại-cương, để các bạn có những yếu-tố nhận-định thế nào là triết học của Bergson, tại sao quan-điểm của ông đã sửa-đổi lại toàn-diện Tư-tưởng Đông-Tây từ trước ? Bergson đã đem vào cái gì mới trong phương-pháp tư-tưởng của con người ở Thế-kỷ XX ?

Tất cả triết-lý của Bergson đã được tóm-tắt trong một chữ : INTUITION (*Trực-giác*).

✱

## THẾ NÀO LÀ TRỰC-GIÁC ?

Nên hiểu rằng từ thời Thượng-cổ Hy-Lạp, nơi khởi-thủy của Tư-tưởng Âu-Tây (cũng như Trung-Hoa thượng-cổ là nơi khởi-thủy của Tư-tưởng Đông-phương), hầu hết các học-thuyết Tây-phương đều thừa-nhận rằng trí thông-minh của con người là có đủ sáng-suốt để nhận định mọi sự vật trên đời. Cũng có những triết-học *hoài-nghi* khả-năng nhận-định ấy, hoặc cũng có những triết-học thuộc phái *tương-đối* cho rằng trí thông-minh chỉ có một hiệu-quả tương-đối, chỉ nhận định được trong giới hạn các hiện-tượng mà thôi. Nhưng tựu-trung, tất cả các học thuyết đều cho rằng trí-óc của con người là có khả-năng hiểu biết, hoặc rộng hoặc hẹp, hoặt ít hoặc nhiều. Do đó, tất cả đều tin-tưởng vào trí thông-minh là nòng-cốt duy nhất của hiểu biết, và các khoa-học cũng xây dựng duy-nhất trên những nhận xét của trí thông-minh. Trí thông minh được coi như đóng vai trò tối cao trong các biến diễn tinh thần của con người.. Nó như chiếc chìa khoá duy nhất để mở tất cả các ổ khóa.

Bergson là nhà triết học đầu tiên đặt lại vấn đề ấy. Ông đưa ra nhiều thí dụ để chứng minh rằng trí thông minh không phải là yếu tố duy nhất, và con người còn có một yếu tố thứ hai, huyền vi hơn, mà chắc chắn hơn, để *trực-nhiên thông cảm với mọi sự vật*. Không cần cầu cứu đến trí thông minh quá máy móc, quá cứng rắn. Yếu-tố thứ hai ấy gọi là TRỰC GIÁC. Cũng có khi chúng ta gọi nó là LINH-TÍNH.





Thí dụ như anh muốn nói cho tôi nghe về một ý-nghĩ nào đó của anh, dĩ-nhiên là anh phải dùng các danh từ, các câu nói, anh phải lựa chọn những chữ để diễn-tả cho tôi hiểu ý-nghĩ của anh. Nhưng khi tự anh nghĩ đến ý ấy, thì anh không cần đến danh từ nầy nọ, anh chỉ trực-nhiên cảm thấy ý-nghĩ ấy rõ-ràng trong lương-năng của anh. Anh tự nhìn thấy vấn-đề trong nội-giới của tư-tưởng, không cần phải xử-dụng đến trí óc thông-minh. Anh đã thấy rõ cái mà Bergson gọi là « những dữ-kiện trực-tiếp của lương-năng » (les données immédiates de la conscience).

Khả-năng thiên nhiên ấy, ta có thể nói là một trí thông-minh thứ hai, nhưng nó rộng-rãi hơn, khoáng-đạt hơn, và thực-tế hơn chứ không ngoan-cố thành hệ-thống như trí thông minh. Ta nắm lấy *trực giác* với bẩm chất thiên-nhiên của nó, không cần phải mượn những ý-niệm về sự hiểu biết trong thời gian và thời thượng. Bergson chỉ cho ta thấy có hai loại thời-gian : một là thời-gian chân chánh thuộc về tâm-lý, (le temps psychologique) hai là thời-gian giả-tạo thuộc về máy móc mà ông gọi là « thời-gian của toán số » — le temps mathématique.

Thời-gian tâm-lý vĩnh - viễn hơn, và đích-xác hơn, nó liên-hệ mật thiết với bản-ngã, nó sáng-tạo không ngừng. Còn thời-gian của toán-số chỉ thu-nhận theo hệ-thống có sẵn, nó chỉ bền-bỉ trong một giới-hạn. Cuộc đời của ta cũng như lương-năng của ta, là bền-bỉ, linh - động, luôn luôn sáng tác, tự do.

Chúng ta thấy rằng các triết-lý từ xưa, vì « nói chân lý » nhiều quá rốt cuộc rồi không biết đâu là « chân lý » cả. Bởi trí thông minh đem xử-dụng mỗi người mỗi cách, thêu dệt theo mỗi thành kiến có sẵn, đến khi kết luận thì hầu hết các « chân lý » giả tạo ấy không còn đứng vững nữa. Cuộc đời càng phức tạp, chân-lý máy móc càng cứ phức-tạp thêm mãi. Chỉ có

trực-giác là tinh-túy chân thật nhất của mỗi cá-nhân, chỉ có nó là nhận xét đích-xác tất cả mọi sự vật trên đời.

Một triết-học máy-móc như triết-học Taine cho rằng tội-ác và đạo-đức đều là các sản-phẩm của xã-hội, như lưu toan và đường, (le vice et la vertu sont des produits comme le vitriol et le sucre). Công-thức ấy gạt bỏ trách-nhiệm cá nhân, gạt bỏ luân-lý. Theo chủ-trương Trực-giác, thì trái lại, đạo-đức và tội-ác chính là kết quả của bẩm-chất con người (trong quyển sách của Bergson : *Le deux sources de la Morale et de la Religion*).

Cũng như cái Cười (Le Rire) nó không phải là một sản-phẩm của trí óc thông-minh, hay của đạo-đức luân-lý xã-hội. Nó là một Trực-giác, nó có bẩm-chất thiên-nhiên, tự-do, khoáng-đạt, không phải máy-móc. Cái Cười là một biểu-diễn tự-do, chân-thật của Linh-tính, chứ không phải một yếu-tố giả-tạo theo công-thức toán-số và khoa-học.

Nó là một « sáng-tác thường-xuyên », *une création continue*, của Trực-giác. Học-thuyết *Trực-giác* của Bergson giải-quyết được nhiều vấn-đề thắc mắc như các đối-tượng : tự-do, hay thiên-mệnh (*Liberté et déterminisme*) tiến-triển, hay sáng-tạo (*Evolution et création*) v.v... mà các triết-lý khác xử-dụng trí thông-minh để phân-tách, không bao giờ đi đến sự thỏa-hiệp về chân-lý đích xác.

Triết-lý của Bergson mở rộng giới-hạn khả-năng nhận xét và hiểu biết của mọi người, của mỗi cá-nhân. Bergson quả quyết rằng không có giải-pháp nào khác cho mỗi vấn-đề triết-học bằng sự tiếp-xúc với thực-tế. Cứ mỗi vấn-đề triết-lý liên quan đến đời sống của con người, là phải có mỗi sự nỗ-lực tư-tưởng theo trực-giác cá nhân, với mỗi tính-chất khác nhau, Cũng như mỗi người trong chúng ta, ở mỗi hoàn-cảnh, mỗi tuổi, mỗi địa-hạt, đều có vô số các vấn-đề cần phải giải-quyết, không phải là nhờ ở trí thông minh có giới hạn trong không gian và thời gian, mà chính là nhờ trực-giác thiên-nhiên, bền-bỉ vĩnh-viễn của mỗi trí óc, mỗi « lương-năng » — *conscience* — uốn-nắn tùy theo định-hướng.





## ● KHI MỘT NGƯỜI DO-THÁI CHẾT

BERGSON đem áp-dụng học thuyết Trực-giác trong hầu hết các vấn-đề, cho đến cả vấn đề tôn giáo. Triết lý của ông làm căn bản cho sự giảng-giải nhiều sự kiện phức tạp khó hiểu trên đời. Ông dung hòa được khoa-học và trực-giác, và đã xây đắp nền móng cho môn khoa-học trực-giác (la Science intuitive). FLEMMING tìm ra thuốc trụ sinh *Pénicilline*, NICOLLE tìm ra nguyên do truyền nhiễm của bịnh *typluss*, YERSIN tìm ra vi-trùng bịnh dịch-tả. FUNK tìm ra chất *vitamine*, v.v... đều là những nhà khoa-học trực-giác; nhờ trực-giác mở màn khám-phá cho khoa-học thực-nghiệm.

Henri Bergson là người Pháp, nhưng là giòng-giống Do-Thái. Cho nên năm 1940, nước Pháp bị quân đội Hitler chiếm đóng, Bergson sắp sửa bị quân Đức bắt. Nhưng lúc bấy giờ ông bị hai chứng bịnh trầm-trọng : bị bại, không đi đâu được, và bị đau phổi. Ông chết ngày 4-1-1941, trong căn nhà vắng-vẻ, chỉ có vài người bạn thân biết tin, lo việc tống-táng.

Thi-sĩ Paul Valery, đại-diện Hàn-lâm-viện Pháp, can-đảm đọc điếu-văn ca-tụng công-đức và tài-năng siêu-việt của nhà Đại triết-học của Thế-kỷ, mặc dầu quân-đội Đức cấm-đoán. Bài điếu-văn ấy được truyền ra khắp Âu-Mỹ và các Viện Hàn-lâm của thế-giới dân-chủ đều tổ-chức lễ ai-điếu để thương tiếc Henri Bergson.

*TÂN-PHONG*

### ★ Danh ngôn

Một người ngốc bao giờ cũng có một người ngốc hơn thán-phục nó.

(*Un sot trouve toujours un plus sot qui l'admire*).

BOILEAU (Nhà văn Pháp)

# XUÂN CẢM

BÀ SONG-THU là một nhà Nữ Cách-mạng Việt-Nam mà các giới Cách-mạng Nhật-bổn và Trung-Hoa đều biết tiếng và kính-phục. Bà rất giỏi về Hán-tự. Dưới đây là bài thơ chữ Hán do tự tay bà viết, phiên-âm, dịch ra Thơ Việt và có nhã ý gởi đăng trong tạp-chí Phổ-Thông để bạn đọc nhàn-lãm.

N.V.

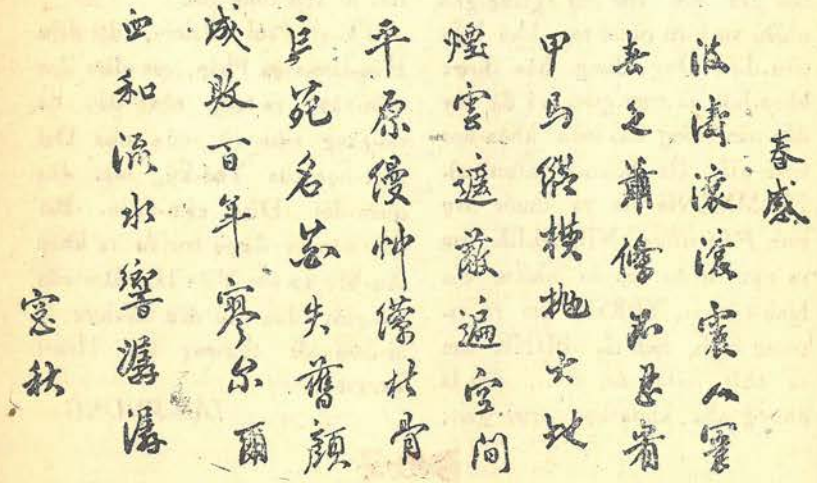




# XUÂN CẢM

*Phiên-âm :*

*Ba đào cồn cồn chấn nhơn hoàn*
*Xuân sắc tiêu điều bất nhẫn khan*
*Giáp mã tung hoành phao đại địa*
*Yên vân già tế biến không-gian*
*Bình nguyên mạn thảo oanh khô cốt*
*Cự uyển danh hoa thất cựu nhan*
*Thành bại bách niên liêu nhỉ nhỉ*
*Huyết hòa lưu thủy hướng san san*

*Dịch :*

*Ai gây sóng gió suốt nhơn-hoàn ?*
*Cho cảnh ngày xuân kém vẻ-vang.*
*Yên giáp nghênh-ngang phơi đại-địa,*
*Khói mây mờ-mịt phủ không-gian.*
*Cỏ hoang đồng rộng bao xương trắng,*
*Hoa đẹp vườn xưa lợt nhụy vàng.*
*Thành bại trăm năm rồi cũng thế,*
*Giòng sông cuồn-cuộn máu hòa chan.*

SONG-THU

# MÌNH ƠI!

— Dạ !

— Úi chà ! Hôm nay Mình của em ngoan thế !

— Anh thì lúc nào chả ngoan ! Nhưng em nên nhớ rằng anh chả có lúc nào ngoan cả !

— Mình không ngoan với ai, chứ với em em thấy lúc nào Mình cũng ngoan-ngoan-ngoan là ! Thế, em mới yêu Mình mê-ly.

— Cám ơn.

— Mình ơi !

— Dạ...

— Em nghe người ta đồn có ông Thầy-Tướng gì, người Bắc, ở đường gì... (đường gì, em quên mất rồi)... xem số tử-vi hay lắm, đúng 100 phần 100. Chủ-nhật nầy Mình rảnh đưa em đến đấy cho em xin thử một lá số Tử-vi, Mình nhé ? Nghe nói ổng lấy mỗi số Tử-vi đến 200 đồng ! Sao mà đắt thế, hả Mình ?

— Em muốn xem Tử-vi đưa 200 đồng đây cho anh, anh xem hộ cho, khỏi mất công đi đâu.

— Mình xem tướng số giỏi rồi, em biết rồi. Mình học khoa tướng số hồi nào thế hả Mình ?

— Anh học từ ba bốn nghìn năm trước J.C...

— Là thế nào, hả Mình ?

— Là vì khoa tướng-số đã có từ đời Thượng-cổ lận. Quyển sách Tướng đầu-tiên mà người ta đã tìm được, viết trên đất sét, là ở xứ CHALDÉE, Hy-Lạp, 4000 năm trước J. C. Nhưng đến Thế-kỷ XI sau J.C. khoa Tử vi Âu-Tây mới được gần như hoàn-thành, trải qua mấy ngàn năm kinh-nghiệm, bổ-túc, đến đời PTOLÉMÉE (Ai Cập, ở Alexandrie) mới thành quy-tắc khoa Chiêm-tinh. Ở Trung-Hoa, kể từ thời CHIẾN-QUỐC, vào khoảng 400 năm trước J. C. đã có QUỶ-CỐC-TỬ, Thần cốc-tử... lốc-cốc-tử... sành về khoa chiêm-tinh và bói-toán. Quỷ Cốc-Tử là Quân sư của Tô-Tần và Trương-Nghi Thế-kỷ XVI bên Tây-phương, có tiên-sư NOSTRADAMUS ở Pháp (1503-1566), và ở Đông-phương có cụ cố TRẠNG-TRÌNH nhà ta, húy-danh là NGUYỄN-BỈNH-KHIÊM (1494-1585), cùng một thời đại. Mãi cho đến bây giờ, Chiêm-tinh-gia và Thầy

bói Thầy tướng ở khắp xứ trên khắp mặt Địa-cầu, lấy thúng hốt đổ xuống biển một nghìn năm cũng chưa hết !

— Em hỏi thật Mình nhé, khoa Chiêm-tinh và số Tử-vi, có đáng tin không ?

— Hỏi như thế, không thể trả lời dứt khoát. Vì đây là một khoa-học huyền-bí, mặc dầu thế-kỷ XX của chúng ta đang sống đây là thời-đại của Khoa-học Nguyên-tử, của Hỏa-tiễn, Phi-thuyền, nhưng Khoa-học huyền-bí vẫn giữ vị-trí của nó. Tin-tưởng duy-nhất theo khoa-học thực-nghiệm, và cương-quyết phủ-nhận khoa-học huyền-bí, chỉ chứng tỏ rằng mình quá ngoan-cố với một thành-kiến sai lầm, quá tự-phụ với sức hiểu biết còn sơ-đẳng của Khoa-học hiện-đại đối với bao nhiêu huyền-bí, khác của Vũ-trụ. Vì còn biết bao nhiêu bí-mật của Thiên-nhiên mà Khoa-học vẫn chưa khám phá ra được.

Khoa-học mới mạo-hiểm khai thác được một phần nào lớp vỏ bề ngoài của Thiên-nhiên mà thôi, huyền-vi tạo-hóa vẫn còn bao-trùm hầu khắp mọi sự vật trên đời. Nhưng nhắm mắt tin hẳn nơi Khoa chiêm-tinh và số tử-vi, thì cũng có phần nông-nổi. Vì lẽ lấy kinh-nghiệm mà nhận-xét, có khi mình tính đúng thì nó rất đúng, có khi tính sai một tý, chỉ một tý thôi thì nó sai hẳn. « Sai một ly, đi một dặm », câu châm ngôn nầy có thể đem áp-dụng vào Khoa chiêm-tinh, khoa tử-vi, cũng như các Khoa-học huyền-bí khác nữa. Một nhà Đại Bác-học hiện nay, là WOLFGANG PAULI, người xứ Autriche, (Sinh năm 1900 ở Vienne), nổi danh về các công-trình nghiên-cứu về Nguyên-tử Khoa-học, được giải Nobel Vật-lý-học năm 1945, đã nói một câu chí-lý :

« *Ce serait souhaitable*, — *et* **même vraisemblable pour qui suit le mouvement des Sciences avancées** —, *qu'une possibilité d'entente se découvre bientôt entre les Sciences positives et celles qu'on qualifie encore d'occultes...* » Chắc em hiểu câu đó, anh khỏi phải dịch.

— Em chỉ hiểu có hai ba chữ !





Mình dịch cho em hiểu hết đi.

— «Nên cầu mong, — và có thể chắc chắn được, đối với ai từng theo rõi cuộc tiến-triển của khoa-học tiến bộ — phải có một sự hợp-tác công-nhiên giữa những khoa-học thực-tế và những khoa-học mà người ta còn gọi là huyền-bí... ». Anh nhắc em nhớ rằng đấy là câu nói của một nhà Bác-học nổi danh hiện-đại về Khoa-học Nguyên-tử, được giải thưởng Nobel về vật-lý-học.

— Mình nói có sách, mách có chứng như rứa thì em tin.

— Không cần nhắc lại rằng, NOSTRADAMUS, mà anh đã nói lúc nãy, nhà Tiên-tri lừng danh của Tây-phương, trong quyển Sấm-ngữ của ông, nhan đề là *Centuries*, xuất bản ngày **1-3-1555**, đã báo trước rằng Thế-giới sẽ có BOM NGUYÊN TỬ. Cũng như Cụ TRẠNG-TRÌNH nhà ta cũng trong thời-gian ấy, đã báo tin trước về các trận Đại-chiến kinh-khủng bắt đầu từ năm Thìn đến năm Dậu (1940-45).

— Có phải bài « *Long-vĩ Xà đầu khởi chiến-tranh* » đó không, Mình ?

— Ừ.

— Còn ba câu sau là gì, em quên mất.

« *Can qua xứ xứ xuất đao binh,*
« *Mã đề Dương-cước anh hùng tận,*
« *Thân Dậu niên lai kiến thái-bình* ».

Nguyễn-bỉnh-Khiêm khuyên Nguyễn-Hoàng năm 1558 nên di-cư vào Hoành-Sơn lập-nghiệp, cũng như Nostradamus bảo trước cho Vua Henri II rằng năm 1559 nhà Vua sẽ chết vì một lưỡi gươm trong lúc đùa nghịch với quần thần. Việc xảy ra đã quả đúng như thế.

Hai nhà Tiên-tri khác, người Pháp, tên là PIERRE D'AILLY và GERSON, đã viết trong quyển Sấm của họ, nhan đề là « *Imago Mundi* », trang 113, xuất-bản năm **1414**, một đoạn như sau đây về Cuộc Cách-mạng Pháp xảy ra **375** NĂM SAU :

« De nombreuses, grandes et étonnantes altérations et transfor-

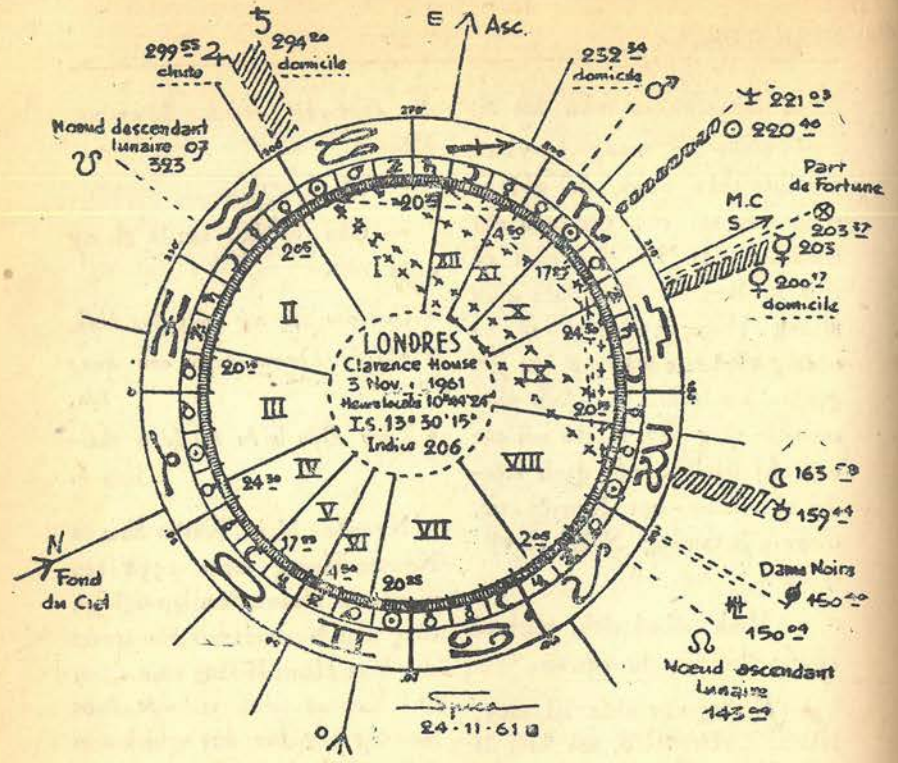


## MỘT LÁ SỐ TỬ-VI TÂY-PHƯƠNG

*Tá-tước Linley, con trai đầu lòng của Công-chúa Margaret, nước Anh. Sinh ngày thứ sáu 3-11-1961, lúc 10 giờ 45 sáng.*

Mộc-tinh *Jupiter*. Ảnh-hưởng phụ-thuộc của Hỏa-tinh (Mars) và Nguyệt-cầu (Lune). Tính ưa hoạt-động, táo-bạo, có khuynh hướng làm điều lành, cũng có thể bị lôi kéo vào tội-ác. Đầu-óc tiến bộ, nhưng ngoan-cố, ương-ngạnh. Ưa triết-lý viễn-vông, nhưng khó tính, cương-quyết, thích nguy-hiểm. Thích du-lịch khắp nơi. Nghiên-cứu, học hỏi sâu rộng.

Tiền-vận rắc-rối. Có thể bị rắn, hoặc các thú độc cắn. Ưa ăn ngon, và tham ăn. Bị bịnh đau dạ-dày. Hậu vận thường. Không làm được việc gì vĩ-đại. Thọ từ 72 đến 75 tuổi.

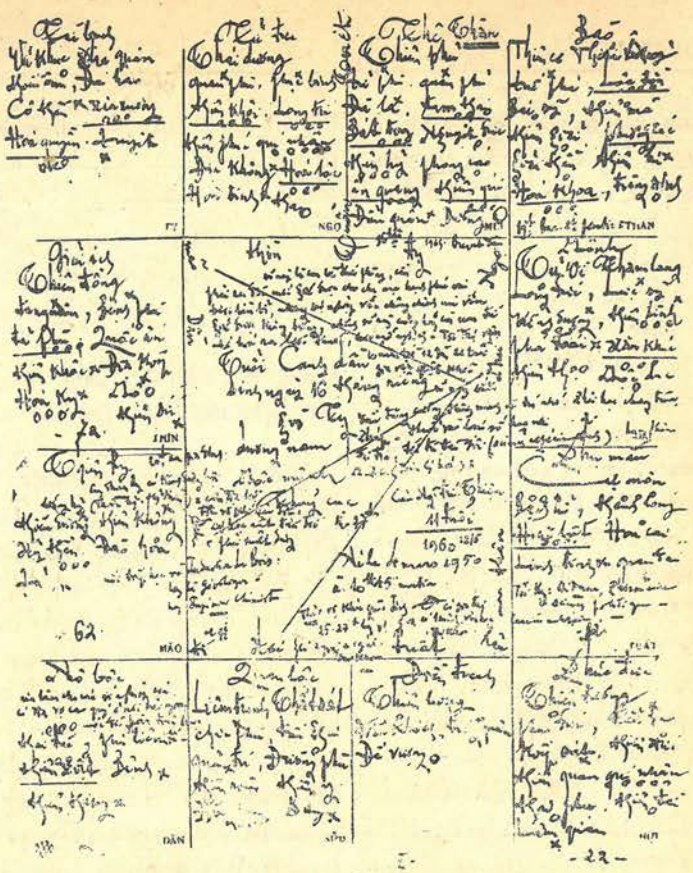

## MỘT LÁ SỐ TỬ-VI VIỆT-NAM

*Nguyễn-trí-Thiện, tuổi Canh-Dần*
*sinh ngày 16 tháng giêng, giờ Tỵ*
*(4-3-1950, 10 giờ 45 sáng)*

Mạng mộc. Thông-minh nẩy mạnh từ 12 tuổi. Hay lơ-đễnh. 19 tuổi đỗ Tú-tài toàn-phần. 20 tuổi xuất-ngoại. Say-mê Khoa-học kinh-nghiệm, sẽ đỗ bằng cấp kỹ-sư Hóa-học, nhưng sẽ làm quan Võ cao-cấp. Có vợ ngoại-quốc và vợ lại có cấp-bằng Văn-chương. Sẽ có địa-vị cao-quý ở Hải-ngoại (số ly-hương). Ưa thực-tế, không thích mơ-mộng. Thọ từ 77 đến 80 tuổi.

mations du monde, et surtout à propos de lois et de sectes religieuses, auront lieu en l'an **1789** ». (Rất nhiều cuộc thay đổi lớn lao, kinh-ngạc, làm biến-chuyển cả thế-giới, nhất là vì lý-do luật-pháp và tôn-giáo, sẽ xảy ra năm **1789**). Thật đúng rõ-ràng là cuộc Cách-mạng Pháp nổ bùng ngày 14-7-1789. Dĩ-nhiên, nếu có những nhà Tiên-tri tài-giỏi siêu-việt, chỉ xem xét vị-trí của các ngôi sao, hoặc có trực-giác mãnh-liệt, đoán trước được những chuyện sẽ xảy ra 3, 4, hay 5 trăm năm sau, thì cũng không phải không có một số đông « Thầy Bói nói dựa », hoặc những nhà tiên-tri tính sai lầm. Như nhà Chiêm-tinh GALEOTI của Vua LOUIS XI. Trước khi đi Péronne để gặp Charles le Téméraire, Vua Louis XI hỏi ý-kiến nhà Chiêm-tinh Galeoti Ông nầy bảo : « Bệ-Hạ đi bình yên vô sự ». Không dè đến Péronne, Louis XI liền bị Charles le Téméraire bắt giam. Điều-đình trở về được Kinh-đô, Louis XI bắt Galeoti định chém đầu. Trước khi đem chém, Vua mỉa-mai hỏi : « Nhà ngươi có tiên-tri được ngày nào nhà-ngươi sẽ mất đầu không ? » Galeoti ranh-mãnh và điềm-nhiên đáp : « Tâu Bệ-Hạ, hạ-thần không biết đúng ngày nào hạ-thần sẽ chết, nhưng chắc chắn là hạ-thần sẽ chết trước Bệ-Hạ **3** ngày ». Vua nghe nói, hoảng-hồn, không dám truyền lịnh chém nhà chiêm-tinh kia nữa.

Trong Lịch-sử còn nhắc tên nhiều nhà Tiên-tri đại-tài : PIERRE LE CLERC tiên đoán vận-mệnh cho Hoàng-đế NAPOLÉON I, rất đúng. Karl Ernest KRAFFT nhà chiêm-tinh Thụy-sĩ, quân-sư của HITLER, đã xem kỹ ngày sinh của Hitler là 20-4-1889, lúc 6 giờ 22 phút, báo trước cho Hitler biết ông sẽ bị ám-sát hụt ngày 9-11-1941 và sẽ chết thật đầu năm 1945, sau khi chiến-bại hoàn-toàn. Đại-tướng EISENHOWER, trước khi quyết định đổ bộ trên bờ biển Normandie năm 1944, đã phải hỏi ý-kiến nhà Chiêm-tinh Anh, Louis de WOHLE. Nhà văn nổi danh của Đức, ERICH MARIA REMARQUE, tác-giả quyển « *A l'Ouest rien de nouveau* », nhất định phải hỏi nhà Chiêm-tinh Katina THEODOSSIOU chọn ngày tốt để cho ông phát-hành quyển sách « *Arc de Triomphe* » của ông. Quyển nầy được quay phim, do INGRID BERGMANN và CHARLES BOYER, thủ hai vai chánh.





— Mình ơi, như thế thì khoa chiêm-tinh và bói tử-vi cũng linh-nghiệm đấy chứ.

— Nhiều biến-chuyển lịch-sử đã chứng-tỏ điều ấy. Nhiều kinh-nghiệm cá-nhân cũng xác-nhận như thế.

— Thế sao vừa rồi mấy ông Chiêm-tinh Ấn-độ nói Tết này các Hành-tinh chạm nhau kinh-khủng, quả Đất nổ lung-tung, loài người chết rụi ? Mà rồi trái đất vẫn xoây, mình với em vẫn sống đây nè, Sàigòn có thấy ai chết đâu ?

— Điều đó không có gì lạ, và cũng không riêng gì ở Ấn-Độ. Trước đây 970 năm, vào khoảng đầu năm **992**, cũng đã có các nhà Chiêm-tinh Tây-phương tuyên truyền rầm rộ rằng đúng vào năm **1000** các Hành tinh chạm nhau, quả Đất sẽ nứt vỡ, đại-đa-số loài người sẽ chết. Rồi Chúa Christ sẽ giáng sinh lần thứ hai để cứu nhân-loại. Tin ấy truyền ra khắp cả Âu-Châu, khiến cho toàn-thể dân-chúng Âu-Châu đều kinh-hoảng. Người ta kéo nhau đến các nhà Thờ, cầu nguyện Chúa, ngày đêm tín-đồ chật-ních các giáo-đường và những Kinh cầu-nguyện vang lên khắp cả trời Tây-Âu... Hai chữ « L'AN MILLE » đã thành ra một viễn-tượng khủng khiếp, cho đến cả đức Giáo-Hoàng Grégoire V và các Vua Chúa Âu-Châu cũng lo sợ, khuyến-khích đọc kinh cầu-nguyện... Dân chúng nơm-nớp, không ăn, không ngủ...

Ông Tú ngưng nói, châm thuốc hút.

Bà Tú :

— Rồi sao nữa Mình ? Có sao không, Mình ? Mình nói mau em nghe, kẻo em sợ quá... Rồi Trái Đất có bị vỡ không ?

Ông Tú tủm tỉm cười :

— Nếu Trái Đất vỡ hồi *L'an Mille* (Năm 1000) thì ngày nay làm gì còn Trái Đất nữa ! Sự thật thì các nhà Chiêm-tinh nói có đúng

một phần nào, vì năm ấy quả nhiên có sự di-chuyển khác thường của các Hành-tinh trong vũ-trụ. Và suốt bốn năm, tức là 992, 993, 994, và 995, khí trời thay đổi sinh ra nhiều tai-họa lớn lao, nào lụt, bão, bịnh dịch tả, mất mùa, mùa đông rét ghê gớm, tuyết phủ ngập trời, mùa nắng thì nắng cháy da cháy thịt. Các nước quân-chủ Âu-châu gây gổ với nhau, lục đục muốn chiến tranh. Dân-chúng lại càng lo sợ, điên cuồng, khóc than cầu-nguyện... Nhưng bắt đầu năm 996, tiếp qua 997, 998, 999, và 1000, khí-hậu bỗng nhiên điều-hòa trở lại, cây cỏ xanh tươi, bông hoa thơm ngát, cả Âu-châu thạnh-vượng, thái-bình, như thời vua Nghiêu vua Thuấn của Trung-Hoa ! Ngày nay, các sách sử Âu-châu còn nhắc lại « *Năm 1000* » với một tiếng thở vui mừng nhẹ-nhõm !

Cuối năm 1961, các nhà Chiêm-tinh Ấn-Độ cũng đã nhận thấy những sự xê-xích của các hành-tinh trong Thái-dương-hệ vào khoảng đầu tháng 2-1962. Theo những lời tuyên-bố và đính chính của các nhà Thiên-văn-học Ý và Pháp thì trong khoảng thời gian này quả thật có sự di-chuyển của một đôi Hành-tinh, nhưng họ quả-quyết rằng chỉ có một sự di-dịch thường thôi, không có ảnh-hưởng gì đối với quả địa-cầu. Nhưng các nhà chiêm-tinh Ấn-Độ lại nhận-xét khác. Họ cho rằng ảnh hưởng rất tai-hại và có thể gây ra sự đảo lộn vị-trí của các Hành-tinh và cả quả Đất nữa. Chính họ cũng tính toán sai lầm như các nhà Thiên-văn-học Âu-Châu đã gây ra phong trào kinh-hãi *Năm 1.000*.

— Mình ơi, như thế là Quả Đất đã bị hai lần « tận thế » hụt !

— Nhưng cuộc kinh-khủng của Âu-Châu trong **Năm 1000** không còn tái diễn **Năm 1962** nữa. Chỉ có dân-chúng Ấn-Độ là nơm-nớp lo sợ thật sự mà thôi Thế-giới vẫn lo ngại đề phòng chiến-tranh nguyên-tử hơn là lo Quả Đất đổ vỡ. Các nhà Chiêm-tinh, cả Tây-phương lẫn Đông-phương, hình như quá tự-tin vào kinh nghiệm xem Sao của họ. Thực ra, khoa ấy đã tiến-bộ khá nhiều riêng về phương-diện nghiên-cứu ảnh-hưởng của các thế-lực huyền-bí trong Vũ-trụ đối với đời sống nhân loại. Khoa





chiêm-tinh của Tây-phương và Bói Tử-Vi của Đông-phương không phải là hoàn-toàn mê-tín dị-đoan. Phải có kinh-nghiệm mới nhận thấy rõ-ràng sự hấp-dẫn của Vũ-trụ không-gian đối với chúng ta. Một bằng chứng Khoa-học không chối cãi được là mặt Trăng và mặt Trời có sức mạnh huyền-bí thu-hút ngọn thủy-triều trên mặt biển, cũng như thể tính-tình và vị-trị của mỗi người trong chúng ta trên Địa-cầu đều bị từ-lực Vũ-trụ (fluide magnétique) truyền thông, tùy theo giờ phút chúng ta ra đời, một linh-hồn cảm-thông với vũ-trụ.

— Mình có nghiên-cứu về số Tử-vi, Mình thấy có đúng thật không ? Sao nhiều Thầy tướng số xem tử-vi không trúng gì hết ?

— Phải nghiên-cứu thật kỹ các mối tương-quan của ngày tháng, năm sinh của mỗi người ở mỗi hoàn-cảnh, mỗi trường-hợp riêng-biệt không ai thật giống ai, tương-quan với một số Tinh-tú và hành-tinh trong vũ-trụ có từ-lực (flux magnétique) truyền-thông với ta, nghiên-cứu theo phương-pháp trực-giác, và điều hòa với các dữ-kiện Khoa-học tiến bộ hiện nay, thì thấy những nhận xét của Khoa Chiêm-tinh và số Tử-vi 10 phần đúng được 7, 8 phần. Nhiều Thầy Tướng-số nói sai là tại họ không có căn-bản học hỏi chu đáo các khoa-học huyền bí, họ chỉ dựa vào một số kiến thức chưa được đầy đủ và những kinh-nghiệm chưa tinh-vi, cho nên họ tiên đoán 10 việc chỉ đúng 2, 3 việc mà thôi. Các khoa-học huyền-bí, như Chiêm-tinh, tử-vi, cầu-cơ, v.v... không phải là những mê tín dị-đoan. Đành rằng có nhiều kẻ lợi dụng, xuyên-tạc, nói sai, làm bậy, như một cậu học-trò đỗ bằng tiểu-học mà nói về học thuyết Duy sinh của J. P. Sartre, thì chắc là cậu nói không đúng vậy. Khoa-học huyền-bí là những môn khoa-học cao-siêu, điều-hòa cả hai yếu-tố thực-nghiệm và trực giác. Ai nghiên-cứu chu-đáo sẽ thấy nó đẹp lắm, hay lắm, và nó để dành cho chúng ta vô số những ngạc nhiên vô cùng huyền diệu. Nó hấp-dẫn trí thông-minh

của loài người, truyền cảm với thông-minh vô lượng vô biên của vũ-trụ, nghĩa là của Huyền-Vi, của Cao-Siêu, của Thượng-Đế.

Cho nên nhà Văn-hào và Đại Triết-học về Lý-trí của Thế-kỷ XVIII, là VOLTAIRE đã nói : « Il y a de fausses prédictions, donc il y en a de vraies. Il y a toujours dans le vaste champ de l'intelligence humaine la bonne graine qui sème le bon savoir. . »

— Nghĩa là sao, hả Mình ?

— «Nếu có những lời tiên tri sai lầm, tức nhiên là cũng có những lời tiên tri xác thật. Trong cánh đồng Thông-minh của nhân loại, luôn luôn có những hạt giống tốt để gieo Trí-thức tốt...»

★

Bà Tú xem chừng thỏa-mãn với câu chuyện của chồng... Bỗng cô Tám Hột-Vịt-Lộn, bưng thúng hàng quà, tha-thướt bước vào, mỉm cười duyên dáng :

— Ông Tú, Bà Tú dùng hột vịt-lộn ? Em dọn nhé ?

Bà Tú lắc đầu :

— Cảm ơn cô Tám. Chồng tôi vừa ăn bắp, no. Để hôm khác nhé.

Cô Tám Hột-vịt-Lộn thất vọng, chào, từ-giã. Bà Tú khẽ bảo ông Tú :

— Em không cần xem số Tử Vi cũng biết con nhỏ đó nó muốn thu-hút Mình như mặt Trăng thu hút Thủy-triều trên mặt biển. Nó liệu hồn chứ không thì em sẽ hoánh bễ nát mặt Trăng đấy.

Ông Tú chỉ cười... một nụ cười vừa triết-lý vừa khoa-học...

Bà Tú nhõng nhẽo gác đầu vào vai ông Tú, khẽ nói như van lơn :

— Mình đừng yêu con Tám Hột-Vịt-Lộn, nghe mình ? Mình yêu một mình em thôi nhé !...

Một tiếng điện-thoại reo... Ông Tú vội vàng đứng dậy...

Diệu-Huyền



TRUYỆN DÀI NGOẠI-QUỐC RÚT NGẮN BỐN KỲ ĐĂNG HẾT

●

# GIÓ LOẠN THỜI GIAN

★ **JOHN STEINBECK**

● *PHƯƠNG-CHI dịch-thuật*

*(Tiếp theo P.T. số 76)*

ĐẠI-TÁ nói :

— Tôi xin phép ngồi. Đã lâu tôi không được an giấc.

Ông Thị-trưởng hốt hoảng như người vừa bị đánh thức :

— Vâng, xin Ngài tự tiện. Xin mời Ngài ngồi.

Đại-tá nhìn bà Ô-Điền, đợi bà ngồi xong, mới gieo mình xuống ghế một cách nặng-nề.

— Thưa Ngài Thị-trưởng, Đại tá bắt đầu vào đề, chúng ta thành khẩn có sự hợp-tác về mọi mặt. Nên rõ rằng cuộc hành quân nầy có tính cách hoàn-toàn kinh-tế. Chúng tôi cần khai thác các mỏ than và ngư-nghiệp. Chúng ta cố sức tránh sự va chạm. Va chạm xảy ra càng ít càng hay.

Ông Thị-trưởng như không để ý, nói nho nhỏ :

— Mọi liên-lạc bị cắt đứt. Như thế này còn biết làm sao được các nơi khác xảy ra những gì ?

Đại-tá nói :

— Cả nước đã bị chiếm cứ. Chương trình chúng tôi đâu vào đấy cả.

— Không có những ổ kháng chiến chăng ?

Đại-tá nhìn ông Thị-trưởng với lòng trắc ẩn :

— Phải hơn là không nên có

việc ấy. Kháng chiến để làm gì chứ ?! Tôi xin thưa là chúng tôi đã tiên đoán đâu vào đó cả rồi.

Ông Ô-Điền bắt theo câu nói của Đại-tá :

— Nhưng dĩ-nhiên họ có chống cự chứ ?

— Đó là những người điên đáng thương hại. Họ đi tìm cái chết.

Đại-tá tằng-hắng để lấy giọng:

— Bây giờ chúng ta hãy nói đến việc quan trọng. Than phải khai thác để chở đi. Chúng tôi có đem theo chuyên viên nhưng nhân công thì thuộc về dân chúng. Tôi tưởng nói như thế là rõ ràng lắm. Chúng tôi không có lòng nào tỏ ra cứng rắn.

— Dĩ-nhiên là rất rõ ràng, ông Thị-trưởng nói. Nhưng biết làm thế nào nếu dân chúng không chịu làm mỏ.

— Tôi nghĩ rằng dân chúng không từ chối.

— Nhưng ví thử họ từ chối ?

— Thưa ông Thị-trưởng, không có vấn-đề từ chối. Huống nữa tôi tưởng họ là những người có kỷ luật. Chắc chắn họ không muốn gặt hái sự phiền-toái.

Đại-tá đang đợi lời biểu đồng tình, nhưng thấy lặng thinh, bèn nói :

— Tôi đã nhầm chăng ?

— Tôi không dám nghĩ quá như thế, ông Thị-trưởng trả lời. Dân chúng có trật-tự là khi nào họ vâng lời chính-phủ họ. Tôi không thể đoán trước họ sẽ làm gì nếu các ông thi-hành huấn-lệnh.

Đại tá hăng-hái :

— Nào chúng tôi có ý gì đến cai trị xứ nầy đâu ! Ông Ô-Điền ạ, Ngài vẫn là Thị-trưởng thành phố nầy. Chính Ngài sẽ ra huấn-lệnh. Chính Ngài sẽ thưởng phạt họ. Với điều kiện ấy thì mọi sự hanh thông.

Ông Thị-trưởng quay sang ông bạn già của mình :

— Bác-sĩ nghĩ thế nào ?

— Tôi cũng nghĩ như ông đã nói. Tôi ái ngại mọi sự không được hanh-thông :

Ông Ô-Điền quay sang Lan-Sơn :

— Thưa Đại-tá, tôi chỉ là một người trong dân chúng. Tôi không thể tiên đoán được họ sẽ hành động ra sao ! Có lẽ Ngài biết điều đó hơn tôi. Có những dân-tộc chịu dưới quyền người lãnh đạo và vâng lời họ. Về phần tôi, công dân bầu tôi





ra, họ giao phó cho tôi một trọng trách. Họ có thể thu hồi trọng trách ấy lại, nếu họ nhận thấy tôi theo phe Ngài. Đó là những việc có thể xảy ra, nên tôi không dám cam-kết gì với Ngài cả.

Đại tá tiếp lời :

— Ngài tin ở tôi rằng rồi Ngài sẽ có cách giúp đỡ họ và ngăn cản họ làm rối trật-tự.

— Giúp đỡ họ ?

— Vâng, tôi nói thành thật đó. Bổn phận Ngài là coi sóc họ để đừng có sự gì đáng tiếc xảy ra. Về than đá tất nhiên phải có cho chúng tôi. Dù sao và dù thế nào chúng tôi cũng phải có vật liệu ấy. Đồng bào Ngài nghe lời Ngài khuyên, chịu làm việc ở mỏ là Ngài tránh dùm họ sự phiền phức.

— Nếu họ không muốn tránh sự phiền phức đó ?

— Trong trường hợp đó thì Ngài cứ tự tiện xử trí với họ.

— Đó là một điểm dị đồng giữa đồng bào của Ngài và đồng-bào của chúng tôi. Công dân chúng tôi không thích người khác định đoạt cho họ. Ít nhất tôi cũng chắc chắn được điều đó. Ông Ô-Điền nói mấy lời trên với vẻ tự phụ.

— Thưa Ngài Thị-trưởng, còn một vấn-đề cuối cùng nữa. Tôi muốn đặt bộ tham mưu của tôi ở đây, Đại-tá nói.

Ông Thị-trưởng cụt cả hứng :

— Ở đây chật chội quá. Trong thành phố có những nhà khác rộng và đủ tiện nghi hơn.

Đại-tá cắt ngang lời :

— Đó không phải vấn-đề quan trọng. Kinh nghiệm cho ta biết rằng muốn bảo-toàn dễ-dàng trật-tự, bộ chỉ-huy thị-trấn phải dọn cùng một chỗ với cơ quan hành chánh địa phương.

— Nghĩa là Ngài muốn tỏ cho dân chúng có ý nghĩ về sự hợp tác làm việc giữa chúng ta.

— Vâng, có thể có nghĩa như thế.

Ông Thị-trưởng nhìn bác-sĩ Vĩnh-Tế với cái nhìn thất vọng. Bác-sĩ trả lời với một mỉm cười héo hắt.

— Tôi có thể khước từ vinh dự đó chăng ? Ông Ô-Điền hỏi nhẹ nhàng.

— Tôi rất tiếc. Đại tá nói, đó là huấn từ mà tôi đã nhận được.

— Nếu thế thì có ảnh hưởng

không tốt trong dân chúng, ông Thị-trưởng cố tình nhấn mạnh.

— Dân chúng ! Dân chúng mãi ! Dân chúng không được nhắc đến một lần nào trong huấn-từ cả !

Ông Thị-trưởng ngẩn đầu lên :

— Như thế thì ngài ít am hiểu về xứ nầy !

Từ phòng sau đưa lại tiếng la hét của đàn bà. Có tiếng hùi hụi và tiếng thét của đàn ông. Sắt đột nhập vào phòng hấp tấp :

— Thưa, cô Na đã điên tiết lên và tát nước sôi vào linh.

Đại-tá đứng lên và hỏi :

— Đó là tất cả uy quyền của Ngài đối với người làm việc ?

— Tôi xin thú nhận rằng tôi chẳng có uy quyền gì cả. Cô Na làm bếp rất khéo khi nào cô ta vui vẻ. Ông vừa nói vừa mỉm cười rồi hỏi Sắt :

— Có ai bị bỏng không ?

— Dạ thưa, nước sôi kia mà!

— Thưa Ngài Thị-trưởng, Đại tá nói, chúng tôi có một nhiệm vụ rất đúng đắng để hoàn thành và chúng tôi sẽ hoàn thành. Phải dạy người đầu bếp của Ngài theo lẽ phải.

— Vậy nói mau rằng cô ta phải từ-giã chúng tôi !

— Trong trường hợp hiện tại, cô ta không được thế !

— Có những lúc như thế nầy, tôi còn sợ cô ta liệng nồi canh lên đầu những người mà cô ta tức giận.

Cửa mở, một tên linh đứng nghiêm ở ngưỡng cửa, nói :

— Thưa Đại-tá, tôi có thể bắt tên đàn-bà nầy ? !

— Cô ta có làm ai bị thương không ?

— Cô ta tát nước sôi vào một người và cắn một người khác.

Đại-tá hơi bối rối, đoạn ông nhún vai :

— Thả cô ta ra và hãy đứng xa xa cách lối vào.

— Tuân lệnh. Người linh đóng lại cửa và quay lưng đi ra.

Đại-tá quay sang ông Thị-Trưởng :

— Xin Ngài lưu ý, tôi có thể xử bắn cô ta hay quẳng cô ta vào tù.

— Tiếc rằng như thế thì chúng tôi không có đầu bếp, ông Ô-Điền vừa nói vừa mỉm cười.

Đại-tá Lan-Sơn đứng dậy và sắp sửa muốn về, nói thêm :

— Tôi hy vọng Ngài cộng tác với chúng tôi trong quyền lợi của đôi bên.





Ông Thị-trưởng nhắc lại lời Đại-tá :

— Trong quyền lợi của đôi bên... Tôi không biết phải tính làm sao đây ! Mọi người đều lạc hướng, tôi cũng như họ. Dân trong thành phố quyết-định điều gì, tôi phải thi-hành theo quyết-định ấy.

— Vậy ai đã chỉ huy ở đây ? Thưa không phải Ngài ạ ?

— Chắc chắn Ngài không tưởng được. Nhưng thưa Ngài, đó là sự thật. Ở đây dân chúng chỉ huy. Tôi không biết phải giải bày làm sao và thế nào, nhưng chính thật thế đấy !

Với một giọng mệt nhọc, Đại tá nói :

— Tôi tin tưởng là có thể trông cậy ở Ngài hơn là dùng đến biện pháp quân sự.

Ông Thị trưởng ngồi im không trả lời. Đại-tá nài-nỉ :

— Tôi tin cậy ở Ngài.

★

Bộ Tham-mưu của Đại-tá Lan-Sơn gồm 5 sĩ-quan dọn đến ở từng lầu thứ nhất nơi Thị-sảnh: Thiếu-tá Hùng, một kỹ sư, người nhỏ thó, thích và say-sưa những con số. Đại-úy Bá-Tích là một người cha hoàn toàn, thích chó và rất yêu trẻ con. Người ta ngạc nhiên thấy ông ta đến tuổi đó rồi mà chưa thăng trật. Đại-úy Long, trái lại rất trẻ : đó là một quân nhân một trăm phần trăm. Sống và thở trong bầu không-khí quân đội, ông ta không bao giờ rời bộ quân-phục. Lòng tham-vọng quyết-liệt đã đưa ông vượt qua các hệ-thống quân-giai và các tướng tá phải nể mặt. Trung-úy Bạch và Trung-úy Tòng là những chàng bạch-diện thư-sinh vừa mãn khóa ở trường võ-bị. Chiến tranh đối với những chàng sĩ-quan trẻ tuổi ấy là một trò chơi. Những chiến thắng đã vuốt ve họ.

Riêng Đại-tá Lan-Sơn hiểu thế nào là giặc-giả nếu chiến tranh cứ kéo dài ra mãi. 20 năm trước ông đã tham chiến ở Bỉ và ở Pháp và ông đã cố-gắng để quên những cảnh tượng đã qua. Chiến tranh là cái gì thù hằn, phản-bội, thú - tha, quằn-quại, giết chóc, đói khổ thể xác và chán nản tinh-thần.

Từng lầu thứ nhất nầy dùng cho họ vừa làm chỗ trọ, vừa làm chỗ làm việc.

Thiếu-tá Hùng, ngồi bên chiếc bàn kê giữa phòng, dùng thước nách và bút để phát họa một con đường xe lửa mới.

Trung-úy Bạch đưa cho Trung úy Tòng xem một bức ảnh ca-sĩ trong tạp-chí.

— Ở tỉnh nầy không thiếu gái đẹp. Khi nào hoàn toàn đóng ở đây, tôi có ý muốn làm quen ít cô.

Cửa sịch mở. Đại-tá Lan-Sơn bước vào. Các sĩ-quan cọng-tác viên chào ông ta với vẻ tôn kính nhưng không đứng thẳng người. Ông vừa gieo mình xuống ghế thì Trung-úy Bạch hỏi :

— Thưa Đại-tá, Đại-tá có nghĩ rằng chiến tranh may ra kết thúc sớm ?

— Trung-úy nhận định thế nào là kết thúc chiến tranh ?

— Đó là sự thắng trận.

— Tôi biết quái ra sao ! Địch chưa nói đến tiếng cuối cùng.

— Ít ra Đại-tá cũng nghĩ rằng từ đây đến lễ Giáng-sinh, nếu không xảy ra việc gì quan-hệ, chúng tôi chắc được về phép.

— Làm sao tôi biết trước được một quyết định từ trên cao xanh ! Nhưng sao ? Trung-úy hy-vọng trở về thăm nhà vào dịp lễ Giáng sinh à ? Thế thì Trung-úy được như ý.

— Thưa Đại-tá, — bây giờ đến lượt Trung-úy Tòng hỏi, — Đại-tá có nghĩ rằng hết chiến tranh, chúng ta vẫn tiếp-tục chiem-cứ xứ nầy chứ ?

— Sao lại thế ?

— Đây là một xứ đáng mến. Mọi người có cảm-tình. Chúng ta có thể lập nghiệp ở đây.

— Trung-úy đã tìm được chốn mộng-tưởng rồi à ?

— Trời ơi, ở đây có nhiều trại đẹp. Gộp bốn năm trại lại chúng ta có một nguồn lợi canh-nông phong-phú.

— Trung-úy không có sự-nghiệp gì à ?

— Thưa không ạ. Sự lạm phát giấy bạc đã làm tiêu-tan sự-nghiệp của chúng tôi.

Thấy mệt với những lời lẽ trẻ con ấy, Đại-tá nói :

— Bây giờ chúng ta phải chiến đấu về mọi mặt để có than. Tôi hy-vọng các anh cố kiên-nhẫn đợi hết chiến-tranh để chia lãnh-thổ.

Bỗng Đại-tá đổi giọng :

— Thiếu-tá Hùng ạ, thép ngày mai sẽ đến. Thiếu-tá đặt đường sắt trong tuần nầy.

Có tiếng gõ cửa và một tên lính gát thò đầu vào :

— Thưa Đại-tá, ông Công-Liên xin gặp Đại-tá.

— Mời ông ta vào.

Rồi Đại-tá phân bua với các sĩ-quan cọng-sự :

— Đó là người đã giúp chúng





ta các việc sơ bộ. Ông ta đến quấy rầy cho bổ công.

Công-Liên bước vào, đầu quấn khăn trắng, hai tay xoa với nhau ra vẻ hoan-hỉ.

— Kính chào Đại-tá.

— À, chào Công-Liên.

Nhìn các sĩ-quan, Công-Liên nói :

— Chào quí ông. Quí ông đã làm việc rất tốt đẹp. Phần tôi, tôi cố sức để công việc được mỹ-mãn hơn.

— Đúng đấy ông Công-Liên ạ, Đại-tá nói. Nhưng dù sao tôi vẫn không muốn ông đã giết chết sáu người.

— Sáu người một sự mất mát không thấm thía vào đâu !

— Tôi không lùi bước giết tất cả mọi người, nếu sự giết đó đem lại yên ổn. Có những trường-hợp gây ra lỗi lầm.

— Thưa Đại-tá, tôi có thể nói chuyện riêng với Đại-tá không ?

Đại-tá truyền :

— Trung-úy Bạch và Tòng hãy về văn phòng. Còn Thiếu-tá Hùng thì ông thấy đó : Thiếu-tá mắc làm việc chẳng nghe được gì ?

Thấy đầu Công-Liên quấn băng trắng, Đại-tá đột-nhiên hỏi :

— Người ta định ám-sát ông phải không :

Công-Liên đặt tay lên đầu, trả lời :

—Chỗ nầy ư ! Tôi vừa mới bị thương. Đây là một hòn sỏi ở hốc đá trong núi rơi nhầm. Đại-tá hay nghĩ lẩn-thẩn quá. Dân ở đây không ưa bạo-động.

— Thế thì dân-tộc ở đây không giống như những dân-tộc khác. Tôi đã từng chiếm cứ ở Bỉ cách đây hai mươi năm.

Đại-tá ngửng đầu lên như để xua đuổi một kỷ-niệm, rồi nói :

— Công-Liên ạ, ông đã làm việc rất giỏi. Điều đó tôi đã ghi trong phúc-trình. Bây giờ ông muốn thế nào ? Ông muốn về kinh-đô không ?

— Không, không, tôi chủ-tâm ở đây !

Thiếu-tá Hùng nhấn mạnh :

— Thế thì ông nên đặt lên đầu một chiếc nón nhà binh.

Công-Liên xích ghế lại gần Đại-tá :

— Tôi mong được giúp Ngài bằng lối cai trị thành-phố này...

Đại-tá đứng dậy đến đứng bên cửa sổ. Hồi lâu ông quay lại :

— Ông dấu-diếm những gì trong đầu óc ông ?

— Tôi nghĩ Ngài phải phú-thác công việc cho người tín cẩn. Tôi tưởng ông Ô-Điền phải rút lui. Người thay thế ông ta là... là tôi ! Tôi có nhiều bạn bè, tôi biết tất cả mọi người.

— Ông không sợ kẻ thù à ?

— Không ! Kẻ thù là kẻ thù !

Ngẫm-nghĩ một lúc, Đại-tá nói với giọng nặng-nề :

— Ngay chúng tôi cũng khinh ghét ông !

Công-Liên thót người lên khỏi ghế.

Đại-tá nói tiếp :

— Nói như thế là trái với huấn-thị của vị chỉ huy tối cao của chúng tôi. Nhưng Ngài thường nhắc đi, nhắc lại : «*Danh-dự vẫn giống nhau dù khi-giới người dùng là khi-giới gì* ». Chúng ta hy-vọng Ngài không nhầm-lẫn và Ngài đọc được ý nghĩ của người lính.

Nghĩ một lát, Đại-tá lại nói :

— Ta hãy nói đúng đắn hơn. Tôi có trách nhiệm về vùng nầy. Công tác của tôi là làm sao cho có than đá. Việc đó cần phải có trật-tự. Tôi phải biết trước mưu toan dấy loạn của dân chúng. Ô-Điền là một viên Thị-trưởng khiêm tốn. Ông ta hòa mình với dân tộc. Ông ta biết hành-động và ý-nghĩ của họ. Theo sát ông ta là tôi hiểu được dân chúng. Tôi quyết định thế rồi.

Công-Liên nhấn mạnh :

— Nếu tôi làm Thị-trưởng, tôi sẽ cung cấp tài liệu cho Đại tá.

— Ông sẽ không có một tí tài liệu. Dân chúng không thèm nói chuyện với ông. Và như thế ông sẽ làm trở ngại công việc của chúng tôi...

Rồi với giọng khuyên lơn, Đại-tá nói tiếp :

— Công-Liên ạ, ông nên đặt lên đầu một chiếc nón nhà-binh, nên giam mình trong nhà, không nên ra ngoài lúc ban đêm dè-dặc rượu trà, xa lánh đàn bà và không nên ký thác tâm tình cho ai cả. Ông hiểu lời tôi nói chứ ?

Công-Liên nhìn Đại-tá với vẻ thương hại :

— Thưa Đại-tá, tôi có cảm tưởng là Đại-tá không hiểu gì về chốn này. Đây là một dân tộc khiêm tốn và hòa-bình.

— Không có dân tộc nào hòa bình cả, Công-Liên ạ, hãy đặt điều đó vào trong óc. Chúng tôi chiếm cứ xứ này mà con đường được mở ra do sự phản bội, vâng, sự phản bội của ông. Ông





không hiểu là chúng tôi ở trong tình trạng chiến tranh với họ ư?

— Nhưng họ đã bị bại...

Đại-tá chán nản :

— Tôi ngán những người tỏ ra am-hiểu chiến tranh nhưng chưa khi nào tham gia chiến tranh cả. Tôi nhớ lại một bà già ở kinh đô Bỉ. Đó là một người có nét mặt hiền hậu, tóc trắng như cước. Bà ta hát cho chúng tôi nghe những khúc nhạc rung cảm...

Rồi như tỉnh cơn mộng, Đại tá cất cao giọng :

— Chúng tôi không biết bà ta có một đứa con bị xử bắn. Khi chúng tôi xử đến bà thì bà đã giết hết 12 người chúng tôi, giết một cách giống nhau với một chiếc trâm. Chiếc trâm ấy tôi còn giữ đây để làm kỷ-niệm.

— Thế à ! Và Đại-tá đã xử bắn bà già đó ? Công-Liên hỏi.

— Dĩ nhiên.

— Và các vụ mưu sát hết chứ ?

— Không khi nào hết cả. Và sau cùng khi chúng tôi bại trận rút lui, những kẻ « trễ tàu » bị dân chúng bắt thiêu sống, hoặc móc mắt, hoặc đóng vào cây Thập-tự-giá.

Công-Liên nghe kể nhỏm thót cả mình. Một lát hắn nói :

— Đại-tá nên xin từ chức, vì Đại-tá hay sợ hãi...

Câu nói của Công-Liên bị cắt ngang vì tiếng những bước chân hấp tấp lên cầu than. Cửa mở, Đại-úy Long hiện ra :

— Thưa Đại-tá, một tin chẳng lành !

— ...

— Đại-úy Bá-Tích bị giết !

— Trời ơi ! Bá-Tích ! Ai đã gây ra thế ?

— Một người thợ mỏ !

— Hãy kể tiếp đi !

— Tôi đến thay phiên cho Đại-Úy Bá-Tích. Ông ta sắp về trong lúc tôi đang cự một tên thợ mỏ muốn bỏ việc. Tôi ra lịnh cho hắn trở về chỗ làm, thì hắn nhảy đến tôi tay xách chiếc cuốc mỏ chim. Bá-Tích nhảy vào giữa để cang trong lúc tên thợ mỏ dáng mạnh lưỡi cuốc.

Kể đến đó, Đại-Úy Long hất cằm chỉ vào cái thây.

— Đại Úy bắt được thủ phạm chứ ?

— Vâng, thưa Đại-tá, bắt được.

*(Còn nữa)*

Lần đầu tiên, đây là một bài Thơ Việt mà tác-giả là một người Chàm. Bạn đọc *Phổ-Thông* đã biết tiếng ông JAYA PANRANG, một nhà trí thức thông thái của dân tộc Chàm, chuyên nghiên cứu về Lịch-sử Đất Nước ông, và cũng là một Thi-sĩ. Bài thơ « *Cỏ-Thụ* » sau đây của ông chứa đựng bao nhiêu u-hoài và nẩy mầm bao nhiêu tin tưởng... N.V.

# CỎ THỤ

*Cây cỏ-thụ, gặp hồi suy, cằn-cỗi,*
*Lá vàng rơi rải-rác khắp đó đây,*
*Hoa tàn phai hương sắc đã lâu ngày,*
*Quả không kết, biết lấy gì gầy giống !*
*Cành trơ-trọi và không còn dao-động,*
*Rễ héo-hắn, mưa nắng chịu phơi gan,*
*Chồi không đâm mà nắng cứ chan-chan.*
*Thế có phải đời mất đi mộng đẹp ?*
*Nào phải đâu sắt gang hay đá thép !*
*Mà cam lòng chịu chết với thời-gian ?*
*Đang lụn dần trong khốn đốn điêu-tàn,*
*Trong mờ-mịt, không tương lai hứa hẹn.*
*Vươn mình lên cho cõi lòng bớt thẹn,*
*Đứng bên ai mà chẳng được như ai,*
*Có lẽ nào ôm mãi mối u-hoài,*
*Còn nhựa sống, hy-vọng còn tái phát,*
*Cố gắng đi, chớ quá ư hèn-nhát,*
*Sống ngày nay và cho cả ngày mai,*
*Hãy đấu-tranh để mưu sống lâu dài,*
*Luật đào-thải đang chờ cơn mưa gió,*
*Định luật chung cả ngàn cây, nội cỏ,*
*Biết trách ai, cũng đừng oán Hóa-công,*
*Sống làm sao không tủi-thẹn với lòng,*
*Với đồng loại và cùng cây cỏ khác,*
*Tự vun tưới, vượt qua hồi xơ-xác,*
*Cho chính mình và cho cả mầm non,*
*Giành lại quyền trong Vũ-trụ sống còn.*

✱ **JAYA PANRANG**
(*Xuân Nhâm-Dần 1962*)

THƠ

✱ **TÂM-TRÍ**

**« Bức tranh vân-cầu vẽ người tang thương »**
*(Cung oán)*

## SẠC-CỜ-RÊ ÔNG «XẠC»!

Vài năm nay, tôi thường nghe một số ít bạn trẻ ưa nói đến « thuyết hiện-sinh », và coi Jean Paul Sartre như vị Thần độ mạng của họ. Hầu hết thiểu số ấy chỉ từ 13, 14 đến 21, 22 tuổi. Một buổi chiều thứ Hai, đang giờ học ở các trường, tôi gặp một em học-sinh đệ-ngũ, con một người quen, từ trong một Trà-thất đường Bô-Na đi ra, với một đứa bạn của nó, cả hai đều hút thuốc thơm. Tôi biết Ba em làm thợ hớt tóc, mẹ em làm thợ xếp giấy trong một nhà in. Em cười chào tôi. Tôi chào lại và hỏi :

— Sao giờ nầy em không đi học ?

Em học-sinh cười :

— Chiều nay em « cúp cua », tụi em ghét ông Thầy Toán-Lý-Hóa, không muốn học giờ hắn.

— Em « cúp cua » để đi chơi lang-thang thế nầy sao ?

— Học làm chi cho mệt óc ? Em còn trẻ tuổi, em thích sống theo chủ-nghĩa hiện-sinh của ông Xạc.

— Chủ-nghĩa Hiện-sinh là sao ?

— Là ăn, chơi, nhảy nhót, yêu đương, cho thỏa thích đời hiện tại.

— Rồi tương-lai ?

— Tương-lai muốn ra sao thì ra. Thời loạn mà, ông cũng biết chán !

— Nhưng tôi hiểu ông Xạc một cách khác. Chủ-nghĩa duy-sinh, — gọi là duy-sinh có lẽ đúng hơn — không phải như em hiểu.

— Tụi thanh-niên chúng em hiểu như rứa cả.

— Ai dạy em thuyết ông Xạc ?

— Em đọc trong báo. Tụi bạn em cũng hiểu như em. Tụi nó cũng sống theo chủ-nghĩa Hiện-sinh. Ngay như Thầy giáo dạy Việt-ngữ ở lớp em cũng giảng thuyết hiện-sinh như thế.

— Em cho rằng thiếu-niên đời nay phải sống như các em ?

— Thời loạn, biết đâu nay sống mai chết ? Cứ chơi thả ga. Rồi việc gì phải đến sẽ đến ông ạ.

Tôi cười :

— Như thế thì đáng xạc ông Xạc lắm ! Ông Xạc làm cho tụi em xờ-xạc hết !

Em học-sinh cũng cười, coi bộ khoái-trá.

— Nhưng ông đừng xạc tụi em nhé ! Thế-hệ đôi mươi phải sống như rứa mới gọi là đáng sống. Ông đồng-ý chứ ?

Tôi vỗ vai em học-sinh trẻ tuổi :

— Tôi không đồng-ý.

Hai em học-sinh cười đưa tay ra bắt tay từ giã tôi, và vội vàng đi theo hai em nữ-sinh 13, 14 tuổi mang giày cao gót, ôm cặp sách lên làm bộ che một bên bộ ngực giả to tướng.

Tôi mỉm cười nhìn theo hai cặp thiếu-niên, miệng tôi lẩm-bẩm:

— Jean Paul Sartre ! Sạc-cờ-rê Jean Paul Sartre !

XUÂN-ANH ★

*Các bạn Phổ-Thông,*

*Cô XUÂN-ANH thích đi du-lịch vòng quanh Thế-giới, cô Xuân-Anh cũng thích nói chuyện vòng quanh Thế-giới... Cô Xuân-Anh rất mến tạp-chí PHỔ-THÔNG, cô Xuân-Anh cũng rất mến bạn đọc PHỔ-THÔNG. Đa số bạn đọc PHỔ-THÔNG muốn nghe những chuyện mới lạ vòng quanh Thế-giới... Cho nên, từ nay cô Xuân-Anh sẽ nói chuyện với bạn đọc PHỔ-THÔNG những chuyện mới lạ vòng quanh Thế-giới...*

*Đây, tôi xin nhường lời cho cô Xuân-Anh nói với các bạn những chuyện mới lạ vòng quanh Thế-giới...*

*DIỆU-HUYỀN*

## ● BÀ HÀN-LÂM... PHÁP

LẦN đầu tiên trong lịch-sử các Hàn-lâm-Viện Pháp, mới có một người đàn-bà được đắc-cử vào Hàn-lâm-Viện Khoa-học ở Paris ! À quên, xin lỗi, một cô chớ không phải một bà : phương danh là Mlle MARGUERITE PEREY.

Cô Hàn-lâm mới đã 50 xuân xanh (cô nhất định không lấy chồng ! ) là một nhà nữ Bác-học lừng danh Thế giới đã lâu. Năm 1939, cô đã phát-minh ra chất *francium*, và có viết 48 bài thuyết-trình rất đầy đủ và quan trọng về chất nầy. Hiện cô làm giám-đốc phòng Hóa-học tại Trung-Tâm nghiên-cứu Nguyên-Tử-Lực Strasbourg.

Cô vừa được đắc cử vào Hàn-lâm-Viện Khoa-học Paris, với 48 phiếu tán-thành, chống lại 13 phiếu phản-đối.

Chắc các bạn đọc Phổ-Thông còn nhớ : Năm 1911 bà Marie Curie không được nhận vào Hàn-lâm-Viện nầy, vì các ông cụ cố ngoan... cố ở đây nhất định phản-đối sự có mặt của «phái yếu» trong Hàn-lâm-Viện của Pháp.

## MỘT CÁI MÁY NÓI 16 THỨ TIẾNG ●

**ĐỨC**

MỘT máy tự động chỉ-dẫn khách du-lịch ngoại quốc bằng 16 thứ tiếng vừa được đặt tại phi-trường Hambourg (Tây Đức). Máy nầy bề ngoài giống một máy vô tuyến truyền hình có ba màn ảnh, phía trước có ba hàng nút trắng : hàng đầu ghi chữ từ A đến H, hàng thứ nhì ghi số từ 1 đến 10 và hàng thứ ba ghi các sắc cờ của 16 nước trên thế giới.

Ví dụ bạn là một du khách người Việt-Nam không biết mấy may gì tiếng Đức, muốn tìm một con đường trong thành phố Hambourg. Đầu tiên bạn bấm cái nút có in cờ Việt-Nam, tức thì trên màn ảnh chính (lớn nhất) của máy hiện ra, cách thức dùng máy. Bạn được nghe máy phát ra lời chào bằng tiếng Việt : « Xin chào ông » (chào Bà, chào cô), xong bạn được nghe chỉ dẫn bằng cách tìm trên mục lục con đường bạn muốn kiếm. Thế rồi bạn chỉ việc bấm cái nút có chữ và cái nút có số phù hợp với chữ và số ghi trên mục lục. Liền sau đó, trên màn ảnh thứ hai hiện ra hình ảnh con đường bạn muốn kiếm trong khu vực in trên bản đồ thành phố, thí dụ đường Schillerstrasse. Muốn rõ thêm, một khung sáng bao quanh con đường Schillerstrasse để chỉ vị trí. Trong





lúc ấy thì trên màn ảnh thứ 3 cũng hiện ra hình ảnh về hoạt động của con đường kia, những điều cần biết và luôn cả những quảng cáo thương mãi. Hơn thế nữa, máy nầy có thể cho bạn biết giờ máy bay, tàu thủy, xe lửa, chương trình giải trí và luôn cả nơi kêu cứu, nếu cần.

Ở Saigon « hòn ngọc viễn đông », chưa dám mong có một máy quá tối tân như vậy ! Chỉ mong ở các địa điểm thuận tiện của mỗi quận có một bản đồ công cộng khá lớn đặt ở góc đường ghi rõ vị trí các con đường thuộc quận ấy để tránh cho du khách ngoại quốc và cả người « bản xứ » lắm lúc khỏi phải chạy quanh thiếu điều bở hơi tai mà tìm chẳng ra đường ! Bạn có đồng-ý với tôi không ?

## ● BA TRIỆU XE HƠI

**MỸ**

ĐÂY là số thống kê xe hơi ở Huê Kỳ :

— Xe mới do các hiệu sản xuất : trung bình 3 triệu 200 ngàn chiếc.

— Xe cũ còn tốt : trung bình 8 triệu 500 ngàn chiếc.

— Xe « gạo » đem phá hủy : trung bình 3 triệu 700 ngàn chiếc.

Dân Huê-kỳ mua xe cũ nhiều hơn xe mới và khắp nước Mỹ có 521.000 hãng chuyên môn mua, bán xe cũ. Hàng năm, trung bình bán được 5 triệu chiếc xe cả mới lẫn cũ.

Tổng số xe du lịch hiện lưu hành trên đất Mỹ là 61 triệu 569 ngàn chiếc. Những xe lưu hành 5 năm kể từ ngày « ra lò », đều được đem ra phá hủy, không lấy lại một món nào.

Ở Saigon ta, cũng còn thấy vài chiếc xe chừng 25, 30 « tuổi » mà vẫn còn lưu hành và chiều chiều vẫn bon-bon một cách ngon lành trên xa lộ, nhắc lại thú đi xe hơi hồi 1900 !...

Không phải dân chúng Việt-Nam nghèo đâu, bằng chứng là hàng năm bao nhiêu xe mới nhập cảng đủ hiệu, đủ loại đều bán hết ráo, chạy như tôm tươi đến nỗi có người phải mua với giá chợ đen nữa kìa !

Sở dĩ còn có những chiếc xe « già nua tuổi tác » là do cái tính « hiếu cổ » ưa chơi đồ xưa của ta đó mà ! Cũng như ông Vương-Hồng-Sển của Viện Bảo-Tàng nhà ta vậy !

## ELIZABETH TAYLOR ● Ý

CÔ đào điện ảnh thượng thặng quốc - tế và mắc nhứt thế giới Elizabeth Taylor quay phim « Nữ Hoàng Cléopâtre » ở Ý có đến 25 chiếc Mẹt-xè-đét (Mercédès) cho Bộ Tham-Mưu điện ảnh của cô xê dịch.

Tội nghiệp cho các cô đào điện ảnh xứ ta, lắm cô không có được cái « Xô lết » (Velosolex) để đi nhưng rất đáng khen là các cô vẫn luôn luôn hăng hái...

## ● KỸ-NGHỆ ĐỒNG HỒ NHẬT

KỸ nghệ sản xuất đồng hồ của Nhật-Bản đã được phát đạt vượt mức sau chiến tranh, đứng hạng tư trên hoàn cầu, sau Thụy-Sĩ, Hoa-Kỳ, và Tây-Đức.

Năm 1961, đồng hồ đủ các loại sản xuất là 14 triệu 213 ngàn chiếc. Công ty K. Hattori là công ty chuyên môn sản xuất đồng hồ đeo tay thật mỏng và vừa rồi đã sáng chế kiểu đồng hồ mỏng nhất thế giới (vỏ chỉ dày có 2 ly 9 thôi).

Dân tộc Á-đông có tiếng là khéo tay thật nhỉ !

## GIƯỜNG BẰNG VÀNG Y ● ANH

Ở ANH QUỐC, trong cuộc triển lãm về đồ dùng trong nhà, có trưng bày một cái giường hoàn toàn bằng vàng, giá 42.000 phật lăng mới (lối 4 triệu hai trăm ngàn bạc V.N).





Chắc rằng bên Anh và cả Âu-châu, Mỹ-quốc tưởng thế là sang chứ bèn Á-châu chúng ta, xây cả một tòa nhà bằng bàng cho người đẹp ở là thường, chẳng thế mà trong Kiều có câu :

*« Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên ! »*

## ● BIỂU-TÌNH LÕA-THỂ Á PHI

PHỤ nữ Nam Phi thật đã tỏ ra là những vị « cân quắc anh hùng » với một lối tranh đấu có một không hai trên thế giới.

Để đòi quyền tự do, đã dám cởi tuột áo quần, a vào trụ sở Cảnh sát làm cho các ông «công lực» tán loạn.

Rồi đây họ cũng dám họp thành từng tiểu đoàn, trần như nhộng, xông ra chiến trường. Lúc ấy không bít mấy ông « quân nhân » sẽ đối phó ra sao đây.

Chắc chắn cái lối đánh giặc ấy chưa được trù định trong chiến thuật (tactique) của một nước nào trên thế giới.

**KINH LÝ VĂN PHÒNG**

*110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON*

Điện thoại 23.187

PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

*373, Phan-thanh-Giản — SAIGON*

# ĐỐ BẠN :

## BÀI THỨ IX.–

1) Đây, mời quý bạn xem, Ba-Tui tui sắp 6 cái ly ngay thẳng một hàng như thế nầy nhé :

Đáng cán-fáng Toán Bài Toán !!

★ **NGUYỄN-BA-TUI**
Biệt-hiệu : BA . TÈO

Ly số 1 không có rượu, số 2 có, số 3 không, v. v... cứ cách khoảng 1 ly có rượu, một ly không. Bây giờ xin nhờ bạn sắp lại cách nào cho *3 ly không có rượu kế-tiếp nhau* rồi đến *3 ly có rượu kế-tiếp nhau, mà bạn chỉ được xê-xích qua lại một ly thôi, không được rờ mó đụng chạm đến 5 ly khác.*

2) Trên một con đường dài và thẳng, A-B, một người đi xe đạp từ A đến B, một người đi xe đạp từ B đến A, với tốc lực đồng nhau là **25** km một giờ. Đến lúc hai người còn cách nhau **50** km, thì có một con ruồi đến đậu trên xe đạp A. Rồi nó





bay đến đậu trên xe đạp B. Rồi nó bay trở lại đậu trên xe đạp A. Rồi lại bay lại đậu trên xe đạp B, và cứ tiếp-tục bay qua bay lại như thế với tốc-lực **30** km một giờ, cho đến lúc hai người đi xe đạp gặp nhau. Xin hỏi quý bạn con ruồi đã bay như vậy mấy chục km ?

BẠN nào đáp *trúng cả 2 câu*, Ba-Tui tui xin thân tặng 1 số Phổ-Thông **78**. Không dám sai lời. Bài đáp, xin nhận đến ngày 5-4-1962.

Kính chào May-mắn : **NGUYỄN-BA-TUI**

## ● Câu hỏi đặc-biệt của cô Diệu-Huyền

Ông Vua nước nào đã cầm cái quạt đánh vào mặt viên Lãnh-sự Pháp, rồi do đó mà bị mất ngôi và mất nước ? Việc xảy ra năm nào và ông Vua tên gì ?

Quý vị nào đáp trúng câu hỏi đặc-biệt trên đây, cô Diệu-Huyền xin kính tặng **3** THÁNG TẠP-CHÍ PHỔ-THÔNG, kể từ số 78. Bài đáp xin nhận đến ngày **5-4-1962** là hết hạn.

## ★ Đáp bài đố số VIII (*Phổ - Thông số 76, trang 109*).

1) Con chim lớn nhất trên Thế-giới là con ĐÀ-ĐIỂU (Tiếng Anh : Ostrich, Tiếng Pháp : Autruche). Tuy là loài chim, nhưng nó chạy nhiều hơn là bay. Chưn nó thật mạnh, có hai ngón. Cánh cụt, đầu trọc-lóc, mỗi con đực sống chung với hai, ba, hoặc bốn

con mái : Chế-độ đa-thê mà, bạn ! Đẻ trứng trên đất, gặp đâu đẻ đấy, không biết làm ổ. Nhiều cô mái đẻ chung một chỗ, và ban ngày thay phiên nhau ấp. Ban đêm chàng được ấp để cho mấy nàng mái nghỉ (cưng vợ số dách !) Mỗi cái trứng nặng chừng 1 kí 440 grammes. Ấp trong 42 ngày thì nở. Đà-Điểu sống nhiều nhất ở Bắc-Phi, Arabie, và ở Châu-Úc. Nhà văn-hào Pháp, Alexandre Dumas, tác-giả « Ba người Ngự-lâm pháo-thủ » khen thịt nó rất ngon. Nhưng sự thật thì thịt nó dai-nhách, lạt-nhách, không ngon gì hết.

2) Con vật sống lâu nhất là con RÙA. Rùa đất sống đến 150, có khi 155 năm. Rùa nước sống đến 300 năm, hoặc 320 năm.

3) Chạy nhanh nhất trong các loài thú có bốn chân, là con ELAN, một loài Nai ở Bắc Âu và Bắc Mỹ. Sừng mọc nhiều nhánh. Thân dài 3 mèt, cao 2 m. Nó chạy nhanh, không con vật nào chạy bằng.

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 9 | 9 | 9 | 7 | = 34 |
| 9 | 9 | 7 | 9 | = 34 |
| 7 | 9 | 9 | 9 | = 34 |
| 9 | 7 | 9 | 9 | = 34 |

Thưa quý bạn, Ba-Tui rất rầu-rĩ mà tuyên-bố rằng kỳ đố nầy không có bạn nào *trúng đủ cả 4 câu*. Bài toán, (câu thứ 4) thì ai cũng đáp trúng. Nhưng ba câu trên chỉ trúng 1, hoặc 2. Đa số các bạn trả lời về con vật chạy nhanh nhất là con *Beo* (Léopard), sống lâu nhất là con *Voi*, lớn nhất là chim Đại-bàng.

Tất cả có 672 bạn dự thi. Xin cảm ơn tất cả quý Bạn, và xin chào Quyết thắng ! (Quyết thắng trong số tới đấy ạ !)

Tui : **NGUYỄN-BA-TUI**



# Cụ Trời gởi Diệu-Huyền

*Hôm Tết, Diệu-Huyền có làm bản kiến-nghị gởi lên Cụ Trời, than-phiền Hạ-giới bị nạn chiến-tranh lung-tung, loài người khổ-sở.*

*Bỗng sáng hôm qua, Diệu-Huyền đang ngồi trang điểm một tý trước khi đi chợ, thì có tiếng vù vù vang động ngoài mái hiên. Diệu-Huyền vội quay nhìn ra cửa sổ, ôi chao ! Hết hồn hết vía ! Một chiếc dĩa bay bay qua bay lại 3 vòng, rồi có một người hình tướng kỳ-dị ngồi trong dĩa bay đâm vào song cửa hỏi : « Có Diệu-Huyền ở nhà không ? ». Diệu-Huyền đáp : « Thưa, có ạ ! ». Người dị-tướng vứt một miếng sắt vào cửa sổ rồi dĩa bay vụt biến lên mây.*

*Diệu-Huyền trố mắt ngó miếng sắt tự nhiên tách ra làm đôi, để lộ ra một tờ giấy mỏng như làn mây trắng. Có những giòng chữ đen óng-ánh như ngọc-huyền. Diệu-Huyền cúi lượm lên xem, thấy viết bài thơ sau đây :*

## ✯ NHẮN DIỆU - HUYỀN

(Trả lời bản kiến-nghị của Diệu-Huyền đăng trong Phổ Thông số xuân Nhâm Dần).

*NGÀY Xuân Huyền khéo làm thơ,*
*Để ta ngồi dọc, ngẫn-ngơ bùi-ngùi.*
*Hai giòng châu lệ tuôn rơi,*
*Đứt từng đoạn ruột, Huyền ơi, hỡi Huyền !*

✯

*Trong tay Ta nắm uy-quyền,*
*Ta ban hạnh-phúc khắp miền trần-ai*
*Ta cho già, trẻ, gái, trai,*
*No cơm ấm áo, còn ai than phiền ?*

*Tưởng đà hoá Thánh hóa Tiên,*
*Tại sao oán-hận triền-miên cõi đời ?*
*Tại sao máu chảy, đầu rơi,*
*Đao binh khói lửa nơi nơi ngập tràn ?*
*Ta là chúa tể dân gian*
*Trong tay sấm sét lừng vang oai trời,*
*Ngôi cao ngự-trị đời đời,*
*Dù cho vật đổi sao dời khó nung.*

✶

*Ngờ đâu khói lửa lung tung*
*Tràn lan đến tận không trung nhiệm mầu.*
*Loài người tiến bộ quá mau,*
*Mưu toan chiếm cả Nguyệt-cầu, Kim-tinh.*
*Ta ngồi cao tít Thượng-đình*
*Thế mà Hỏa-tiễn dám rình tấn công !*
*Bay qua bay lại mấy vòng,*
*Phi-thuyền khoa-học quyết lòng hại ta ?*
*Thượng từng không-khí bao la,*
*Kinh thiên động địa làm ta mất hồn !*
*Làm ta gan dạ bồn-chồn,*
*Thiên-đình đổ nát, mất còn hay chăng ?*
*Ôi thời, ôi thế lăng nhăng,*
*Lòng người điên đảo khó-khăn mà ngừa !*
*Ai kinh, ai kệ, ơm-ờ,*
*Ai chuông, ai trống, ai thờ lạy ta ?*
*Thế mà Bom H. bom A,*
*Phi thuyền, Hỏa tiễn, phóng qua Thiên-đình !*
*Trên Trời cũng chẳng an ninh ?*
*Đêm đêm lo nghĩ mà kinh lũ người !*
*Lệ rơi từng giọt, Huyền ơi !*
*Sương rơi từng giọt .. Huyền ơi, hỡi Huyền !*

**CỤ TRỜI**

# Sách Báo Mới

✶ **Tuồng Trưng-Vương Bình-ngũ-Lãnh** hay là TINH-THẦN CÁCH-MẠNG CÔNG-KHAI *của các bậc tiền-bối Phan-châu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng.*

Một bản tuồng Hai Bà Trưng do các cụ soạn trong ngục-thất Côn-Lôn năm 1910. Giá 10$

Do Anh-Minh xuất bản. 159 Phan-bội-Châu, Huế.

✶ **Tình em nho nhỏ**, tác-phẩm sinh-viên tập một, của HOÀI-VIỆT. DƯ-TÂN trình bày, xuất-bản tại Paris. In ronéo trên giấy đẹp. Không đề giá tiền.

Bài đầu, « cái khung gỗ xinh-xinh », như sau đây :

*Chiếc bàn con nho nhỏ,*
*Cái khung gỗ xinh xinh,*
*Giữa khung có một tấm hình,*
*Sau gương có một mối tình đậm sâu,*
. . . . .
*Trong những phút âu sầu,*

*Trong những giờ chán-nản,*
*Khi xa quê cảm thấy buồn vô hạn,*
*Tôi ngẩng đầu nhìn ở chiếc khung con,*
*Đôi lời an-ủi,*
*Chút tình mẹ con,*
*Sâu như biển,*
*Rộng như non,*
*Mẹ ơi !*
*« Cho dù sông cạn đá mòn,*
*Tình con thương Mẹ, vẫn còn như xưa »*

(Paris 1662)

. . . . . .

✱ **Chơi chữ** : của LĂNG-NHÂN.

Nam-chi tùng thư xuất-bản. Nguyễn-đoãn-Vượng trình bày. In trên giấy Japon trắng có vẽ hình tuyệt đẹp. Về nội-dung quyển sách, chúng tôi sẽ có bài phê-bình sau.

✱ **Sách mới** : Nouvelles Aequisitions. New Aequisitions. Do Nha Giám-Đốc Văn-Khố và Thư-Viện Quốc-Gia, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục Xuất-hản. Tháng 2, 1962.

✱ **Tuần báo điện-ảnh** : Chủ-nhiệm ông Nguyễn-ngọc-Linh Quản-nhiệm : ông Nguyễn-ngọc-Nhạ. 60,62, Ký-Con Sàigòn.

ĐIỆN-ẢNH số 207, 208, in offset cả 32 trang ruột và hai bìa nhiều màu, *số mở đầu cho chương-trình đổi mới* hoàn toàn cải tiến với hình-thức trình bày tân-kỳ, với nội-dung phong phú do bộ biên-tập hùng-hậu phụ-trách. Giá 6$.

## CẢI CHÍNH

Nhận thấy độc-giả *Phổ-Thông* rất chú trọng về các chi-tiết, xin cải-chính sau đây trong bài *Xuân Nhân-Loại* của ô. Võ-quang-Yến trong số Xuân, thợ nhà in đã quên mất tất cả các dấu trừ (—) trước các nhiệt độ dưới không

Trang 117 cột phải giòng 9 xin đọc : *xuống — 150 độ*
« » giòng 31 « : *xuống đến — 250 độ*
Trang 118 cột trái giòng 35 « : *xuống tới — 60 độ*
« cột phải giòng 24 xin đọc : *khoảng — 120 tới — 200 độ*

Xin bạn đọc vui lòng thêm dấu trừ (—) trước các con số như trên đây. Xin quý bạn miễn thứ cho và xin thành thật cám ơn. T.P.

**Truyện dài tình-cảm thời-đại** ✱ **NGUYEN-VỸ**

### Phần thứ ba (phần cuối)

*CHƯƠNG I*

ÁNH dọn dẹp trên bàn giấy, sắp sửa ra về, bỗng có chuông điện thoại reo. Ánh nhấc ống máy nói lên nghe, liền mỉm cười đáp :

— Dạ, em đây... Dạ... Dạ... cám ơn ông, em đã dọn nhà rồi ạ... Dạ,... Dạ, Mẹ em đã về ở đấy rồi ạ... Dạ.

Luôn luôn trên môi Ánh nở một nụ cười duyên-dáng, hiền-từ trong lúc Ánh chăm-chú nghe trong máy nói. Ánh hơi do-dự một tý rồi tiếp-tục trả lời :

— Dạ...Dạ, em xin tán thành... Ồ !... Thế thì chắc sẽ thích thú lắm !... Dạ... 5 giờ chiều về thì vừa... em hoàn-toàn đồng-ý... Dạ. Em cám ơn ông... Dạ.

Giọng nói của Ánh trở lại rất khẽ, hơi bẽn-lẽn, và thân mật hơn :

— À demain !

Ánh đặt nhẹ ống nói xuống máy, với nụ cười vui-vẻ.

Câu cuối-cùng, Ánh trả lời bằng tiếng Pháp, có lẽ để đáp lại câu tạm-biệt bằng tiếng Pháp của ông Ngọc-Minh. Vì người nói trong điện-thoại chính là ông Giáo-sư mà bây giờ là bạn thân của Ánh.

Ông Ngọc-Minh mời Ánh sáng ngày mai, Chủ-nhật, đi bãi biển Vũng-Tàu đổi gió. Ông đề-nghị đi thật sớm, 5 giờ sáng ông sẽ lái xe đến đón Ánh rồi đi thẳng ra Cap, và đến Cap trước lúc mặt trời mọc để ngắm cảnh bình-minh trên mặt biển. Tắm biển và dạo chơi trên núi đến 5 giờ chiều sẽ trở về Sàigòn.

Lúc đầu Ánh hơi do-dự vì là lần thứ nhất Ánh nhận lời đi chơi xa với ông Ngọc-Minh, cả một ngày chủ-nhật. Nhưng rồi Ánh bằng lòng ngay, vì với ông Ngọc-Minh Ánh chẳng có gì lo ngại cả.

Hai người đã hiểu nhau quá rồi Tuy tuổi-tác, địa-vị, hoàn-cảnh cách biệt nhau, nhưng cả một dĩ-vãng năm sáu năm đã liên-kết hai tâm-hồn cảm-thông mật-thiết với nhau thành một tình bạn đầy thân-ái và hoàn-toàn tin-tưởng.

Sáu năm qua, họ đã cùng nhau sống biết bao nhiêu kỷ-niệm êm-đềm, mỗi ngày mỗi ràng buộc thêm bao nhiêu lưu-luyến. Họ đã cùng nhau chịu đau-khổ, chịu nhục-nhã nữa, vì luân-lý xã-hội, vì trở-lực gia-đình, vì thành-kiến giai-cấp, nhưng, mặc, họ vẫn giữ nguyên-vẹn mối tình lý-tưởng, hoàn-toàn trong-trắng, thanh-cao, không ai bắt buộc ai phải trung-thành, không cần trao đổi một thề-nguyền gắn-bó.

Đã đành tâm sự hai người có hơi khác nhau. Ông Giáo-sư Ngọc-Minh thiết-tha yêu Anh, chỉ có Ánh là người yêu duy-nhất của ông. Ông sẽ cưới Ánh khi nào Ánh hoàn-toàn ưng-thuận. Ông không đếm xỉa đến những định-kiến gia-đình và xã-hội, nhưng ông sẽ khôn-khéo sắp đặt cho mọi việc đều vui-vẻ tốt-đẹp, cho Ánh được chính-thức là vợ của ông, người yêu của ông, được hết thảy mọi người quý-mến, không còn ai dám khinh-khi rẻ-rúng. Ông tin rằng ông sẽ thành-công, đối cả với Minh-Tú là em gái của ông nữa. Ông cho rằng tình ông yêu Ánh là mối tình đẹp nhất trên đời.

Nhưng Ánh thì dè-dặt hơn. Bởi hoàn cảnh khó khăn. Tâm sự của Ánh phức-tạp. Ánh yêu ông Ngọc-Minh cũng tha-thiết không kém. Ánh tự thú-nhận rằng càng ngày Ánh càng yêu ông





nhiều hơn. Ái-tình mạnh hơn Ánh, chi-phối Ánh, ngự trị trong tâm hồn Ánh như một vị Thần-linh. Nhưng, nếu bây giờ Hoàng từ đâu hiện về, âu-yếm đưa hai tay ra đón Ánh, chắc chắn là Ánh sẽ ngã liền trong tay Hoàng, không bao giờ buông ra nữa. Không phải là Ánh yêu Hoàng nhiều hơn. Nhưng trên con đường phiêu-lưu vô định, giả sử Ánh gặp một lâu đài đồ sộ nguy-nga và một túp nhà tranh cũ kỹ, chắc-chắn Anh sẽ không do dự bước vào túp nhà tranh. Nơi đây, hợp tình hợp cảnh hơn. Ánh thích phạm-vi bé nhỏ, nghèo nàn. Ánh ưa sự êm-đềm của đơn-sơ, yên-tĩnh...

Ánh do-dự sáu năm nay, chưa dám bồng bột nhận lĩnh hạnh-phúc cao siêu diễm-tuyệt của ông giáo-sư triết-học tha thiết tặng Ánh, chính vì bẩm-tính từ-tốn khiêm-nhượng của Ánh, cô gái nhà nghèo, và mối tình thương nhớ bóng người xưa còn vương-vấn trong tim bao nhiêu khổ hận...

Sáu năm qua, thực ra Ánh không còn hy-vọng gặp lại Hoàng. Có lẽ Hoàng đã phiêu bạt nơi nào. Có lẽ Hoàng sống một cuộc đời khác với một người đàn bà nào khác. Có lẽ Hoàng đang dầm-dãi nắng mưa nơi rừng xanh núi thẳm. Ôi biết đâu mà mong đợi!

Tuy nhiên, Ánh cũng không vì xa mà quên hẳn, không vì tuyệt vọng mà bỏ hẳn. Ánh nhẫn-nại lo tự sức mình sắp-đặt đời sống thực-tế hằng ngày. Ánh cố gắng dành dụm tiền sang một căn nhà ở riêng, để Ánh khỏi trọ nhà bà Cô nữa, để Ánh mời mẹ về ở với Ánh. Ánh không muốn để mẹ ở trong tay một kẻ vũ phu đáng ghê-tởm. Ánh muốn nuôi mẹ, ở bên cạnh mẹ, săn-sóc mẹ trong những ngày già yếu.

Và Ánh đã thực hiện được ý-muốn ấy, nhờ tiện-tặn và kiên-nhẫn trong sáu năm trời với số lương thư-ký.

Ông Ngọc-Minh cũng đã biết rõ từ lâu ý định tốt đẹp của cô bạn thân-yêu. Ông đã thành-thật trao Ánh một món tiền lớn để Ánh sang một can nhà rộng-rãi, trang hoàng để Ánh ở với mẹ, nhưng Ánh từ-chối. Ba lần ông nói thiết-tha yêu cầu Ánh vui lòng nhận cho ông mừng. Ba lần Ánh cám

ơn thịnh-tình chân-thật và rất cao quý của ông, nhưng nhất thiết Ánh từ-chối. Lần cuối cùng ông Ngọc-Minh cầu khẩn mãi, Ánh bảo :

— Cử chỉ của ông cao thượng vô cùng, lòng ông yêu em thật là vô-lượng vô-biên. Em cảm động và biết ơn ông không thể nào nói hết được. Nhưng chính em lại muốn được một niềm vui trọn vẹn của em, là với tự sức mình đã thành-công được một việc gì. Ông có lòng chân-thành giúp đỡ một người bạn nghèo và tỏ ý muốn săn-sóc chu đáo đến việc nhà cửa và gia-đình của mẹ em và em, chỉ một ý nghĩ ấy cũng đã quý giá biết ngần nào rồi. Nhưng em muốn có một chút thỏa-mãn riêng trong tâm hồn em, là đã cứu được mẹ em ra khỏi bàn tay kẻ ác phu. và từ nay được nuôi dưỡng Mẹ em với chính đồng tiền mồ-hôi nước mắt của mình Đấy, em thưa thành thật với ông như thế, ông thông-cảm với em, ấy là ông yêu em.

Ánh nói thế, bảo ông Ngọc-Minh không yêu say mê Ánh sao được ? Ông rưng rưng nước mắt, âu-yếm ngó Ánh, và lẩm-nhẩm :

— Ánh không phải một cô gái tầm thường. Ánh là một vị Thần-nữ.

Những người quen biết ông Ngọc-Minh bảo ông là một Thi sĩ, một nhà Triết-học, một chàng mơ-mộng. Không phải. Ngọc-Minh chẳng phải gì như thế cả. Tại Thượng-đế sinh ông ra là một tâm hồn đa cảm đa sầu. Tại ông gặp Ánh cũng là một tâm hồn đa sầu đa cảm. Ông có bao giờ nghe người đàn bà nào hay cô con gái nào nói những lời như Ánh nói, làm những việc như Ánh làm, đẹp như Ánh, hiền lành như Ánh, đau-khổ như Ánh, và thanh-cao trong trắng như Ánh đâu ! Không ngờ ở trên đời, một cô gái nhà nghèo và một ông giáo-sư Triết-học có thể có hai tâm-hồn cùng chung với nhau một rung-cảm sâu đậm, và có thể cùng gặp nhau trong một ngẫn lệ !

Gần 5 giờ sáng, thành-phố Sàigòn còn ngủ say-sưa, ông Ngọc-Minh đã lái xe đến đậu





cạnh một ngõ hẻm đường Lê-văn-Duyệt, cách xa chợ Hòa-Hưng độ vài ba trăm thước. Ông bước ra xe, vào trong ngõ định đi tìm nhà Ánh. Nhưng Ánh đã từ trong đường hẻm tối-tăm, chật hẹp, lanh-lẹ đi ra. Ánh tươi cười, khẽ bảo Ngọc-Minh :

— Em sợ ngủ dậy trễ ! Nhờ có Mẹ em gọi.

— Ánh đưa tôi vào thăm nhà một tý và thăm Bác, rồi chúng ta hãy ra đi cũng không muộn.

Ánh dịu dàng đáp :

— Dạ thôi, nhà em dọn dẹp chưa xong, còn bề bộn lắm. Chủ-nhật sau, em sẽ mời ông đến khánh-thành !

— Sẽ có tiệc khao tân-gia chứ ?

— Dĩ nhiên.

Ông Ngọc-Minh mở cửa xe mời Ánh vào ngồi cạnh ông. Ông rồ máy, lái xe chạy về hướng Gia-định. Ông hỏi :

— Ánh đã ăn uống gì chưa, trước khi ra đi ?

— Dạ chưa. Còn ông ?

— Tôi cũng chưa. Mà tôi cũng không đem theo bánh mì hay đồ ăn đồ uống gì cả.

— Em cũng thích thế. Chừng nào chúng ta đói, sẽ tìm quán ăn.

— Hai đứa mình, đến cái ăt cũng giống nhau nhỉ. Gặp đâu ăn đấy, gặp gì ăn nấy. Không cần quan-tâm đến chuyện đó. Phải không, Ánh ?

— Hoàn-toàn đồng ý.

Ông Ngọc-Minh cười lớn lên như cậu học trò :

— Ha-há ! Cuộc du-lịch của chúng mình hôm nay chắc vui đấy.

Ánh cũng cười :

— Bắt đầu đã vui rồi.

Một lát, Ánh hỏi :

— Có điều em ngạc-nhiên, từ nãy đến giờ ông không hút thuốc

— Cảm ơn Ánh nhắc... Tôi sợ Ánh vừa ngủ dậy còn cay mắt, tôi hút thuốc rồi khói vào mắt Ánh mặc sức Ánh khóc !

— Em quen khói thuốc Minty của ông rồi. Em không chảy nước mắt đâu.

— Nếu Ánh cho phép, thì tôi hút một điếu.

— Ông đưa gói thuốc và hộp quẹt em lấy đốt cho.

Ngọc-Minh thò một tay trong túi quần, không có, trong túi áo sơ-mi cũng không có. Suy nghĩ một lát ông sực nhớ, phì cười :

— Gói thuốc chắc đã dẹp-lép rồi.

Ánh không hiểu :

— Ông để đâu ?

— Ánh đang ngồi đè trên nó

Ánh mắc cở, cười rối rít, ngồi nhổm dậy, thò tay sờ kiếm trên ghế da. Quả nhiên, lúc nãy ông Ngọc-Minh đã để gói thuốc và quẹt đá ngay nơi chỗ ghế trống bên cạnh ông mà ông không nhớ. Trời tối, Ánh vào ngồi, không để ý. Gói thuốc đã dẹp lép. Ngọc-Minh cười:

— Không hề gì. Hút điếu thuốc dẹp càng ngon.

Ánh lấy một điếu, khẽ bóp cho tròn lại, rồi đánh quẹt châm, đưa ông Ngọc-Minh.

Hai người còn cười mãi...

*(Còn nữa)*

## ✱ Trả lời ô. Nguyễn-văn-Phụng, 172/7, đường Nguyễn-Huệ, Phú-Nhuận

*(của ô. Võ-quang-Yến, Tiến-sĩ khoa-học Pháp, Paris)*

Thưa ông, tôi có nhận được thư của ông do tòa-soạn tạp-chí Phổ-Thông chuyển giao. Đây tôi xin giải đáp thắc mắc của ông :

Thật Thủy-tinh vừa chạy quanh Mặt-trời vừa tự xoay trên mình : hiện tượng ấy không những là không phải một sự mâu-thuẫn, mà còn là một sự cần thiết để có thể luôn hướng một mặt về mặt Trời, giống hệt như hiện tượng cung Trăng chạy quanh quả Đất, tự xoay trên mình và luôn hướng một mặt về quả-Đất. Điều kiện cốt yếu là thời-gian Thủy-tinh chạy xung quanh Mặt trời nhằm đúng với thời-gian tự xoay trên mình một vòng (88 ngày). Tôi xin hiến ông một thí-nghiệm cụ thể : Ông đặt giữa bàn một quả bóng hình dung mặt trời (MT) và bên cạnh một quả cam tượng trưng Thủy-tinh (TT), hướng cùi cam về phía quả bóng để đánh dấu (A). Nếu ông cho quả cam chạy xung quanh quả bóng mà không cho nó xoay trên mình (hình bên trái) thì quả cam hướng đủ mặt về phía quả bóng, khi thì cùi cam hướng về quả bóng (A), khi thì cùi cam ở

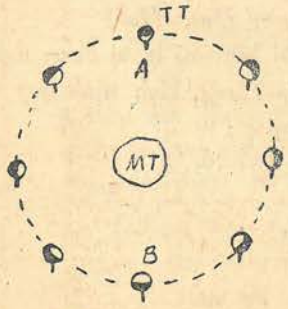


*1.— Quả cam (TT) hướng đủ mặt về quả bóng (MT) nếu không tự xoay trên mình.*

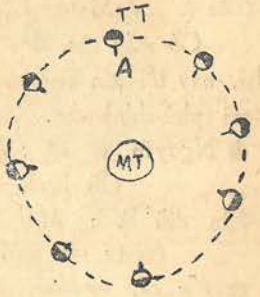


*2.— Quả cam (TT) chỉ hướng một mặt về quả bóng (MT) nếu tự xoay trên mình một thời gian nhằm đúng thời gian chạy quanh quả bóng.*

hẳn phía bên kia (B). Trái lại nếu ông cho quả cam từ từ xoay trên mình làm sao cho cuí cam luôn hướng về quả bóng (hình bên phải) thì ông sẽ nhận thấy ông đã cho quả cam tự xoay trên mình đúng một vòng khi ông đưa quả cam về lại điểm A.

Mong ông hài lòng và xin trân trọng chào ông.

VÕ-QUANG-YẾN (Paris)

## ★ Bạn đọc Hải-ngoại gửi về Tòa-soạn

*(của bạn Phùng-lê-Ánh, University of the Philippines, College of Agriculture central experiment station, college, Laguna, Philippines)*

... Chúng tôi ở đây tất cả 16 Sinh-viên Việt-Nam, cả nam lẫn nữ, đều là độc-giả rất mến của Phổ-Thông... chúng tôi không ngần-ngại gắn chữ « Ưu-hạng » cho « Phổ-Thông tạp-chí », vì nội dung súc-tích của nó. Nó mang một hương-vị chung của quê-hương Việt-Nam và có quyền hãnh-diện với các tạp chí văn-hóa quốc-tế. Đọc xong số Xuân của Phổ-Thông và số Tân-Niên, từ thơ văn đến truyện ngắn, chúng tôi lấy làm khoan-khoái và cảm thấy không đủ thoải-mái nếu chúng tôi không viết vài hàng gửi về Ông và Bộ Biên-tập, tỏ lòng hoan-hỷ...

. . . . . .

## ★ Mấy câu đối cũ

*(của ô. Lê-Hoàng-Lộc, 79 Trần-hưng-Đạo, Huế)*

... Có mấy câu đối cũ nhiều người biết mà ít ai được nghe đối lại, nay tôi xin mạo-muội gởi về *Phổ-Thông*, kính trình quý vị Học-giả phủ-chính cho. Xin kính lời cảm tạ :

● Nguyên đề cũ : *Da trắng vỗ bì-bạch.*

(Bì bạch = da trắng)

Xin đối là : *Mũi thấp hun tỷ-ty,*

(tỷ-ty = mũi thấp)

● *Vợ cả, vợ hai, hai vợ đều là vợ cả.*

Xin đối : *Con giòng, con giống, giống con mới thật con giòng.*

## ★ « Chín tầng », hay « chín lần » ?

*(của ô. Lương-trọng-Minh, Qui-Nhơn)*

... Trong bài « Phận sự làm trai » của Nguyễn-công-Trứ





đăng nơi mục « *Những áng thơ hay* », Phổ-Thông số 76, trang 26, ông Thẩm-thệ-Hà viết :

« *Ba vạn anh hùng đè xuống dưới*
**Chín lần** *thiên-tử đội lên trên* ».

Sao lại *Chín lần* ? *Chín tầng* mới đúng chứ, thưa ông ? Vì *Chín Tầng* do chữ cửu trùng, chỉ chỗ ở của Vua.

Còn *chín lần* thì là *cửu thứ*, lần thứ chín. Ông Thẩm-Thệ-Hà chép như thế có sai chăng ? Kính mong ông chỉ giáo cho.

● ĐÁP : Lời ông giảng đúng. Nhưng ông T.T.Hà chép theo các bản cũ, không muốn tự-ý sửa lại nguyên văn.

## ★ Ít vần thơ đến muộn...

*(của ô. Vương-đức-Hà, An-Xuyên)*

*... Thấy người hết Tết mới hay Tết !*
*Sực nhớ TÂN-PHONG, nhớ DIỆU-HUYỀN.*
*Cung chúc Tân xuân đành trễ vậy*
*Lỡ-làng chép vội vận thơ điên !*

. . . . . .

*Máy nổ, xăng nhiều, xe PHỔ-THÔNG*
*Chạy hoài theo mãi nghiệp văn-chương...*
*Chứa-chan tâm-sự nghìn tri-kỷ*
*Cô-đọng muôn tình khách viễn-phương.*

. . . . . .

● Bài thơ của ông bạn còn dài, xin tạm trích mấy câu ở đoạn đầu, và xin thành-thật cảm tạ thịnh-tình của ông.

## ★ Diệu-Huyền là ai ?

*(của ô. Lệ-Thủy, Thiếu-Tá H.D.H.Q. Sàigòn)*

*Diệu-Huyền tên thật ấy là V.*
*Dáng dấp xa trông cũng chỉnh-tề.*
*Luận-điệu hành văn xem có vẻ...*
*Tài-tình xử thế ngó không chê.*
*Người trên gầm-vóc mà tê-tái.*
*Thân lắm trần-ai vẫn hả-hê.*

*Cốt cách «tân-phong» « tâm-trí» đẹp.*
*Lạnh-lùng mãi với cảnh vô thê !*

LỆ - THỦY
*Thiếu-Tá H. D. H. Q.*

**MẾN HỌA :**

*D. H. mà sao lẫn với V ?*
*Lộn trai ra gái, lạ chưa tề !*
*Bao lời vàng - ngọc, càng thêm thẹn,*
*Chút phận bèo mây, chỉ đáng chê.*
*Kiếp phải nhà tơ, sầu vướng-vướng*
*Đời làm lên ruột, giọng hê-hê !*
*Trần - ai đố biết ai tri-kỷ ?*
*Tiếng độc-huyền reo, vắng thâm-thê !*

DIỆU-HUYỀN

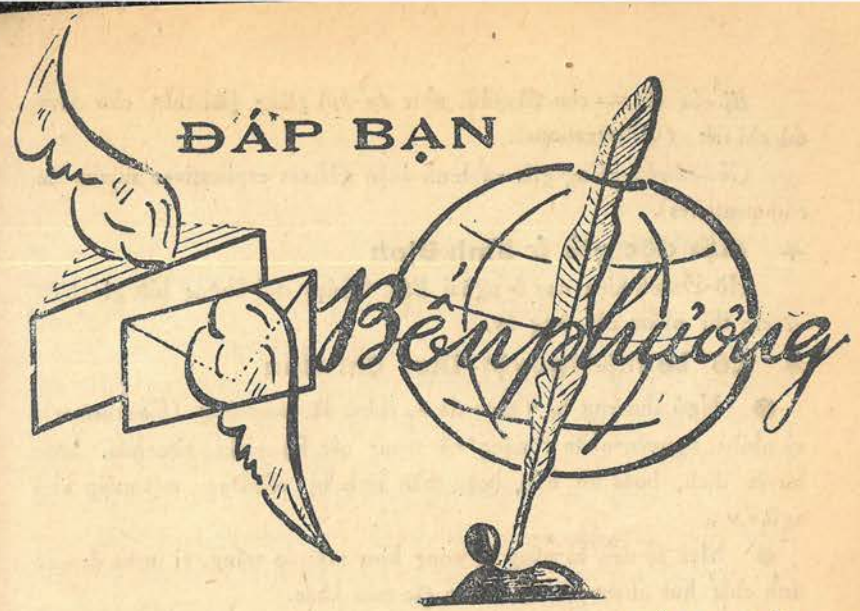


**✶ DIỆU-HUYỀN**

**✶ Bạn Nguyễn-đình-Phước, Bồng-Sơn**

● Monaco, hiện nay do ông Hoàng Rainier II cai trị, là một xứ nhỏ nhất của Âu-châu, ở giáp giới phía Nam nước Pháp. Đấy chỉ là một rẻo đất dọc theo bờ biển, dài 3km, nơi rộng nhất là 1km. Dân số tuy 25.000 người, nhưng người bản xứ chỉ có 1.600.

● Bị bệnh nặng tai phải nhờ Bác sĩ chuyên môn tai, mắt, mũi.

**✶ Ô Linh-Phương, nha Canh-nông, Phong-Dinh**

● Có nhiều loại chuối, theo những danh từ La-tinh, như *musa paradisiaca*, hay là bananier du paradis, cũng gọi là figuier d'Adam, ở Việt-Nam ta gọi là *Chuối già* lấy giống Ấn-Độ. *Musa Sapientium*, hay là bananier des sages, là *Chuối tây*. *Musa textilis*, cũng gọi là bananier d'Amboine, abaca, Việt-Nam ta gọi là *Chuối lá*. *Musa nana* là *Chuối cau*.

**✶ Bạn Phạm-quan-Uyên, Ban-mê-thuột**

*Cước-chú* (cước = ở chân, ở dưới) giảng giải ở phía dưới trang (Renvoi)

*Bị-chú* (bị = cho đầy-đủ, như *dự-bị*) giảng giải thêm cho đầy-đủ chi-tiết. (Observations).

*Chú-thích*: giảng-giải và bình luận (Notes explicatives suivies de commentaires).

### ✶ Một độc giả ở Bình-Định

Hồ-Dzếnh hiện nay ở ngoài Bắc. Chúng tôi không biết gì nhiều về các thi phẩm của ông ấy.

### ✶ Cô Lê-thị-Nguyệt-Thu, Chí-Hòa

● Ngủ thường bị « mộc đè », chính là ác-mộng (Cauchemar), vì nhiều nguyên-nhân : nặng nề trong các bộ phận tiêu-hóa, hoặc huyết dịch, hoặc hô hấp, hoặc thần-kinh bị rối-loạn, mệt mỏi, khó ngủ.v.v...

● Mặc áo đen ra nắng bị nóng hơn mặc áo trắng, vì màu đen có tính chất hút nhiều tia sáng hơn các màu khác.

### ✶ Ô. Phạm-đức-Vượng KBC 4.091

Hình chiếc móng ngựa mà ông thường thấy in trên các thiệp Chúc Tết, là biểu hiệu cho *Hạnh-phúc*, theo tục lệ của người Tây Phương. Đa số người Việt-Nam ngày nay ở Thành thị cũng bắt chước phong tục ấy, và khi đi đường ngẫu nhiên lượm được chiếc móng ngựa thì họ vui mừng lắm, đem về treo trong nhà, thường thường là treo trên cửa hoặc trên tủ. Nguyên do là sự tích chiếc móng ngựa như sau đây. Người đầu tiên có ý nghĩ đóng một miếng sắt dưới móng chân ngựa, để cho móng chân ngựa khỏi mòn, là Hoàng đế LÉON VI, vua xứ Thổ-nhĩ-Kỳ, Thế-kỷ thứ X (886 — 912). Trong một quyển sách nhan đề là « Binh-pháp », ông chỉ cách muốn dùng ngựa ra trận cho mạnh mẽ nên đóng một móng sắt vào móng chân ngựa. Từ đấy, các vua chúa Âu-châu, rồi đến lượt dân chúng bắt chước đóng móng chân ngựa. Vì thời phong kiến và quân chủ chuyên-chế, nên các vị vua chúa và các nhà quyền quý thường đóng móng ngựa bằng vàng, hay bằng bạc, để cho ngựa của mình sang hơn ngựa của thường dân. Nhưng khi đoàn xe ngựa của các



nhà quyền-quý, hoặc các ông Hoàng bà Chúa đi qua một nơi nào, các móng ngựa của họ bằng vàng và bằng bạc, thường bị rớt ra vì hồi xưa đóng móng ngựa không được chắc chắn, và không dám đóng đinh mạnh sợ đau chân ngựa. Dân chúng ai lượm được những cái móng vàng và bạc ấy, mừng lắm. Nhiều người nghèo, nhờ lượm được móng vàng, móng bạc, đem bán được nhiều tiền mà trở nên giàu. Do đó, lâu năm thành ra phong tục móng ngựa là tiêu biểu cho sự may-mắn phước đức. Phong tục rất xưa ấy còn truyền lại mãi đến ngày nay, mặc dầu móng ngựa bằng sắt, chứ không còn móng vàng móng bạc nữa, cũng được coi như là tượng trưng của may mắn, của hạnh-phúc tốt-đẹp, của hy-vọng...

### ✶ Bạn Mai-hòa-Nghĩa, Sàigòn.

Nói « Lành-mạnh-Hóa » không được, vì *Hóa* là chữ Nho, trong văn-phạm Bạch-thoại của Tàu đặt ra để ghép với tính-từ, làm thành ra động-từ.

Thí dụ : hợp-thức-hóa = làm cho hợp thức.
giản-dị-hóa = làm cho giản-dị.

Hai chữ «lành mạnh» là tiếng Việt, gọi là tiếng Nôm, chứ không phải là chữ Nho. Đúng văn-phạm Tàu thì phải nói: *Khương-kiện hóa*, hoặc theo văn-phạm Việt thì nói : *Làm cho lành mạnh*.

### ✶ Bạn Phạm-văn-Thuần, Thành-Thái, Chợ-lớn

Có « Thượng-Đế », hay không có « Thượng-Đế » là một vấn-đề rộng lớn bao-la, không thể nào bàn cãi được. Sự hiểu-biết của chúng ta chưa đủ để thấu triệt vấn-đề ấy vì nó có rất nhiều trạng-thái vô cùng tế-nhị. Nói có, hay không có, chỉ là một nhận xét riêng của mỗi người, tùy theo sức hiểu biết tương-đối của mỗi người qua một vài khía cạnh nào đó thôi.

### ✶ Ông Khúc-Thừa-Trang, Quảng-Ngãi

● KHÚC-THỪA-DỤ, quê ở Ninh-Giang, Hải-Dương. Một khách hào-hoa phong-nhã, được tôn lên làm Tiết-độ-sứ ở Giao-Châu năm Bính-dần (906). Được một năm, ông mất, truyền lại cho con là Khúc-Hạo.

● KHÚC-HẠO lên thay cha, năm 907, làm Tĩnh-Hải Tiết-độ-sứ. Lo việc hành-chánh rất chu-đáo, mở mang nhiều điều cải cách lợi ích cho dân. Chết năm 917, truyền chức lại cho con là Khúc-thừa-Mỹ.

● KHÚC-THỪA-MỸ lên kế vị cha từ năm 917. Vì không chịu hàn-phục triều Nam-Hán, nên bị tướng Lý-khắc-Chính đem quân sang đánh. Ông bị bắt sống và đưa qua Tàu. Từ đây, lịch-sử không còn nói đến họ *Khúc* nữa.

### ✶ Bà Lê-quang-Nhiệm, Bình-Dương

Tất cả những cái « tại sao ? » bà hỏi trong thư, đều tùy theo bẩm-chất của mỗi sản-phụ. Các phương-pháp Y-khoa cổ-truyền thường có khi đúng, có khi không đúng, vì tình-trạng sức khoẻ của mỗi sản-phụ mỗi khác. Nói chung, thì Y-học Tây-phương đâu có « cấm sản-phụ súc miệng và rửa mặt » (bằng nước ấm), đâu phải « tắm bằng nước muối », phải « ăn thiệt cay, thiệt mặn » v. v... ? Những sản-phụ bị « mặt vàng » sau khi sinh, vì họ đã bị anémie, thiếu máu, mà không uống thuốc bổ huyết. Sinh-sản rồi, ăn uống các thực-phẩm bổ huyết là điều rất cần.

### ★ Cô Nguyễn-thị-Diệu, trường Nữ Trung-học, Phước-Môn, Quảng-Trị

● Tập Nhật-ký Ann Frank đã in thành sách ở Paris, nhưng không thấy bán ở Sàigòn. *Phổ-Thông* đã trích dịch đăng nhiều đoạn, có cả hình cô bé Ann Frank và bút-tích của cô (số 47 và 48).

### ✶ ô. Phạm-Diện, giáo-viên, Phú-Yên

Rắn không bao giờ có chân. « *Rắn mối* » không phải là thuộc về loài Rắn.

### ✶ Bạn Thanh-Mai, 34G Nguyễn-Du Huế

Hai chữ *C.D.* trên bảng vàng của xe Huê-kỳ, là *Corps Diplomatique* (ngoại giao đoàn).

### ✶ Cô Hoàng Thị Thu-Vân, Saigon

Bịnh mộng-tinh di-tinh, rất nhiều thanh-niên hay bị như trường hợp em cô. Nhưng đó là một chứng bịnh nội-khoa, chứ



không phải vì những lý do cô nói trong thư. Thói xấu thủ-dâm có hậu quả rất tai hại cho sức khoẻ, nhất là có thể thành bịnh ho-lao, nhưng không phải là một nguyên nhân của bịnh di-tinh, mộng-tinh. Cô nên đưa em đi Bác-sĩ giỏi, và phải chữa lâu.

### ✶ Ô. Lương-hữu-Trí, Quế-Sơn, Quảng-Nam.

● *Cánh-kiến*, là một lâm sản, có nhiều nhất ở Thượng-Lào, dùng làm sơn-mài (Laque) đóng từng lớp mỏng màu nâu.

● « Chiếc áo ấm đan bằng laine sợi, giống kiểu áo « Maillot», người ta gọi là *pullover* (tiếng Anh) chứ không phải là «*poule-vert*».

● Nếu trong nước mưa có dính bụi phóng-xạ nguyên-tử, thì nước giếng cũng có, vì mưa rớt xuống giếng.

● Chúng tôi không thể nào in lại các số P.T. cũ đã hết.

### ✶ Ô. Hòa-Thanh. Bd Lhomond Paris

Chúng tôi sẽ đặt một đại-lý ở Paris khi nào chúng tôi thấy cần thiết. Hiện nay chúng tôi chỉ gởi báo thẳng đến các bạn mua năm, Xin đa tạ cảm tình nồng hậu của ông và quý bạn của ông.

### ✶ Ô. Văn-Tuyền, Huế

Bài ông đả-kích ông Nguyễn-Hiến-Lê ở báo Bách khoa, tốt hơn là ông gởi thẳng đến báo ấy. Chúng tôi đã xem bài của ông, nhưng không đăng không phải vì « sợ mích lòng ông Nguyễn-Hiến-Lê, » nhưng chính vì chúng tôi không muốn gây cuộc bút chiến vô ích.

### ✶ Bạn Lê-Ngọc-Cương, Tân-Định

● Chữ Soudan phiên âm ra tiếng Việt là « xu-đăng ». Tốt hơn là viết đúng theo *Soudan*.

● Chữ Nga Bạn chép trong thư đó có nghĩa là *Polonia* (xứ Ba-Lan)

### ✶ Bạn J. Hoàng-Anh, Huế

Nguồn gốc cái HÔN. — Thời Thượng-cổ, bên Âu-châu, cái

hôn là dấu hiệu của sự chào nhau, đàn ông chào đàn ông, đàn bà chào đàn bà, hôn trên má. Thời Trung-cổ, đàn ông chào đàn bà, hay đàn bà chào đàn ông, cũng hôn nhau trên má. Thế-kỷ XVI, đàn bà chào đàn ông, hôn trên má. Đàn ông chào đàn bà, hôn trên miệng. Chào Vua và Giáo-Hoàng, hôn bàn chưn và bàn tay. Sau, Giáo-Hoàng Grégoire VII cho phép hôn Vua trên bàn tay, nhưng cấm hôn chưn, chỉ được hôn bàn chưn của Giáo-Hoàng thôi.

Riêng ở La-Mã, con trai con gái làm lễ đính hôn mới được phép hôn nhau ngay sau khi đeo nhẫn đính-hôn, gọi là *donatio ante nuptia*. Cấm hôn đàn bà trên miệng, trừ khi vợ chồng. Thế-kỷ XVII, các bà quý phái Pháp, do mấy bà « phu-nhân » và mấy bà Nữ-sĩ bày đặt lần đầu tiên hôn tình-nhân của mình, nhưng hôn lén vì hầu hết các bà đều có chồng. Thế-kỷ XVIII, con trai con gái yêu nhau lén-lút cũng chưa dám hôn nhau, vì Đức Giáo-Hoàng cấm. Nhưng đến Thế-kỷ XIX, phong-trào Văn-thơ Lãng-mạn được thịnh hành, trai gái hôn nhau lén-lút, rồi công-khai. Bắt đầu từ đấy, cái hôn được dần dần chính thức thành một tục-lệ riêng cho các cặp trai gái hôn nhau trên môi, không cần đợi đến lễ hỏi hay lễ cưới.

★ **Lê-Kim-Sơn, Biên-Hòa.**

Cao-Thắng chế tạo ra súng, theo kiểu súng của Pháp.

★ **Ô. Trần-Bình, Bangkok (về các bạn).**

● Chúng tôi không thể đặt đại-lý bán Phổ-Thông thường xuyên ở Thái-Lan được, vì các thể thức gửi bưu-kiện ra ngoại quốc, và ở ngoại quốc gởi tiền về, rất là phiền phức. Quý ông và kiều bào ta ở Xiêm có thể hỏi mua Phổ-Thông tại Pnom-Penh, vì ở Cambodge có đại-lý bán Phổ-Thông.

● Danh từ « *Lưu-manh* », do chữ Hán « *Lưu-dân* », những kẻ vô gia cư, vô nghệ-nghiệp. Người Tàu đọc là « *Lưu-mành* ».

*Cùng bạn yêu thơ xin đón đọc :*

**TRUYỆN CHÚNG MÌNH (tập II)**

của NHẤT-TUẤN

**Tập thơ tình cảm của lứa tuổi đôi mươi, phát-hành ngày 5-4-1962.**



## *Nhắn tin riêng với Bạn Đọc*

★ **Cụ Thắng-Nhạc Hoàng-đình-Khải :**

157 khu 5, Dinh-cư Tây-Lộc, Thành-Nội Huế.

Xin trân trọng cảm ơn bài thơ Cụ gởi chúc Tết. Bài thơ rất hay, ý-tưởng rất thanh-nhã. Xin giữ làm kỷ-niệm. Vạn tạ.

N. V.

★ **Ô. Lê-Khánh, CHRI, Banmêthuột :**

Chúng tôi muốn chấm dứt vụ « Nghi-án Lịch-sử » ấy, chính vì chúng tôi đã nhận thấy lời phát-giác của đương-sự hoàn-toàn không căn-cứ trên một tài-liệu lịch-sử nào đích-xác cả. Bạn đọc P. T. cũng vô-tư như chúng tôi, và không đòi hỏi gì hơn nữa.

★ **Ô Bích-ngọc-Linh, Huế :**

Rất tiếc tạp-chí Phổ-Thông hiện nay không còn chỗ để đăng loạt bài ông đề-nghị. Xin thành-thật cảm ơn.

★ **Ô. H.L. An-Xuyên :**

Ông nên viết thư liên-lạc trực-tiếp với các trường Mẫu-giáo thì tiện hơn, như : « Vườn trẻ Cửu-Long », 171 Hiền-Vương Sàigòn.

★ **Bạn Vũ-hoài-Lâm, Nhatrang**

Đau phổi thì phải đến Bác-sĩ rọi kiến. Rọi kiến không bị giảm thọ như người ta đồn bậy.

★ **Bạn « Penser » Dalat :**

Ông Nguyễn-khắc-Thiệu, Huế, nhờ đăng câu trả lời sau đây : « Lời nhận xét của bạn về sự sai-lầm trong truyện ngắn của tôi, rất đúng. Tôi thành thật cảm ơn bạn đã viết thư về tòa báo cho tôi biết. — Nguyễn-khắc-Thiệu, Giáo-sư, Huế ».

★ **Cô Thúy-Anh, Kiên-Giang.**

Ông Thiết-Mai, tác giả bài đăng trong P. T. 75, không phải là ô. P-v-T ngụ tại Gia-định như cô hỏi.

**Ô Vương-đức-Hà, An-Xuyên :**

Tập thơ « Nửa Mùa » chúng tôi không nhận được.

★ **Em Ng-v-Từ, Lộc-Ninh :**

Rất tiếc, nhà Báo không có công việc gì để em làm.

★ **Bạn Thanh-Tịnh, Ninh-Hòa :**

— Rất cảm ơn thư. Chắc không có dịp nào ô. N.V. đi Ninh-Hòa được.

✶ **Cô Nguyễn-thị-Diệu, Quảng-Trị :**

Tòa-soạn còn P.T. từ số 30 đến nay. Cô gởi mua bằng bưu-phiếu, hoặc bằng tem bưu-điện cũng được, đề tên ô. N. V.

✶ **Ô. A.B. Ba-Xuyên :**

Xin cảm ơn bài thơ « Nhân đọc: Minh ơi ! » của ông tặng D.H.

✶ **Ô. Xuân-Huy, Bồng-Sơn :**

Về giải thưởng Nobel, trong P.T. cũ đã có nói đến nhiều lần lắm. Xin ông tìm xem lại.

✶ **Ô. Lương-trọng-Minh, Qui-nhơn :**

Xin thành thật cảm ơn thư ông. Những chữ viết lộn cần phải cải-chính, chúng tôi đã cải-chính ngay trong các số báo kế tiếp. Bài còn nhiều quá, chúng tôi đang lựa chọn.

✶ **Chúng tôi đã nhận được bài và thơ của các bạn sau đây :**

Trần quang Sách (Trảng Bàng) — Anh Trí (Kontum) — Võ Hoàng (Quảng Trị) — Văn Phước (Quảng Ngãi) — Hồng Hoa (Quảng Ngãi) — Huyền Khanh và Tố Vượng (Qui Nhơn) — Quách ngọc Vân (An Xuyên) — Trần ngọc Cam (Bình Định) — Huỳnh minh Tấn (Nha Trang) — Thu Phong (Đà Nẵng) — Trần hoài Nguyên (Đà Nẵng) — Phước Quang (Tuy Phước) — Võ văn Bảy (k.b.c. 3318) — Hoàng cao Cung (Biên Hòa) — Nguyễn thế Giác (Bình Định) — L.M. (Saigon) — Viễn hà Nhân (Đà Nẵng) — Lê Nghị (Saigon) — Quang Đa (Long An) — Hữu Trực (Saigon) — Tân việt Quốc (Saigon) — Nguyễn anh Ngọc (Biên Hòa) — Lê công Cát (Qui Nhơn) — Lệ thùy Lam (Saigon) — Phước mộng Liên (Huế) — Nguyễn ngọc Bằng (Đà Nẵng) — Ngô lê Từ (Qui Nhơn) — Hoài Khanh (Biên Hòa) — Vĩnh Chấn (Nha Trang) — Ngô tâm Anh (Saigon) — Trần nhâm Thân (Qui Nhơn) — Trần van Giai (Huế) — N.A.L. (Phước Tuy) — Bà B. TH-Nguyễn Thạnh (Đà Nẵng) — Tống Vũ (Saigon) — Triệu hoa Đại (Đà Nẵng) — Nguyễn thị Nghiệp (Saigon) Huy Nghĩa (Tuy Hòa) — Hoàng Lang (Huế) — Dương văn Phi (Saigon) — Lê huỳnh Phương (Huế) — Thái Sơn (Đà Nẵng) — Mặc huyền Châu, Nguyễn xuân Lầu (Vĩnh Long) — Quách huệ Nhân (Vĩnh Bình) — Tùng Dinh (Quảng Đức) — Lưu Bằng (Huế) — Linh Giang (Huế) — Minh Thùy (Hòa Vang) — Nguyễn tỉ Ngư (Nha Trang) — Việt Thân (Ninh Hòa) — Hằng Vũ, Lê trung Hoa (Quảng Ngãi) — Triệu hoa Đại (Đà Nẵng) — Hoàng hoa Cương (Vĩnh Bình) — Huyền Câu (Quảng Ngãi) — Mai Danh (Cholon) — Thi Thi Hoài Mộng (Qui Nhơn) — Hoài Lan (Huế) —

*(còn nữa)*




# NĂM CỌP

# XÁ-XỊ CON CỌP

Tinh chế với rễ cây xá xị chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XỊ CON CỌP** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xị. không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguyên được mọi dược tính căn bản quý giá của rễ cây xá xị, như : giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, trừ tiêu chảy, chống bịnh suy nhược, lại thêm tính chất thơm ngon, tinh khiết, **XÁ XỊ CON CỌP** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia đình.

# DẦU TRUNG-TÂM

CHUYÊN TRỊ : Các chứng bốn mùa cảm mạo, trúng gió sổ mũi, nghẹt mũi, ăn không tiêu, no hơi sình bụng, ruột hoặc bao tử đau thắt, trẻ em đau bụng, đi xe đi tàu say sóng, và các chứng thủng độc ngoài da v.v...

**Nhà thuốc TRUNG-TÂM**

Đông Dược-Sỹ CHÂU-HIỀN-HỮU

*Số 6, Bến Lê-quang-Liêm — CHOLON*

**Trị Thận Duy Nhất chỉ có :**

# THUỐC ĐAU LƯNG

## HỒNG - NGUYÊN

Chuyên trị các chứng thận suy, đau thắt ngang lưng, đau xương, nhức gân, tay chân nhức mỏi. Có công dụng sanh tinh bổ thận, bền bỉ dẻo dai, các giới đều công nhận và khen tặng.

**Đông Dược-Sỹ kiêm Đông Y-Sỹ**

**Bà DƯƠNG-XUÂN-LANG**

Nhà thuốc và phòng mạch :

*246, Nguyễn-Hoàng — CHOLON*

Mỗi hộp 2 viên giá 20$. Các tiệm thuốc Bắc đều có bán.


Những Phật-tử muốn học đúng lời Phật dạy,

Muốn chấn hưng nền văn-hóa Phật-giáo nước nhà.

Những nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu chân lý cao thâm của Đạo Phật.

Những ai đang khao khát tìm một chỗ muốn nương tựa tinh-thần, một lý tưởng cho cuộc đời.

Những ai muốn tìm hiểu tin tức Phật-giáo nước nhà và thế giới.

**HÃY ĐỌC**

# Liên-Hoa Nguyệt-San

Do Giáo-Hội Tăng-Già toàn quốc xuất bản. Thượng-tọa THÍCH-ĐÔN-HẬU làm Chủ-nhiệm với sự cộng tác của những vị Giảng-Sư, Tăng-sĩ du học ngoại quốc và văn-nghệ-sĩ Phật tử toàn quốc.

— Có phát hành tại chùa Xá-Lợi, Ấn-Quang Saigon, các chùa Phật-giáo và các nhà Sách Phật-giáo trong nước.

Thư từ liên lạc xin đề : Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM

Tòa-Soạn LIÊN HOA 66 đường Chi-Lăng

Hộp thư 24 — Huế

**Giá mua mỗi số 10đ.**, trọn năm 12 số tại Huế : 100đ.

ngoài Huế : 120đ.

# XỔ-SỐ KIẾN-THIẾT QUỐC-GIA

GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ

TA THÊM CỦA

**LÔ ĐỘC-ĐẮC 1.000.000$**

Xổ Thứ Ba Hàng tuần

mỗi vé 10$00.

Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm



TRƯỜNG ANH-VĂN

# KHẢI-MINH

*72 Nguyễn-đình-Chiểu, Tân-Định, SAIGON*

Điện-Thoại 488

*

Đầu tháng 4 đến đầu tháng 5 — sẽ mở thêm nhiều lớp mới Hè — Đủ trình độ — Mai, — Chiều, — Tối.

*VỠ LÒNG* Anh-văn đến Lower. Proficiency.

*MẪU GIÁO* Anh-văn đến Trung-Học Anh.



Quí vị thường hay đái đêm, thận suy, đau lưng, di mộng hoạt tinh, gân cốt nhức mỏi, đầu váng mắt hoa v.v... nên thường uống :

**BỔ THẬN CHUYÊN DƯỢC**

**PHƯỚC LỘC THỌ NAM CHI BỬU**

**(Thuốc bổ của đàn ông)**

Quý Bà quý Cô khi hư huyết kém, da mặt xanh xao thân hình gầy ốm, kinh nguyệt không đều, sản hậu thiếu máu v.v... nên thường uống :

**PHỤ NỮ CHUYÊN DƯỢC**

**PHƯỚC LỘC THỌ NỮ CHI BỬU**

**(Thuốc bổ của đàn bà)**

Đông Dược-Sĩ ONG-SUNG *Số 57, Đại-lộ Khổng-tử CHOLON* ; và các tiệm thuốc Bắc ở khắp nơi đều có bán.

4 DƯỢC PHẨM CỦA BÁC-SĨ ĐẶNG-VĂN-HỒ

# MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên-bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận *rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu* (*Hypertention artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

# MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm « bằng thuốc nầy và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách « những bịnh ấy. *Bịnh khó ngủ, ngủ không êm giấc*, hay *buồn rầu* « (neurasthénie), hay xúc động (nervosité maladive), hay lo âu, tim « hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không « tỉnh táo (gâtisme) v.v..

« Thuốc nầy rất công hiệu đối với những chứng bịnh nói trên »

Ngoài ra đối với những học-sinh cần thêm sáng dạ thì thuốc nầy còn có công-dụng huyền-diệu không thuốc nào bằng.

(B. s. Đặng văn Hồ).

# COQUELUCHINE

Trị bằng thuốc nầy bịnh *Ho Gà* chỉ trong 2 tuần lễ có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến-chứng nguy-hiểm. *Coqueluchine* trị *Ho Gà* theo một nguyên-tắc hoàn-toàn mới là một thứ thuốc tiền-phong trong cách trị bịnh nầy.

# HEMOPTYSOL

Trị chứng thổ huyết rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

Nếu bịnh nhơn không còn phải sợ chứng khái huyết nhờ có thuốc **Hémoptysol** thì chắc chắn bịnh lao sẽ không còn là chứng bịnh nan-y.

**Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.**

**Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.**

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

# HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị đau gan rất công hiệu